

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội
phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn**

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BẮC KẠN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BTNMT
ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Bắc Kạn được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thị xã Bắc Kạn và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TX. là chữ viết tắt của “thị xã”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
TỈNH BẮC KẠN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Kạn gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thị xã Bắc Kạn
2	Huyện Ba Bể
3	Huyện Bạch Thông
4	Huyện Chợ Đồn
5	Huyện Chợ Mới
6	Huyện Na Rì
7	Huyện Ngân Sơn
8	Huyện Pác Nặm

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Bàn Áng	TV	P. Đức Xuân	TX. Bắc Kạn			22° 08' 27"	105° 51' 05"	22° 08' 43"	105° 50' 60"	F-48-44-D-a		
thôn Bàn Bung	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 34"	105° 47' 42"					F-48-44-D-a		
thôn Bàn Giếng	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 36"	105° 47' 42"					F-48-44-D-a		
thôn Bàn Lân	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 11' 13"	105° 47' 31"					F-48-44-D-a		
khu Cẩm 1	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 10"	105° 47' 23"					F-48-44-D-a		
núi Cao Lan	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 11' 02"	105° 48' 60"					F-48-44-D-a		
suối Cao Lan	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 11' 09"	105° 49' 09"	22° 09' 57"	105° 48' 54"	F-48-44-D-a		
cầu Dương Quang	KX	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 16"	105° 49' 16"					F-48-44-D-a		
khu Kè	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 45"	105° 48' 56"					F-48-44-D-a		
núi Khuổi Kiếp	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 25"	105° 48' 54"					F-48-44-D-a		
núi Khuổi Ngùn	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 58"	105° 48' 19"					F-48-44-D-a		
núi Khuổi Pẩu	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 11' 20"	105° 48' 27"					F-48-44-D-a		
khe Khuổi Pẩu	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 11' 37"	105° 47' 51"	22° 11' 34"	105° 47' 23"	F-48-44-D-a		
núi Khuổi Quén	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 24"	105° 49' 13"					F-48-44-D-a		
khe Kiếp	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 11' 06"	105° 48' 24"	22° 10' 57"	105° 47' 37"	F-48-44-D-a		
khu Lang	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 42"	105° 47' 15"					F-48-44-D-a		
thôn Nà Dị	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 43"	105° 48' 18"					F-48-44-D-a		
thôn Nà Ồi	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 22"	105° 49' 16"					F-48-44-D-a		
thôn Nà Pén	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 01"	105° 48' 50"					F-48-44-D-a		
thôn Nà Pét	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 22"	105° 48' 32"					F-48-44-D-a		
thôn Nà Rào	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 00"	105° 48' 22"					F-48-44-D-a		
suối Nậm Cát	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 11' 31"	105° 47' 19"	22° 09' 13"	105° 49' 41"	F-48-44-D-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khkhu Nang	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 17"	105° 46' 29"					F-48-44-D-a
suối Nóng	TV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn			22° 09' 55"	105° 46' 26"	22° 09' 23"	105° 48' 42"	F-48-44-D-a
thôn Phác Trảng	DC	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 09' 47"	105° 49' 23"					F-48-44-D-a
núi Pù Mò	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 40"	105° 46' 52"					F-48-44-D-a
núi Thôm Pén	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 10' 08"	105° 48' 09"					F-48-44-D-a
núi Thôm Toong	SV	P. Dương Quang	TX. Bắc Kạn	22° 11' 44"	105° 48' 31"					F-48-44-D-a
cầu Bắc Kạn	KX	P. Nguyễn Thị Minh Khai	TX. Bắc Kạn	22° 09' 18"	105° 50' 49"					F-48-44-D-a
cầu Pò Danh	KX	P. Nguyễn Thị Minh Khai	TX. Bắc Kạn	22° 09' 23"	105° 50' 48"					F-48-44-D-a
quốc lộ 3	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Bắc Kạn			22° 08' 22"	105° 49' 55"	22° 07' 25"	105° 50' 16"	F-48-44-D-a F-48-44-D-c
suối Bắc Kạn	TV	P. Phùng Chí Kiên	TX. Bắc Kạn			22° 07' 58"	105° 49' 60"	22° 08' 46"	105° 49' 47"	F-48-44-D-a
cầu Bản	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Bắc Kạn	22° 08' 17"	105° 49' 43"					F-48-44-D-a
đền Cô	KX	P. Phùng Chí Kiên	TX. Bắc Kạn	22° 08' 46"	105° 49' 41"					F-48-44-D-a
đường tỉnh 257	KX	P. Sông Cầu	TX. Bắc Kạn			22° 08' 22"	105° 47' 42"	22° 08' 49"	105° 49' 32"	F-48-44-D-a
cầu Khuổi Rờm	KX	P. Sông Cầu	TX. Bắc Kạn	22° 08' 52"	105° 49' 15"					F-48-44-D-a
thôn Nà Cướm	DC	P. Sông Cầu	TX. Bắc Kạn	22° 09' 21"	105° 49' 09"					F-48-44-D-a
thôn Bản Cẩu	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 28"	105° 51' 29"					F-48-44-D-a
thôn Bản Ven	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 03"	105° 51' 19"					F-48-44-D-a
suối Bệnh Viện	TV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 10' 39"	105° 50' 37"	22° 09' 20"	105° 50' 56"	F-48-44-D-a
sông Cầu	TV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 09' 08"	105° 51' 05"	22° 09' 24"	105° 52' 57"	F-48-44-D-a F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
múi Cốc Chủ	SV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 12' 20"	105° 49' 05"					F-48-44-D-a
khuổi Dùm	TV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 11' 22"	105° 49' 35"	22° 10' 39"	105° 50' 37"	F-48-44-D-a
thôn Giao Lâm	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 14"	105° 50' 40"					F-48-44-D-a
múi Khẩu Lềng	SV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 00"	105° 49' 42"					F-48-44-D-a
múi Khau Vuông	SV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 35"	105° 49' 44"					F-48-44-D-a
múi Khuổi Đăm	SV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 55"	105° 51' 27"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Dùm	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 52"	105° 50' 15"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Dùm	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 52"	105° 50' 15"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Héo	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 57"	105° 51' 18"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Lặng	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 29"	105° 50' 44"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Pái	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 08' 59"	105° 52' 34"					F-48-44-D-b
thôn Khuổi Thuồm	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 55"	105° 50' 45"					F-48-44-D-a
thôn Lâm Trường	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 45"	105° 50' 39"					F-48-44-D-a
khuổi Lặng	TV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 11' 53"	105° 49' 42"	22° 10' 39"	105° 50' 37"	F-48-44-D-a
múi Lĩnh Lý	SV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 17"	105° 50' 10"					F-48-44-D-a
khuổi Mật	TV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 10' 44"	105° 51' 24"	22° 09' 52"	105° 51' 06"	F-48-44-D-a
khau Mỏ	SV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 12' 49"	105° 48' 30"					F-48-44-D-a
thôn Nà Pài	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 11' 45"	105° 50' 31"					F-48-44-D-a
thôn Nà Pèn	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 20"	105° 49' 56"					F-48-44-D-a
suối Nà Pèn	TV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn			22° 10' 46"	105° 49' 41"	22° 09' 36"	105° 50' 19"	F-48-44-D-a
múi Năm Com	SV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 27"	105° 49' 36"					F-48-44-D-a
thôn Pá Danh	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 10' 09"	105° 50' 32"					F-48-44-D-a
múi Thiêng Phu	SV	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 12' 11"	105° 48' 37"					F-48-44-D-a
thôn Tổng Nặng	DC	xã Huyện Tụng	TX. Bắc Kạn	22° 09' 17"	105° 51' 51"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 25"	105° 50' 16"	22° 06' 56"	105° 50' 41"	F-48-44-D-c
suối Bản Rạo	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 08"	105° 49' 14"	22° 06' 53"	105° 50' 00"	F-48-44-D-c
thôn Cốc Muồng	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 12"	105° 48' 50"					F-48-44-D-c
núi Cốc Ngừ	SV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 05' 19"	105° 49' 40"					F-48-44-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 05' 38"	105° 48' 28"					F-48-44-D-c
khuổi Cuồng	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 06' 53"	105° 50' 00"	22° 06' 56"	105° 50' 41"	F-48-44-D-c
khau Dạ	SV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 06"	105° 47' 46"					F-48-44-D-c
khe Kện	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 50"	105° 50' 32"	22° 07' 15"	105° 50' 34"	F-48-44-D-a
thôn Khau Cút	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 23"	105° 48' 22"					F-48-44-D-c
suối Khau Dạ	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 18"	105° 48' 44"	22° 08' 22"	105° 49' 12"	F-48-44-D-a
thôn Khuổi Cuồng	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 58"	105° 50' 20"					F-48-44-D-c
thôn Khuổi Trang	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 07"	105° 49' 41"					F-48-44-D-c
thôn Nà Bàn	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 34"	105° 48' 43"					F-48-44-D-a
thôn Nà Choong	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 52"	105° 48' 50"					F-48-44-D-a
thôn Nà Chuông	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 23"	105° 48' 47"					F-48-44-D-c
thôn Nà Điều	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 08' 17"	105° 48' 29"					F-48-44-D-a
thôn Nà Kện	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 22"	105° 48' 40"					F-48-44-D-c
thôn Nà Nàng	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 08' 13"	105° 48' 43"					F-48-44-D-a
thôn Nà Thịnh	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 05"	105° 48' 47"					F-48-44-D-c
thôn Nà Vịt	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 58"	105° 48' 40"					F-48-44-D-c
thôn Nam Đội Thán	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 01"	105° 49' 37"					F-48-44-D-c
suối Nông Thượng	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 07' 30"	105° 47' 56"	22° 07' 29"	105° 48' 39"	F-48-44-D-c
cầu Phai Kẹc	KX	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 08' 19"	105° 49' 10"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Thành	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 06' 40"	105° 49' 34"					F-48-44-D-c
thôn Thôm Luông	DC	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 07' 23"	105° 49' 59"					F-48-44-D-c
khuổi Trang	TV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn			22° 06' 08"	105° 49' 04"	22° 06' 01"	105° 50' 16"	F-48-44-D-c
khau Vai	SV	xã Nông Thượng	TX. Bắc Kạn	22° 05' 27"	105° 50' 00"					F-48-44-D-c
quốc lộ 3	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 56"	105° 50' 41"	22° 04' 33"	105° 52' 49"	F-48-44-D-c
quốc lộ B	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 21"	105° 55' 11"	22° 04' 47"	105° 52' 46"	F-48-44-D-d
núi Ba Chồm	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 07' 02"	105° 52' 30"					F-48-44-D-d
thôn Bản Đồn 1	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 00"	105° 52' 34"					F-48-44-D-d
thôn Bản Đồn 2	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 05' 38"	105° 52' 30"					F-48-44-D-d
thôn Bản Pát (Bản Pjạt)	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 05' 20"	105° 52' 23"					F-48-44-D-c
thôn Bản Rạo	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 11"	105° 50' 56"					F-48-44-D-c
suối Bản Rạo	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 01"	105° 50' 20"	22° 05' 42"	105° 52' 23"	F-48-44-D-c
khe Ban Thác	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 50"	105° 51' 53"	22° 06' 32"	105° 51' 40"	F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 07' 43"	105° 53' 54"	22° 04' 33"	105° 52' 51"	F-48-44-D-b F-48-44-D-d
núi Co	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 07' 34"	105° 52' 16"					F-48-44-D-a
thôn Còi Mò	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 07"	105° 51' 43"					F-48-44-D-c
nậm Dắt	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 22"	105° 55' 11"	22° 06' 03"	105° 53' 41"	F-48-44-D-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 32"	105° 51' 32"					F-48-44-D-c
núi Lũng	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 03' 46"	105° 51' 27"					F-48-44-D-c
núi Lũng Duốc	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 03' 23"	105° 51' 51"					F-48-44-D-c
thôn Lũng Hoàn	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 47"	105° 51' 14"					F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Lũng Hoàn	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 07' 09"	105° 51' 04"	22° 06' 34"	105° 51' 31"	F-48-44-D-c
núi Lũng Luông	SV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 29"	105° 51' 22"					F-48-44-D-c
khuổi Ma	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 06' 43"	105° 55' 03"	22° 06' 55"	105° 53' 51"	F-48-44-D-d
thôn Mai Hiên	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 14"	105° 52' 26"					F-48-44-D-c
thôn Nà Bản	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 06' 00"	105° 52' 01"					F-48-44-D-c
khe Nà Bản	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 05' 35"	105° 51' 22"	22° 06' 02"	105° 51' 54"	F-48-44-D-c
thôn Nà Luông	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 05' 24"	105° 52' 34"					F-48-44-D-d
suối Nà Nọc	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 05' 41"	105° 55' 21"	22° 06' 11"	105° 54' 14"	F-48-44-D-d
mỏ đá Suối Viên	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 30"	105° 51' 54"					F-48-44-D-c
thôn Tân Cư	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 07' 23"	105° 51' 58"					F-48-44-D-c
cầu Thác Diêng	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 05' 10"	105° 53' 13"					F-48-44-D-d
thôn Thác Giềng	DC	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 44"	105° 52' 48"					F-48-44-D-d
khuổi Viên	TV	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn			22° 04' 08"	105° 51' 29"	22° 05' 05"	105° 52' 26"	F-48-44-D-c
nhà máy Xi măng Bắc Kạn	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 52"	105° 52' 08"					F-48-44-D-c
cầu Xuất Hóa	KX	xã Xuất Hóa	TX. Bắc Kạn	22° 04' 48"	105° 52' 48"					F-48-44-D-d
tiểu khu 1	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bè	22° 27' 06"	105° 43' 32"					F-48-44-A-b
tiểu khu 2	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bè	22° 27' 13"	105° 44' 21"					F-48-44-A-b
tiểu khu 3	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bè	22° 27' 39"	105° 44' 41"					F-48-44-A-b
tiểu khu 4	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bè	22° 27' 29"	105° 44' 18"					F-48-44-A-b
tiểu khu 5	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bè	22° 27' 35"	105° 44' 20"					F-48-44-A-b
tiểu khu 6	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bè	22° 27' 25"	105° 43' 50"					F-48-44-A-b
tiểu khu 7	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bè	22° 27' 22"	105° 43' 39"					F-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu 8	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 28"	105° 43' 29"					F-48-44-A-b
tiểu khu 9	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 39"	105° 44' 38"					F-48-44-A-b
tiểu khu 10	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 02"	105° 43' 12"					F-48-44-A-b
tiểu khu 11	DC	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 06"	105° 43' 01"					F-48-44-A-b
quốc lộ 279	KX	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể			22° 27' 46"	105° 44' 39"	22° 27' 28"	105° 45' 34"	F-48-44-A-b F-44-B-a
cầu Pắc Kô	KX	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể	22° 27' 12"	105° 43' 21"					F-48-44-A-b
suối Tả Ngề	TV	TT. Chợ Rã	H. Ba Bể			22° 27' 08"	105° 44' 19"	22° 27' 14"	105° 43' 19"	F-48-44-A-b
đường tỉnh 212	KX	xã Bành Trạch	H. Ba Bể			22° 30' 11"	105° 48' 26"	22° 27' 25"	105° 50' 29"	F-48-32-D; F-48-44-B-a
quốc lộ 279	KX	xã Bành Trạch	H. Ba Bể			22° 27' 28"	105° 45' 35"	22° 27' 03"	105° 48' 17"	F-48-44-B-a
sông Hà Hiệu	TV	xã Bành Trạch	H. Ba Bể			22° 26' 56"	105° 48' 15"	22° 28' 12"	105° 45' 58"	F-48-44-B-a
sông Năng	TV	xã Bành Trạch	H. Ba Bể			22° 32' 59"	105° 46' 37"	22° 28' 24"	105° 45' 36"	F-48-32-D; F-48-44-B-a
thôn Bán Hòn	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 17"	105° 46' 40"					F-48-44-B-a
thôn Bán Lấp	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 29' 47"	105° 46' 12"					F-48-44-B-a
thôn Cóc Đưa	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 31' 20"	105° 48' 37"					F-48-32-D
thôn Cóc Lùng	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 31' 41"	105° 47' 12"					F-48-32-D
thôn Cóc Ngán	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 28"	105° 46' 49"					F-48-44-B-a
thôn Cóc Tát	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 30' 29"	105° 46' 13"					F-48-32-D
thôn Còi Siếu	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 44"	105° 46' 31"					F-48-44-B-a
thôn Đồng Lèo	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 30' 16"	105° 47' 52"					F-48-32-D
thôn Khuổi Khét	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 29' 13"	105° 47' 47"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Km 333	KX	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 14"	105° 46' 32"					F-48-44-B-a
thôn Lũng Đięc	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 17"	105° 46' 10"					F-48-44-B-a
đèo Lũng Đięc	SV	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 27"	105° 45' 36"					F-48-44-B-a
thôn Nà Áng	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 22"	105° 47' 24"					F-48-44-B-a
thôn Nà Cài	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 32"	105° 46' 13"					F-48-44-B-a
thôn Nà Cù	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 23"	105° 47' 02"					F-48-44-B-a
thôn Nà Dụ	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 40"	105° 46' 23"					F-48-44-B-a
thôn Nà Làn	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 15"	105° 47' 31"					F-48-44-B-a
thôn Nà Nắn	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 56"	105° 46' 29"					F-48-44-B-a
thôn Nà Niếng	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 11"	105° 46' 14"					F-48-44-B-a
thôn Nà Sli	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 02"	105° 47' 55"					F-48-44-B-a
cầu Nà Sli	KX	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 27' 48"	105° 47' 44"					F-48-44-B-a
thôn Nà Tảo	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 26' 46"	105° 48' 02"					F-48-44-B-a
thôn Nà Úng	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 31"	105° 46' 19"					F-48-44-B-a
thôn Nà Vè 2	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 25' 56"	105° 47' 10"					F-48-44-B-a
thôn Pác Châm	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 15"	105° 46' 06"					F-48-44-B-a
thôn Pác Pín	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 28' 57"	105° 46' 45"					F-48-44-B-a
thôn Pàn Han	DC	xã Bành Trạch	H. Ba Bể	22° 25' 37"	105° 47' 41"					F-48-32-D
thôn Bán Cám	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 08"	105° 36' 10"					F-48-44-A
thôn Bán Phương	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 30"	105° 38' 49"					F-48-44-A-b
thôn Bán Tàu	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 53"	105° 39' 03"					F-48-44-A-b
núi Cầu Liên	SV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 48"	105° 37' 48"					F-48-44-A-b
núi Chè Vèng	SV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 24"	105° 35' 47"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Cốc Lìn	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 53"	105° 36' 53"						F-48-44-A	
thôn Cốc Mòn	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 31"	105° 37' 23"						F-48-44-A	
thôn Cốc Phát	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 03"	105° 40' 35"						F-48-44-A-b	
thôn Hin Lập	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 57"	105° 40' 12"						F-48-44-A-b	
thôn Khau Luông	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 01"	105° 35' 28"						F-48-44-A	
thôn Khuổi Hao	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 02"	105° 35' 11"						F-48-44-A	
núi Khuổi Phùng	SV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 27' 51"	105° 38' 14"						F-48-44-A-b	
thôn Khuổi Tăng	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 28"	105° 38' 43"						F-48-44-A-b	
thôn Nà khau	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 30' 10"	105° 40' 30"						F-48-32-C	
thôn Nà Siễn	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 48"	105° 36' 28"						F-48-44-A	
thôn Nậm Cẩm	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 58"	150° 40' 31"						F-48-44-A-b	
sông Năng	TV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể			22° 27' 51"	105° 38' 59"	22° 27' 28"	105° 37' 55"		F-48-44-A-b	
thôn Pá Lào	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 29' 07"	105° 37' 01"						F-48-44-A	
núi Phía Cườm (Phja Cườm)	SV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 55"	105° 37' 37"						F-48-44-A-b	
suối Tả Eng	TV	xã Cao Thượng	H. Ba Bể			22° 29' 58"	105° 39' 28"	22° 27' 55"	105° 38' 36"		F-48-44-A-b	
thôn Tọt Còn	DC	xã Cao Thượng	H. Ba Bể	22° 28' 41"	105° 35' 05"						F-48-44-A	
thôn Bản Ngụ	DC	xã Cao Trí	H. Ba Bể	22° 27' 56"	105° 42' 12"						F-48-44-A-b	
thôn Bản Phiềng	DC	xã Cao Trí	H. Ba Bể	22° 27' 04"	105° 41' 32"						F-48-44-A-b	
thôn Dài Khao	DC	xã Cao Trí	H. Ba Bể	22° 27' 23"	105° 40' 42"						F-48-44-A-b	
đèo Giả Eng	SV	xã Cao Trí	H. Ba Bể	22° 27' 08"	105° 42' 23"						F-48-44-A-b	
thôn Kéo Pụt	DC	xã Cao Trí	H. Ba Bể	22° 27' 10"	105° 41' 11"						F-48-44-A-b	
suối Khau Tầu	TV	xã Cao Trí	H. Ba Bể			22° 29' 14"	105° 41' 55"	22° 27' 42"	105° 42' 06"		F-48-44-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Chả	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 28' 43"	105° 42' 07"					F-48-44-A-b
thôn Nà Hân	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 28' 07"	105° 40' 10"					F-48-44-A-b
sông Năng	TV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể			22° 27' 34"	105° 42' 58"	22° 27' 25"	105° 40' 26"	F-48-44-A-b
núi Phía Linh (Phja Linh)	SV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 28' 57"	105° 41' 06"					F-48-44-A-b
núi Phiêng Khẻ (Phjeng Khẻ)	SV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 55"	105° 40' 27"					F-48-44-A-b
thôn Phiêng Toán (Phjeng Toán)	DC	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 27' 33"	105° 42' 37"					F-48-44-A-b
núi Xum Kheo	SV	xã Cao Trĩ	H. Ba Bể	22° 28' 10"	105° 41' 09"					F-48-44-A-b
suối Tả Cáp	TV	xã Chu Hương	H. Ba Bể			22° 21' 10"	105° 49' 09"	22° 23' 58"	105° 50' 51"	F-48-44-B-c
thôn Bản Xả	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 27"	105° 49' 43"					F-48-44-B-c
thôn Bản Hán	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 39"	105° 49' 18"					F-48-44-B-c
thôn Bản Lài	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 43"	105° 49' 28"					F-48-44-B-a
thôn Bản Lùng	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 47"	105° 49' 15"					F-48-44-B-c
thôn Bản Pục	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 23"	105° 49' 32"					F-48-44-B-c
thôn Bản Trù	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 10"	105° 48' 40"					F-48-44-B-c
suối Bản Trù	TV	xã Chu Hương	H. Ba Bể			22° 20' 50"	105° 48' 04"	22° 21' 21"	105° 49' 21"	F-48-44-B-c
suối Chu Hương	TV	xã Chu Hương	H. Ba Bể			22° 19' 39"	105° 46' 15"	22° 20' 50"	105° 48' 04"	F-48-44-B-c
thôn Đon Dài	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 09"	105° 49' 25"					F-48-44-B-a
thác Khuổi Coóng	TV	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 41"	105° 48' 55"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Ha	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 20"	105° 51' 07"					F-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kim Nhàn	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 31"	105° 49' 20"					F-48-44-B-c
thôn Lũng Miêu	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 50"	105° 49' 12"					F-48-44-B-a
thôn Nà Cà	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 20' 57"	105° 48' 02"					F-48-44-B-c
thôn Nà Đông	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 05"	105° 48' 11"					F-48-44-B-c
thôn Nà Nao	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 07"	105° 49' 31"					F-48-44-B-a
thôn Nà Ngóm	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 38"	105° 50' 22"					F-48-44-B-a
thôn Nà Phầy	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 21"	105° 49' 59"					F-48-44-B-a
thôn Nà Quang	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 18"	105° 48' 41"					F-48-44-B-a
thôn Pác Chi	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 23' 17"	105° 49' 36"					F-48-44-B-a
núi Pịa Théc (Pịa Théc)	SV	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 20' 33"	105° 45' 55"					F-48-44-B-c
thôn Phiêng Kém (Phiêng Kém)	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 22' 15"	105° 49' 46"					F-48-44-B-c
thôn Pù Mát	DC	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 12"	105° 49' 16"					F-48-44-B-c
cầu Pù Mát	KX	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 10"	105° 49' 14"					F-48-44-B-c
cầu Trù	KX	xã Chu Hương	H. Ba Bể	22° 21' 17"	105° 48' 56"					F-48-44-B-c
đường tỉnh 258	KX	xã Địa Linh	H. Ba Bể			22° 02' 09"	105° 04' 23"	22° 02' 04"	105° 04' 19"	F-48-44-A-b; F-48-44-B-a
thôn Bàn Lác	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 02"	105° 44' 24"					F-48-44-A-b
thôn Bàn Mạ	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 36"	105° 44' 16"					F-48-44-A-b
thôn Bàn Vàng	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 29"	105° 44' 40"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Cườm	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 13"	105° 44' 32"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Pái	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 23' 26"	105° 45' 11"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Hấu	TV	xã Địa Linh	H. Ba Bể			22° 23' 52"	105° 43' 20"	22° 25' 12"	105° 46' 01"	F-48-44-A-b; F-48-44-B-a
thôn Khuổi Kện	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 30"	105° 45' 37"					F-48-44-B-a
thôn Nà Áng	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 41"	105° 33' 23"					F-48-44-B-a
thôn Nà Cường	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 17"	105° 45' 54"					F-48-44-B-a
thôn Nà Lòn	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 26' 02"	105° 45' 24"					F-48-44-B-a
suối Nà Loòng	TV	xã Địa Linh	H. Ba Bể			22° 25' 06"	105° 45' 04"	22° 25' 45"	105° 45' 26"	F-48-44-B-a
thôn Nà Loòng	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 26' 13"	105° 44' 42"					F-48-44-A-b
thôn Pác Nghè	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 26' 32"	105° 44' 38"					F-48-44-A-b
núi Phía Bi Oóc (Phja Bjoóc)	SV	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 22' 44"	105° 43' 53"					F-48-44-A
thôn Tát Dại	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 26' 17"	105° 45' 11"					F-48-44-B-a
thôn Tiên Phong	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 24' 39"	105° 45' 27"					F-48-44-A-b
thôn Tông Chàm	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 16"	105° 46' 22"					F-48-44-B-a
thôn Tông Phụng	DC	xã Địa Linh	H. Ba Bể	22° 25' 29"	105° 45' 51"					F-48-44-B-a
núi Lũng Lầu	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 16' 37"	105° 46' 20"					F-48-44-B-c
thôn Bản Chán	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 30"	105° 43' 57"					F-48-44-A
thôn Cốc Coọng	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 41"	105° 45' 26"					F-48-44-A
núi Cốc Khương	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 20' 53"	105° 45' 13"					F-48-44-B-c
thôn Cốc Pháy	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 48"	105° 44' 26"					F-48-44-A
núi Đin Đăm	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 16' 28"	105° 43' 39"					F-48-44-A
thôn Khưa Quang	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 48"	105° 41' 55"					F-48-44-A
núi Khuổi Bon	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 17' 18"	105° 47' 08"					F-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khuổi Chán	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 17' 24"	105° 45' 03"	22° 18' 39"	105° 43' 32"	F-48-44-A
suối Khuổi Cọ	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 20' 02"	105° 44' 01"	22° 19' 15"	105° 43' 11"	F-48-44-A
suối Khuổi Khia	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 17' 17"	105° 45' 48"	22° 17' 24"	105° 45' 03"	F-48-44-B-c
sông Lèng	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 18' 39"	105° 43' 32"	22° 19' 48"	105° 42' 36"	F-48-44-A
khuổi Lũng Phầy	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 20' 46"	105° 45' 23"	22° 18' 32"	105° 43' 22"	F-48-44-B-c F-48-44-A
thôn Nà Bi Oóc (Nà Bjóoc)	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 10"	105° 42' 57"					F-48-44-A
thôn Nà Cà	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 04"	105° 43' 26"					F-48-44-A
thôn Nà Đứa	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 50"	105° 42' 43"					F-48-44-A
thôn Nà Khâu	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 49"	105° 43' 50"					F-48-44-A
thôn Nà Pha	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 20"	105° 43' 59"					F-48-44-A
thôn Nà Thầu	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 36"	105° 43' 15"					F-48-44-A
múi Phía Bi Oóc (Phja Bjóoc)	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 39"	105° 46' 09"					F-48-44-B-c
múi Pù Chàng	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 16' 28"	105° 45' 04"					F-48-44-B-c
múi Pù Nưa	SV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 01"	105° 45' 27"					F-48-44-A
suối Tả Lòong	TV	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể			22° 17' 26"	105° 42' 32"	22° 18' 39"	105° 45' 32"	F-48-44-A
thôn Tân Lùng	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 18' 41"	105° 45' 26"					F-48-44-B-c
thôn Tân Lướt	DC	xã Đồng Phúc	H. Ba Bể	22° 19' 17"	106° 43' 26"					F-48-44-A
thôn Bản Duống	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 19' 03"	105° 39' 58"					F-48-44-A
suối Bản Duống	TV	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể			22° 17' 53"	105° 41' 00"	22° 20' 36"	105° 39' 35"	F-48-44-A
thôn Bản Vàng	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 20' 10"	105° 38' 47"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (đô, phút, giây)	Kinh độ (đô, phút, giây)	Vĩ độ (đô, phút, giây)	Kinh độ (đô, phút, giây)	Vĩ độ (đô, phút, giây)	Kinh độ (đô, phút, giây)	
suối Bó Mần	TV	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể			22° 18' 23"	105° 41' 31"	22° 20' 10"	105° 40' 18"	F-48-44-A
thôn Coóc Mu	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 19' 54"	105° 40' 23"					F-48-44-A
thôn Nà Cọ	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 20' 05"	105° 39' 24"					F-48-44-A
thôn Nà Diều	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 18' 47"	105° 39' 36"					F-48-44-A
thôn Nà Phả	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 20' 04"	105° 39' 09"					F-48-44-A
thôn Nà Slai	DC	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể	22° 19' 02"	105° 38' 36"					F-48-44-A
suối Tang Nà	TV	xã Hoàng Trĩ	H. Ba Bể			22° 17' 42"	105° 39' 43"	22° 20' 36"	105° 39' 35"	F-48-44-A
đường tỉnh 258	KX	xã Khang Minh	H. Ba Bể			22° 25' 03"	105° 37' 44"	22° 27' 21"	105° 40' 29"	F-48-44-A-b
núi Pù Slua	SV	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 27' 07"	105° 39' 48"					F-48-44-A-b
thôn Bản Đầu	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 27"	105° 38' 58"					F-48-44-A-b
thôn Bản Nản	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 23"	105° 39' 12"					F-48-44-A-b
thôn Bản Vải	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 44"	105° 39' 47"					F-48-44-A-b
bến đò Bước Lồm	KX	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 27' 25"	105° 40' 26"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Kè	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 08"	105° 38' 53"					F-48-44-A-b
thôn Cùm Pán	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 24' 21"	105° 40' 07"					F-48-44-A-b
núi Đồn Đền	SV	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 46"	105° 40' 46"					F-48-44-A-b
thôn Khuổi Luông	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 23' 58"	105° 41' 09"					F-48-44-A-b
thôn Nà Cọ	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 24' 30"	105° 39' 34"					F-48-44-A-b
thôn Nà Khiêng	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 19"	105° 38' 40"					F-48-44-A-b
thôn Nà Làng	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 34"	105° 39' 40"					F-48-44-A-b
thôn Nà Mắm	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 10"	105° 38' 22"					F-48-44-A-b
thôn Nà Mơ	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 23"	105° 40' 04"					F-48-44-A-b
thôn Nà Ngọa	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 45"	105° 38' 50"					F-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Nà Niềm	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 26' 58"	105° 40' 15"						F-48-44-A-b	
thôn Nà Niềng	DC	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 23' 52"	105° 39' 47"						F-48-44-A-b	
núi Phía Pục (Phịa Pục)	SV	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 28' 28"	105° 39' 33"						F-48-44-A-b	
suối Tả Lầu	TV	xã Khang Minh	H. Ba Bể			22° 24' 08"	105° 41' 50"	22° 26' 44"	105° 39' 27"		F-48-44-A-b	
núi Thôm Kháp	SV	xã Khang Minh	H. Ba Bể	22° 25' 36"	105° 37' 38"						F-48-44-A-b	
đường tỉnh 258	KX	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 25"	105° 51' 07"	22° 21' 08"	105° 49' 11"		F-48-44-B-c	
thôn Bán Hậu	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 30"	105° 48' 56"						F-48-44-B-c	
suối Bán Hậu	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 19' 44"	105° 47' 16"	22° 20' 25"	105° 49' 37"		F-48-44-B-c	
thôn Bi Ốc Ve (Bjóc Ve)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 56"	105° 51' 52"						F-48-44-B-c	
suối Cam Vàng	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 28"	105° 50' 27"	22° 18' 59"	105° 50' 58"		F-48-44-B-c	
thôn Cốc Sâu	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 42"	105° 49' 34"						F-48-44-B-c	
suối Cốc Sâu	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 21' 03"	105° 50' 12"	22° 20' 27"	105° 49' 35"		F-48-44-B-c	
thôn Cốc Vác	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 56"	105° 50' 18"						F-48-44-B-c	
núi Hoa Sơn	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 09"	105° 47' 07"						F-48-44-B-c	
thôn Khau Ngòi	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 40"	105° 49' 59"						F-48-44-B-c	
núi Khưa Quang	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 08"	105° 53' 08"						F-48-44-B-d	
thôn Khuổi Khún	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 21"	105° 49' 01"						F-48-44-B-c	
núi Khuổi Lùng	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 08"	105° 48' 30"						F-48-44-B-c	
núi Khuổi Lùng	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 33"	105° 51' 14"						F-48-44-B-c	
núi Khuổi Lý	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 00"	105° 52' 32"						F-48-44-B-d	
suối Khuổi Nùng	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 29"	105° 48' 30"	22° 18' 42"	105° 49' 29"		F-48-44-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Siến	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 37"	105° 49' 43"					F-48-44-B-c
núi Khuổi Siến	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 50"	105° 52' 13"					F-48-44-B-c
suối Khuổi Siến	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 19' 17"	105° 48' 23"	22° 20' 01"	105° 49' 50"	F-48-44-B-c
sông Mỹ Phương	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 41"	105° 49' 29"	22° 21' 11"	105° 49' 09"	F-48-44-B-c
thôn Nà Áng	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 17"	105° 51' 31"					F-48-44-B-c
thôn Nà Bua	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 55"	105° 49' 53"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ca	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 10"	105° 50' 18"					F-48-44-B-c
thôn Nà Cà	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 27"	105° 48' 33"					F-48-44-B-c
thôn Nà Cạm	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 13"	105° 50' 00"					F-48-44-B-c
thôn Nà Chằm	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 52"	105° 50' 49"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ít	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 30"	105° 50' 14"					F-48-44-B-c
thôn Nà Lầu	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 09"	105° 51' 37"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ngò	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 51"	105° 49' 10"					F-48-44-B-c
thôn Nà Pao (Nà Pjao)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 37"	105° 51' 39"					F-48-44-B-c
thôn Nà Phiêng (Nà Phjêng)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 01"	105° 49' 56"					F-48-44-B-c
thôn Nà Púng	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 14"	105° 51' 45"					F-48-44-B-c
thôn Nà Vè	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 50"	105° 50' 02"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ven	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 54"	105° 49' 41"					F-48-44-B-c
suối Nậm Đàng	TV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể			22° 18' 59"	105° 50' 58"	22° 20' 34"	105° 52' 41"	F-48-44-B-c F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Luông (Phiêng Luông)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 11"	105° 52' 15"					F-48-44-B-c
thôn Phiêng Phường (Phiêng Phường)	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 34"	105° 49' 43"					F-48-44-B-c
thôn Thạch Ngõa 1	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 18' 53"	105° 50' 12"					F-48-44-B-c
thôn Thạch Ngõa 2	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 22"	105° 50' 16"					F-48-44-B-c
núi Thôm Ô	SV	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 20' 37"	105° 52' 05"					F-48-44-B-c
thôn Vằng Kheo	DC	xã Mỹ Phương	H. Ba Bể	22° 19' 36"	105° 47' 28"					F-48-44-B-c
đường tỉnh 212	KX	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 27' 25"	105° 50' 29"	22° 26' 34"	105° 50' 53"	F-48-44-B-a
quốc lộ 279	KX	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 26' 27"	105° 49' 47"	22° 24' 30"	105° 52' 01"	F-48-44-B-a
thôn Lũng Cam	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 27' 38"	105° 52' 18"					F-48-44-B-a
thôn Lũng Tráng	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 27' 22"	105° 52' 03"					F-48-44-B-a
suối Bàn Hòa	TV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 26' 36"	105° 52' 17"	22° 25' 48"	105° 50' 54"	F-48-44-B-a
thôn Bàn Mới	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 29"	105° 50' 56"					F-48-44-B-a
cầu Bàn Mới	KX	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 36"	105° 50' 51"					F-48-44-B-a
thôn Chợ Giải	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 44"	105° 50' 53"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Lót	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 05"	105° 51' 17"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Lùng	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 24' 49"	105° 50' 59"					F-48-44-B-a
thôn Đông Dăm	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 28' 05"	105° 52' 48"					F-48-44-B-b
khuổi Duồng	TV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 29' 25"	105° 54' 00"	22° 26' 08"	105° 50' 33"	F-48-44-B-a
sông Hà Hiệu	TV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 26' 12"	105° 44' 36"	22° 24' 30"	105° 52' 00"	F-48-44-B-a
thôn Khuổi Chu	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 23"	105° 51' 36"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
cầu Khuổi Duồng	KX	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 41"	105° 50' 42"							F-48-44-B-a
thôn Khuổi Liên	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 24' 52"	105° 49' 40"							F-48-44-B-a
thôn Khuổi Mẩn	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 50"	105° 51' 28"							F-48-44-B-a
thôn Khuổi Thốc	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 27' 06"	105° 50' 40"							F-48-44-B-a
khuổi Liên	TV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể			22° 24' 03"	105° 48' 55"	22° 25' 08"	105° 50' 44"			F-48-44-B-a
thôn Nà Dài	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 18"	105° 50' 17"							F-48-44-B-a
thôn Nà Hin	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 24' 39"	105° 51' 31"							F-48-44-B-a
thôn Nà Ma	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 52"	105° 50' 53"							F-48-44-B-a
thôn Nà Mèo	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 24' 59"	105° 51' 25"							F-48-44-B-a
thôn Nà Vải	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 19"	105° 50' 47"							F-48-44-B-a
núi Phía Thán (Phja Thán)	SV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 29' 44"	105° 54' 07"							F-48-44-B-b
núi Pù Cùm	SV	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 48"	105° 50' 32"							F-48-44-B-a
thôn Thảm San	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 29' 18"	105° 53' 28"							F-48-44-B-b
thôn Thôm Lặng	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 26' 05"	105° 51' 00"							F-48-44-B-a
thôn Vàng Kè	DC	xã Nà Hiệu	H. Ba Bể	22° 25' 18"	105° 51' 04"							F-48-44-B-a
hồ Ba Bể	TV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 15"	105° 36' 49"							F-48-44-A
vườn quốc gia Ba Bể	KX	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 10"	105° 37' 27"							F-48-44-A
thôn Bán Cám	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 27' 31"	105° 37' 01"							F-48-44-A
thôn Bó Lù	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 23' 55"	105° 36' 58"							F-48-44-A
suối Chợ Lặng	TV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể			22° 22' 25"	105° 38' 48"	22° 23' 34"	105° 38' 02"			F-48-44-A
thôn Cốc Tộc	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 24' 12"	105° 36' 12"							F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
múi Đán Mây	SV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 31"	105° 33' 42"					F-48-44-A
thôn Đầu Đẳng	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 27' 17"	105° 34' 19"					F-48-44-A
thôn Khau Qua	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 24' 42"	105° 34' 51"					F-48-44-A
múi Kho Cỏm	SV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 26' 42"	105° 34' 45"					F-48-44-A
thôn Nà Áng	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 27' 05"	105° 33' 29"					F-48-44-A
múi Nà Đường	SV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 26' 58"	105° 37' 21"					F-48-44-A
thôn Nà Pháy	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 24' 55"	105° 34' 41"					F-48-44-A
thôn Nặm Dài	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 39"	105° 35' 05"					F-48-44-A
sông Năng	TV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể			22° 26' 54"	105° 33' 18"	22° 27' 27"	105° 37' 55"	F-48-44-A
múi Nộc Cháp	SV	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 25' 52"	105° 34' 30"					F-48-44-A
thôn Pác Ngòi	DC	xã Nam Mẫu	H. Ba Bể	22° 23' 23"	105° 38' 08"					F-48-44-A
quốc lộ 279	KX	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 27' 03"	105° 48' 17"	22° 26' 27"	105° 49' 47"	F-48-44-B-a
khuổi Chả	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 30' 48"	105° 50' 34"	22° 29' 48"	105° 48' 39"	F-48-32-D
thôn Bán Luộc	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 37"	105° 49' 39"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Bó	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 08"	105° 51' 09"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Diên	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 21"	105° 51' 08"					F-48-44-B-a
thôn Cốc Muối	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 44"	105° 52' 50"					F-48-44-B-b
sông Hà Hiệu	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 26' 12"	105° 49' 36"	22° 26' 56"	105° 48' 15"	F-48-44-B-a
thôn Kéo Tền	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 36"	105° 50' 23"					F-48-44-B-a
thôn Khau Cà	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 30' 45"	105° 44' 53"					F-48-32-D
thôn Khuổi Liên	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 25' 21"	105° 49' 07"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Luội	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 25' 50"	105° 49' 15"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Pịa (Khuổi Pịa)	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 28' 37"	105° 50' 04"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Tầu	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 33"	105° 49' 01"					F-48-44-B-a
thôn Lũng Pầu (Lũng Pịa)	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 24' 49"	105° 48' 03"					F-48-44-B-a
suối Lũng Pầu (Lũng Pịa)	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 24' 58"	105° 48' 12"	22° 26' 13"	105° 49' 00"	F-48-44-B-a
khuổi Luội	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 24' 28"	105° 48' 45"	22° 26' 45"	105° 49' 23"	F-48-44-B-a
khuổi Mì	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 29' 57"	105° 53' 50"	22° 26' 47"	105° 49' 14"	F-48-44-B-b F-48-44-B-a
thôn Nà Đồng	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 37"	105° 48' 33"					F-48-44-B-a
thôn Nà Đuẩn	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 48"	105° 49' 54"					F-48-44-B-a
thôn Nà Hời	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 28' 11"	105° 49' 57"					F-48-44-B-a
thôn Nà Khao	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 26' 51"	105° 49' 24"					F-48-44-B-a
thôn Nà Ma	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 27"	105° 50' 22"					F-48-44-B-a
thôn Năm Hòa	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 30' 35"	105° 51' 43"					F-48-32-D
thôn Năm Pén	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 29' 23"	105° 51' 45"					F-48-44-B-a
cầu Phiêng Giản	KX	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 26' 48"	105° 49' 16"					F-48-44-B-a
thôn Phiêng Giản (Phiêng Giản)	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 26' 47"	105° 49' 11"					F-48-44-B-a
cầu Phúc Lộc I	KX	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 54"	105° 50' 08"					F-48-44-B-a
cầu Phúc Lộc II	KX	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 28' 40"	105° 50' 02"					F-48-44-B-a
khuổi Pịa (Pịa)	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 30' 50"	105° 51' 53"	22° 27' 53"	105° 50' 04"	F-48-44-B-a F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Tầu	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể			22° 29' 03"	105° 49' 15"	22° 30' 02"	105° 48' 17"	F-48-44-B-a F-48-32-D
suối Thảm Làng	TV	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể							
thôn Thiêng Diễm	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 48"	105° 50' 14"			22° 29' 17"	105° 49' 18"	F-48-44-B-a
thôn Vàng Quan	DC	xã Phúc Lộc	H. Ba Bể	22° 27' 10"	105° 48' 31"					F-48-44-B-a
thôn Bản Pác (Bản Pjác)	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 09"	105° 40' 10"					F-48-44-B-a
thôn Bản Pàn (Bản Pjàn)	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 21"	105° 40' 35"					F-48-44-A
thôn Chợ Lềng	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 51"	105° 41' 11"					F-48-44-A
núi Động Trường	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 28"	105° 39' 54"					F-48-44-A
núi Kéo Cáng Lò	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 23' 56"	105° 42' 19"					F-48-44-A
núi Làng Phai	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 17"	105° 45' 21"					F-48-44-B-c
thôn Léo Keo	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 34"	105° 40' 01"					F-48-44-A
thôn Lũng Quang	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 13"	105° 39' 04"					F-48-44-A
thôn Nà Chom	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 40"	105° 42' 04"					F-48-44-A
thôn Nà Chom	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 28"	105° 41' 33"					F-48-44-A
thôn Nà Đon	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 56"	105° 42' 08"					F-48-44-A
thôn Nà Hai	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 08"	105° 41' 48"					F-48-44-A
thôn Nà Lê	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 50"	105° 41' 23"					F-48-44-A
thôn Nà Vài	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 45"	105° 41' 20"					F-48-44-A
khuổi Phảng	TV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể			22° 20' 39"	105° 43' 50"	22° 19' 53"	105° 42' 30"	F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phía Bi Oóc (Phja Bjoóc)	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 44"	105° 43' 53"					F-48-44-A
núi Phía Dâm (Phja Dâm)	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 31"	105° 41' 51"					F-48-44-A
núi Phía Slút (Phja Slút)	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 22' 34"	105° 39' 38"					F-48-44-A
núi Pù Lì	SV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 21' 39"	105° 38' 51"					F-48-44-A
thôn Pù Lùng	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 20' 14"	105° 42' 11"					F-48-44-A
khuổi Slaos	TV	xã Quảng Khê	H. Ba Bể			22° 21' 53"	105° 43' 52"	22° 20' 37"	105° 41' 30"	F-48-44-A
thôn Tông Chảo	DC	xã Quảng Khê	H. Ba Bể	22° 19' 53"	105° 42' 37"					F-48-44-A
thôn Bán Pục	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 24' 52"	105° 41' 43"					F-48-44-A
suối Bán Pục	TV	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể			22° 25' 17"	105° 43' 19"	22° 27' 02"	105° 43' 24"	F-48-44-A-b
thôn Cốc Phát	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 01"	105° 44' 37"					F-48-44-A-b
thôn Cốc Phường	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 24"	105° 44' 45"					F-48-44-A-b
thôn Khuổi Bốc	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 14"	105° 43' 05"					F-48-44-A-b
suối Khuổi Cáp	TV	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể			22° 24' 20"	105° 42' 15"	22° 26' 24"	105° 42' 19"	F-48-44-A-b
thôn Lũng Mầu (Lũng Mjầu)	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 53"	105° 43' 17"					F-48-44-A-b
thôn Mạ Khao	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 51"	105° 43' 45"					F-48-44-A-b
thôn Nà Ché	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 12"	105° 44' 56"					F-48-44-A-b
thôn Nà Đon	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 26' 24"	105° 43' 43"					F-48-44-A-b
thôn Nà Khuổi	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 26' 19"	105° 43' 35"					F-48-44-A-b
thôn Nà Lìn	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 50"	105° 41' 44"					F-48-44-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lùng	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 35"	105° 43' 18"					F-48-44-A-b
thôn Nà Tà	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 08"	105° 44' 20"					F-48-44-A-b
thôn Nà Xăm	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	25° 25' 31"	105° 42' 50"					F-48-44-A-b
sông Năng	TV	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể			22° 27' 27"	105° 42' 35"	22° 28' 24"	105° 45' 35"	F-48-44-A-b
thôn Pác Phai	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 26' 31"	105° 42' 42"					F-48-44-A-b
thôn Pác Vạt	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 28' 12"	105° 44' 54"					F-48-44-A-b
thôn Phe Khao	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 24' 54"	105° 41' 48"					F-48-44-A-b
thôn Phia Khao (Phja Khao)	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 52"	105° 42' 47"					F-48-44-A-b
thôn Phia Mèo (Phja Mèo)	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 27' 56"	105° 43' 49"					F-48-44-A-b
thôn Phiêng Chì (Phjêng Chì)	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 27' 22"	105° 42' 50"					F-48-44-A-b
thôn Tin Đồn	DC	xã Thượng Giáo	H. Ba Bể	22° 25' 59"	105° 43' 50"					F-48-44-A-b
dãy Cứu Quốc	SV	xã Yên Dương	H. Ba Bể							F-48-44-B-c
đèo Kéo Doọc	SV	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 22' 11"	105° 48' 21"					F-48-44-B-c
thôn Bàn Lạ	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 21' 54"	105° 47' 44"					F-48-44-B-c
suối Khuổi Lịa	TV	xã Yên Dương	H. Ba Bể			22° 21' 08"	105° 46' 53"	22° 22' 23"	105° 47' 55"	F-48-44-B-c
thôn Khuổi Luôm	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 24' 50"	105° 46' 58"					F-48-44-B-a
thôn Khuổi Nhù	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 24' 07"	105° 47' 15"					F-48-44-B-a
thôn Loông Lúng	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 24' 20"	105° 47' 08"					F-48-44-B-a
thôn Nà Chứa	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 24' 06"	105° 46' 47"					F-48-44-B-a
thôn Nà Giáo	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 23' 49"	105° 47' 11"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Lầy	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 24' 36"	105° 47' 03"					F-48-44-B-a
thôn Nà Pài	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 23' 29"	105° 45' 39"					F-48-44-B-a
thôn Nà Phai	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 24' 42"	105° 46' 47"					F-48-44-B-a
thôn Nà Viên	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 23' 19"	105° 47' 27"					F-48-44-B-a
thôn Nậm Lìn	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 22' 52"	105° 47' 43"					F-48-44-B-a
suối Nậm Lìn	TV	xã Yên Dương	H. Ba Bể			22° 22' 23"	105° 47' 55"	22° 25' 01"	105° 46' 17"	F-48-44-B-a F-48-44-B-c
thôn Nậm Tóc	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 23' 02"	105° 45' 12"					F-48-44-B-a
thôn Phiêng Khăm (Phiêng Khăm)	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 21' 42"	105° 46' 30"					F-48-44-B-c
suối Phiêng Khăm (Phiêng Khăm)	TV	xã Yên Dương	H. Ba Bể			22° 21' 25"	105° 45' 20"	22° 22' 23"	105° 47' 55"	F-48-44-B-c
thôn Phiêng Muồng (Phiêng Muồng)	DC	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 22' 44"	105° 45' 42"					F-48-44-B-a
núi Thôm Phà	SV	xã Yên Dương	H. Ba Bể	22° 21' 43"	105° 45' 44"					F-48-44-B-c
phố Nà Hái	DC	TT. Phủ Thông	H. Bạch Thông	22° 15' 58"	105° 52' 48"					F-48-44-B-c
phố Ngã Ba	DC	TT. Phủ Thông	H. Bạch Thông	22° 16' 34"	105° 52' 30"					F-48-44-B-c
cầu Phủ Thông	KX	TT. Phủ Thông	H. Bạch Thông	22° 16' 28"	105° 52' 35"					F-48-44-B-d
quốc lộ 3	KX	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông			22° 13' 10"	105° 52' 19"	22° 11' 48"	105° 50' 55"	F-48-44-D-a
thôn Ba Phương	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 43"	105° 52' 37"					F-48-44-D-b
thôn Bó Bả	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 49"	105° 50' 56"					F-48-44-D-a
cầu Bó Bả	KX	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 48"	105° 50' 54"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
múi Cốc Xá	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 36"	105° 51' 53"					F-48-44-D-a
múi Còi Choọc	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 55"	105° 51' 42"					F-48-44-D-a
múi Đầu Cầu	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 26"	105° 51' 56"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Chanh	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 36"	105° 51' 43"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Dám	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 46"	105° 51' 50"					F-48-44-D-a
múi Khuổi Mật	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 11' 23"	105° 51' 20"					F-48-44-D-a
thôn Nà Cù	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 13' 05"	105° 52' 19"					F-48-44-D-a
cầu Nà Cù	KX	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 28"	105° 52' 40"					F-48-44-D-b
thôn Nà Ngăm	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 00"	105° 51' 14"					F-48-44-D-a
thôn Nà Tu	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 18"	105° 52' 37"					F-48-44-D-b
thôn Nà Xóm	DC	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 50"	105° 52' 05"					F-48-44-D-a
suối Pác Miếng	TV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông			22° 12' 18"	105° 51' 05"	22° 12' 05"	105° 52' 16"	F-48-44-D-a
suối Tà Hón	TV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông			22° 13' 08"	105° 52' 02"	22° 12' 05"	105° 52' 35"	F-48-44-D-a
múi Vằng Ngược	SV	xã Cẩm Giàng	H. Bạch Thông	22° 12' 34"	105° 51' 29"					F-48-44-D-a
khe Bàu Răng	TV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông			22° 10' 15"	105° 57' 40"	22° 10' 24"	105° 56' 32"	F-48-44-D-b
múi Bênh Đăng	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 12' 30"	105° 57' 17"					F-48-44-D-b
múi Cốc Cảnh	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 30"	105° 59' 10"					F-48-44-D-b
suối Hang Kèo	TV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông			22° 08' 31"	105° 57' 40"	22° 09' 54"	105° 56' 06"	F-48-44-D-b
múi Khao Kang	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 54"	105° 58' 01"					F-48-44-D-b
thôn Khau Cà	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 13"	105° 59' 35"					F-48-44-D-b
thôn Lũng Cháp	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 13"	106° 00' 32"					F-48-45-C-a
thôn Lũng Chuông	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 49"	106° 00' 07"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lũng Lý	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 26"	106° 00' 14"					F-48-45-C-a
núi Lũng Muồi	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 21"	105° 58' 60"					F-48-44-D-b
suối Nà Cài	TV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông			22° 11' 54"	105° 57' 17"	22° 09' 54"	105° 56' 06"	F-48-44-D-b
thôn Nà Cáy	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 23"	105° 56' 24"					F-48-44-D-b
núi Pé Tàu	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 06"	105° 56' 56"					F-48-44-D-b
núi Phe Bó	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 19"	105° 56' 05"					F-48-44-D-b
núi Sam Còi	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 18"	105° 57' 48"					F-48-44-D-b
thôn Thôm Khoan	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 28"	105° 59' 46"					F-48-44-D-b
núi Thôm Khoan	SV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 11' 60"	105° 58' 29"					F-48-44-D-b
thôn Thôm Phụ	DC	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông	22° 10' 44"	105° 58' 52"					F-48-44-D-b
suối Thôm Phụ	TV	xã Cao Sơn	H. Bạch Thông			22° 10' 32"	105° 58' 27"	22° 11' 05"	105° 59' 23"	F-48-44-D-b
thôn Bản Chiềng	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 11"	105° 45' 18"					F-48-44-D-a
suối Bản Chiềng	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 11' 41"	105° 45' 24"	22° 10' 05"	105° 46' 09"	F-48-44-D-a
thôn Bản Chịt	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 47"	105° 44' 02"					F-48-44-C
thôn Bản Đán	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 02"	105° 45' 43"					F-48-44-D-a
khau Bản Đán	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 50"	105° 46' 45"					F-48-44-D-a
thôn Bản Vén	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 36"	105° 46' 08"					F-48-44-D-a
pù Cà	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 15' 34"	105° 45' 34"					F-48-44-B-c
nậm Cắt	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 13' 41"	105° 44' 05"	22° 11' 31"	105° 47' 19"	F-48-44-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 16' 32"	105° 47' 18"					F-48-44-C
khuổi Cúm	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 09' 26"	105° 44' 02"	22° 09' 41"	105° 44' 01"	F-48-44-C
khuổi Cướp	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 14' 13"	105° 44' 59"	22° 12' 56"	105° 44' 54"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nằm Đông	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 15' 41"	105° 47' 28"	22° 14' 45"	105° 45' 18"	F-48-44-B-c F-48-44-D-a
núi Khau Cù	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 08' 46"	105° 44' 12"					F-48-44-C
núi Khuổi Dân	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 57"	105° 46' 13"					F-48-44-D-a
núi Khuổi Luông	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 13' 03"	105° 47' 41"					F-48-44-D-a
suối Khuổi Luông	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 12' 51"	105° 48' 17"	22° 12' 11"	105° 46' 32"	F-48-44-D-a
thôn Khuổi Ruồi	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 40"	105° 43' 48"					F-48-44-C
suối Khuổi Tóc	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 11' 03"	105° 42' 08"	22° 10' 13"	105° 42' 32"	F-48-44-C
núi Khuổi Vải	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 40"	105° 46' 32"					F-48-44-D-a
khuổi Lạ	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 09' 12"	105° 44' 24"	22° 09' 42"	105° 44' 24"	F-48-44-C
núi Lũng Khuông	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 03"	105° 47' 25"					F-48-44-D-a
thôn Lũng Lầu	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 15' 22"	105° 46' 55"					F-48-44-B-c
núi Lũng Mỡ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 13' 57"	105° 46' 18"					F-48-44-D-a
núi Lũng Mới	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 13' 16"	105° 45' 55"					F-48-44-D-a
pù Mỏ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 58"	105° 46' 14"					F-48-44-D-a
khuổi Mỏ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 40"	105° 47' 53"					F-48-44-D-a
thôn Nà Đán	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 50"	105° 46' 12"					F-48-44-D-a
pù Nà Han	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 30"	105° 46' 11"					F-48-44-D-a
thôn Nà Lồm	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 14' 17"	105° 45' 25"					F-48-44-D-a
suối Nà Lồm	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 15' 43"	105° 44' 49"	22° 14' 13"	105° 44' 59"	F-48-44-A F-48-44-D-a
thôn Nà Pán	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 50"	105° 44' 42"					F-48-44-C
thôn Nà Váng	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 10' 16"	105° 45' 07"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Năm Phiêng	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 14' 35"	105° 45' 25"							F-48-44-D-a
núi Pà Nà Không	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 35"	105° 46' 24"							F-48-44-D-a
núi Pác Bó	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 21"	105° 46' 29"							F-48-44-D-a
khe Pai	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông			22° 11' 39"	105° 47' 47"	22° 11' 33"	105° 47' 19"			F-48-44-D-a
núi Phia Tang (Phia Tang)	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 29"	105° 42' 13"							F-48-44-C
nậm Phiêng (Phịêng)	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông					22° 14' 45"	105° 46' 42"	22° 14' 20"	105° 45' 06"	F-48-44-D-a
núi Pù Leo	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 09"	105° 43' 00"							F-48-44-C
núi Pù Mạ	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 11' 01"	105° 45' 04"							F-48-44-D-a
khuổi Ruồi	TV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông					22° 09' 59"	105° 41' 46"	22° 10' 02"	105° 45' 23"	F-48-44-C F-48-44-D-a
pù Tai Lùng	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 16' 23"	105° 46' 13"							F-48-44-B-c
núi Tam Bông	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 06"	105° 45' 09"							F-48-44-D-a
núi Tam Poong	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 12"	105° 42' 30"							F-48-44-C
thôn Vằng Bó	DC	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 29"	105° 45' 29"							F-48-44-D-a
pù Vằng Vinh	SV	xã Đôn Phong	H. Bạch Thông	22° 12' 09"	105° 45' 53"							F-48-44-D-a
đường tỉnh 257	KX	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 20"	105° 39' 58"	22° 07' 03"	105° 44' 45"			F-48-44-C
khuổi Bắc	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 30"	105° 42' 59"	22° 07' 05"	105° 42' 58"			F-48-44-C
thôn Bản Chàn	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 32"	105° 43' 16"							F-48-44-C
thôn Bản Mún	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 07' 55"	105° 43' 34"							F-48-44-C
thôn Bản Pè	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 29"	105° 40' 16"							F-48-44-C
sông Cầu	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông					22° 07' 19"	105° 40' 01"	22° 07' 04"	105° 44' 46"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Chàn	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 06"	105° 43' 07"	22° 06' 52"	105° 43' 26"	F-48-44-C
khuổi Chạp	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 60"	105° 41' 60"	22° 06' 52"	105° 41' 34"	F-48-44-C
khuổi Cò	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 27"	105° 43' 49"	22° 06' 57"	105° 43' 41"	F-48-44-C
khuổi Cuồng	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 53"	105° 41' 28"	22° 07' 08"	105° 42' 15"	F-48-44-C
khuổi Huóp	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 32"	105° 40' 32"	22° 07' 16"	105° 40' 00"	F-48-44-C
dốc Kéo Bon	KX	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 55"	105° 43' 53"					F-48-44-C
múi Kéo Pét	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 33"	105° 39' 01"					F-48-44-C
múi Khau Bắc	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 05' 31"	105° 41' 58"					F-48-44-C
múi Khau Đăm	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 31"	105° 42' 12"					F-48-44-C
múi Khau Đăm	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 05' 32"	105° 39' 55"					F-48-44-C
thôn Khuổi Cò	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 50"	105° 43' 37"					F-48-44-C
khuổi Lềng	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 37"	105° 41' 46"	22° 06' 22"	105° 41' 07"	F-48-44-C
khuổi Mai	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 54"	105° 40' 37"	22° 06' 32"	105° 40' 53"	F-48-44-C
khuổi Mú	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 17"	105° 40' 46"	22° 06' 29"	105° 40' 41"	F-48-44-C
khuổi Mún	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 55"	105° 43' 29"	22° 07' 32"	105° 44' 00"	F-48-44-C
thôn Nà Chèn	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 07' 05"	105° 40' 08"					F-48-44-C
thôn Nà Coong	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 07' 01"	105° 42' 40"					F-48-44-C
khuổi Ngược	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 49"	105° 40' 28"	22° 06' 26"	105° 40' 37"	F-48-44-C
múi Phía Tang (Phịa Tang)	SV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 09' 16"	105° 43' 06"					F-48-44-C
khuổi Pít	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 21"	105° 42' 37"	22° 06' 59"	105° 43' 07"	F-48-44-C
khuổi Quẩn	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 07' 09"	105° 41' 16"	22° 06' 47"	105° 41' 23"	F-48-44-C
khuổi Quang	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 06' 52"	105° 39' 21"	22° 06' 29"	105° 39' 51"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Quảng	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 08' 46"	105° 43' 40"	22° 07' 55"	105° 43' 29"	F-48-44-C
khuổi Thành	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 50"	105° 40' 01"	22° 06' 23"	105° 40' 13"	F-48-44-C
suối Thôm Pùng	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông			22° 05' 42"	105° 40' 39"	22° 06' 40"	105° 41' 35"	F-48-44-C
thôn Tống Mú	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 22"	105° 40' 48"					F-48-44-C
thôn Tống Ngay	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông	22° 06' 36"	105° 41' 35"					F-48-44-C
khuổi Tuối	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông							F-48-44-C
khuổi Vải	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông					22° 07' 18"	105° 42' 36"	F-48-44-C
khuổi Vầm	TV	xã Dương Phong	H. Bạch Thông					22° 08' 34"	105° 41' 33"	F-48-44-C
thôn Vằng Ngòi	DC	xã Dương Phong	H. Bạch Thông					22° 06' 11"	105° 44' 24"	F-48-44-C
núi Ba Chạc	SV	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 07' 37"	105° 43' 48"					F-48-44-C
pù Cây	SV	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 13' 21"	105° 48' 54"					F-48-44-D-a
thôn Cốc Xá	DC	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 12' 48"	105° 50' 19"					F-48-44-D-a
thôn Đon Mỏ	DC	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 13' 08"	105° 50' 28"					F-48-44-D-a
suối Khau Ma	TV	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 13' 16"	105° 50' 42"			22° 12' 45"	105° 49' 56"	F-48-44-D-a
thôn Khuổi Thiều	DC	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 12' 04"	105° 50' 49"					F-48-44-D-a
thôn Lũng Kén	DC	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 13' 23"	105° 49' 37"					F-48-44-D-a
thôn Nà Cà	DC	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 13' 48"	105° 50' 13"					F-48-44-D-a
thôn Nà Khuổi	DC	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông	22° 13' 30"	105° 50' 38"					F-48-44-D-a
suối Tả Cải	TV	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông					22° 12' 30"	105° 50' 43"	F-48-44-D-a
suối Tả Liềng	TV	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông					22° 13' 22"	105° 49' 44"	F-48-44-D-a
khuổi Thiều	TV	xã Hà Vĩ	H. Bạch Thông					22° 12' 23"	105° 50' 10"	F-48-44-D-a
khao Vải	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 51"	105° 47' 17"					F-48-44-D-a
núi Ba Chòm	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 20"	105° 47' 21"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bàn Piềng	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 09"	105° 49' 56"					F-48-44-B-c
thôn Cao Lộc	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 18"	105° 49' 12"					F-48-44-D-a
suối Cao Lộc	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 09"	105° 49' 44"	22° 14' 22"	105° 50' 13"	F-48-44-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 57"	105° 47' 57"					F-48-44-D-a
đồi Cứu Quốc	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 56"	105° 50' 35"					F-48-44-D-a
núi Keo Cày	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 45"	105° 49' 46"					F-48-44-B-c
suối Lanh Chang	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 15' 06"	105° 50' 45"	22° 14' 05"	105° 50' 44"	F-48-44-D-c
suối Lục Bình	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 27"	105° 50' 12"	22° 13' 60"	105° 50' 49"	F-48-44-D-a
thôn Lũng Chang	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 51"	105° 49' 45"					F-48-44-D-a
suối Lũng Chang	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 40"	105° 47' 55"	22° 14' 27"	105° 50' 12"	F-48-44-D-a
thôn Nà Chuông	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 10"	105° 50' 13"					F-48-44-D-a
thôn Nà Nghịu	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 06"	105° 50' 44"					F-48-44-B-c
núi Pác Chang	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 33"	105° 49' 47"					F-48-44-D-a
núi Pịa Bi Oóc (Phịa Bjoóc)	SV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 54"	105° 47' 22"					F-48-44-D-a
suối Tả Liềng	TV	xã Lục Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 13"	105° 48' 08"	22° 14' 09"	105° 49' 44"	F-48-44-D-a
thôn Thôm Pá	DC	xã Lục Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 06"	105° 50' 56"					F-48-44-D-a
thôn Bán Chàng	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 09' 43"	105° 55' 05"					F-48-44-D-d
thôn Bán Luông	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 56"	105° 54' 07"					F-48-44-D-b
sông Cầu	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 09' 23"	105° 52' 57"	22° 07' 43"	105° 53' 54"	F-48-44-D-b
suối Chàng	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 10' 24"	105° 55' 29"	22° 09' 06"	105° 54' 35"	F-48-44-D-b
thôn Góc Thị	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 17"	105° 54' 04"					F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
múi Kéo Slao	SV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 13"	105° 53' 16"					F-48-44-D-b
thôn Khau Ca	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 31"	105° 53' 46"					F-48-44-D-b
khuổi Kheo	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 09' 54"	105° 56' 06"	22° 09' 54"	105° 55' 02"	F-48-44-D-b
khuai Khuất	SV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 00"	105° 55' 28"					F-48-44-D-b
thôn Khuổi Ai	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 10' 19"	105° 55' 01"					F-48-44-D-b
khuổi Lòong	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 07' 56"	105° 57' 39"	22° 08' 20"	105° 54' 03"	F-48-44-D-b
khuổi Miêng	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 09' 28"	105° 55' 20"	22° 09' 34"	105° 54' 60"	F-48-44-D-b
thôn Nà Cà	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 10' 16"	105° 55' 16"					F-48-44-D-b
thôn Nà Mềng		xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 09' 09"	105° 53' 25"					F-48-44-D-b
thôn Phiêng Kham (Phiêng Kham)	DC	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 09' 11"	105° 54' 32"					F-48-44-D-b
khuổi Slua	TV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông			22° 08' 43"	105° 56' 29"	22° 09' 36"	105° 56' 15"	F-48-44-D-b
khuai Tầm	SV	xã Mỹ Thanh	H. Bạch Thông	22° 08' 58"	105° 53' 01"					F-48-44-D-b
thôn Bản Quăn	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 00"	105° 53' 10"					F-48-44-D-b
suối Bản Quăn	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 12' 19"	105° 53' 44"	22° 12' 02"	105° 52' 38"	F-48-44-D-b
khuai Bao	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 36"	105° 55' 30"					F-48-44-D-b
khuổi Bóc	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 13' 45"	105° 54' 59"	22° 12' 14"	105° 54' 44"	F-48-44-D-b
suối Cầm Giảng	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 09' 27"	105° 53' 06"	22° 11' 17"	105° 53' 02"	F-48-44-D-b
thôn Càng Lò	DC	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 24"	105° 55' 37"					F-48-44-D-b
suối Chông	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 12' 36"	105° 55' 50"	22° 10' 24"	105° 55' 29"	F-48-44-D-b
múi Cốc Lùng	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 10' 39"	105° 53' 24"					F-48-44-D-b
pù Còi Choóc	SV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 05"	105° 53' 36"					F-48-44-D-b
khuổi Kén	TV	xã Nguyên Phúc	H. Bạch Thông			22° 10' 40"	105° 54' 23"	22° 10' 22"	105° 53' 32"	F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Dầm	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 14' 03"	105° 55' 11"					F-48-44-D-b
thôn Khuổi Bốc	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 16"	105° 54' 54"					F-48-44-D-b
núi Khuổi Méc	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 14' 29"	105° 54' 10"					F-48-44-D-b
pù Khuổi Mèo	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 20"	105° 53' 01"					F-48-44-D-b
núi Khuổi Nhào	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 10' 28"	105° 54' 30"					F-48-44-D-b
thôn Khuổi Ô	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 14' 35"	105° 54' 47"					F-48-44-D-b
núi Khuổi Phong	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 05"	105° 54' 37"					F-48-44-D-b
núi Lũng Duốc	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 02"	105° 56' 39"					F-48-44-D-b
khu Ma	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 58"	105° 55' 43"					F-48-44-D-b
pù Mây Có	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 54"	105° 53' 38"					F-48-44-D-b
khuổi Méc	TV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông			22° 11' 06"	105° 54' 28"	22° 11' 16"	105° 53' 02"	F-48-44-D-b
pù Min Đứt	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 22"	105° 52' 42"					F-48-44-D-b
thôn Nà Cà	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 22"	105° 53' 42"					F-48-44-D-b
thôn Nà Lốc	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 17"	105° 52' 59"					F-48-44-D-b
núi Nà Lốc	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 23"	105° 52' 07"					F-48-44-D-a
pù Nà Lộc	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 42"	105° 53' 22"					F-48-44-D-b
thôn Nà Muồng	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 10' 59"	105° 55' 12"					F-48-44-D-b
thôn Nà Ngàn	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 13' 01"	105° 53' 53"					F-48-44-D-b
thôn Nà Rào	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 11' 38"	105° 52' 55"					F-48-44-D-b
suối Nậm Bó	TV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông			22° 12' 14"	105° 54' 44"	22° 11' 27"	105° 55' 29"	F-48-44-D-b
núi Nậm Thầu	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 18"	105° 53' 24"					F-48-44-D-b
núi Nậm Trăm	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 01"	105° 54' 03"					F-48-44-D-b
thôn Nam Yên	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 11"	105° 54' 54"					F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pác Thiên	DC	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 10' 30"	105° 52' 34"					F-48-44-D-b
pù Than Bô	SV	xã Nguyễn Phúc	H. Bạch Thông	22° 12' 50"	105° 54' 25"					F-48-44-D-b
quốc lộ 3	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông			22° 17' 51"	105° 54' 13"	22° 16' 34"	105° 52' 46"	F-48-44-B-d
thôn Chi Quảng A	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 41"	105° 52' 55"					F-48-44-B-d
thôn Chi Quảng B	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 41"	105° 52' 12"					F-48-44-B-c
khuổi Cự	TV	xã Phương Linh	H. Bạch Thông			22° 18' 02"	105° 52' 47"	22° 16' 39"	105° 52' 29"	F-48-44-B-d F-48-44-B-c
cầu Đeng	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 44"	105° 52' 29"					F-48-44-B-c
thôn Đèo Giàng	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 02"	105° 53' 06"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Chả	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 19"	105° 53' 02"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Châm	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 08"	105° 52' 55"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Cự	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 20"	105° 52' 41"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Lừa	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 42"	105° 52' 08"					F-48-44-B-c
cầu Khuổi Phước	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 05"	105° 53' 09"					F-48-44-B-d
cầu Khuổi Tầu	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 17' 10"	105° 53' 17"					F-48-44-B-d
khuổi Lừa	TV	xã Phương Linh	H. Bạch Thông			22° 17' 56"	105° 51' 44"	22° 17' 39"	105° 52' 13"	F-48-44-B-c
thôn Nà Món	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 41"	105° 52' 55"					F-48-44-B-d
cầu Nà Món	KX	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 42"	105° 52' 56"					F-48-44-B-d
thôn Nà Phái	DC	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 16' 48"	105° 52' 08"					F-48-44-B-c
núi Pù Chí Vịt	SV	xã Phương Linh	H. Bạch Thông	22° 18' 22"	105° 51' 33"					F-48-44-B-c
quốc lộ 3	KX	xã Quân Bình	H. Bạch Thông			22° 13' 58"	105° 52' 21"	22° 13' 10"	105° 52' 19"	F-48-44-D-a
pù Cốc Phay	SV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 29"	105° 51' 02"					F-48-44-D-a
đồi Khuổi Luông	SV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 34"	105° 52' 42"					F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Búng	DC	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 41"	105° 51' 18"					F-48-44-D-a
núi Pù Dìa	SV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 58"	105° 51' 12"					F-48-44-D-a
núi Pù Phya Ngàn	SV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 25"	105° 51' 17"					F-48-44-D-a
thôn Thái Bình	DC	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 30"	105° 51' 54"					F-48-44-D-a
thôn Thái Bình Trường	DC	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 52"	105° 51' 29"					F-48-44-D-a
thôn Thôm Mò	DC	xã Quân Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 02"	105° 52' 05"					F-48-44-D-a
suối Vi Hương	TV	xã Quân Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 01"	105° 52' 17"	22° 13' 08"	105° 52' 02"	F-48-44-D-a
đường tỉnh 257	KX	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 08' 22"	105° 47' 42"	22° 07' 03"	105° 44' 45"	F-48-44-D-a F-48-44-C
suối Bản Lù	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 08' 31"	105° 46' 24"	22° 08' 20"	105° 47' 01"	F-48-44-D-a
khuổi Bóc	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 06' 18"	105° 47' 07"	22° 07' 56"	105° 46' 53"	F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 07' 20"	105° 44' 14"	22° 08' 25"	105° 47' 37"	F-48-44-C F-48-44-D-a
khuổi Chạp	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 06' 10"	105° 45' 10"	22° 06' 50"	105° 45' 25"	F-48-44-D-c
khuổi Cù	SV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 52"	105° 45' 34"					F-48-44-D-a
khuổi Cù	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 08' 38"	105° 45' 19"	22° 07' 40"	105° 45' 40"	F-48-44-D-a
khuổi Hiu	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 07' 39"	105° 47' 28"	22° 07' 51"	105° 46' 58"	F-48-44-D-a
núi Khau Khít	SV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 32"	105° 44' 46"					F-48-44-C
cầu Khuổi Bóc	KX	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 52"	105° 46' 55"					F-48-44-D-a
thôn Khuổi Pẩu (Khuổi Pẩu)	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 06' 50"	105° 46' 16"					F-48-44-D-c
cầu Khuổi Piều	KX	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 29"	105° 46' 15"					F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Chạp	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 06' 54"	105° 45' 32"					F-48-44-D-c
thôn Nà Đình	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 06' 47"	105° 45' 04"					F-48-44-C
thôn Nà Hìn	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 28"	105° 46' 08"					F-48-44-D-a
thôn Nà Kha	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 26"	105° 46' 16"					F-48-44-D-c
thôn Nà Lặng	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 34"	105° 46' 30"					F-48-44-D-a
thôn Nà Lịu	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 31"	105° 46' 48"					F-48-44-D-a
thôn Nà Thoi	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 30"	105° 45' 47"					F-48-44-D-a
thôn Nà Vài	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 07' 55"	105° 47' 02"					F-48-44-D-a
cầu Pác Chạp	KX	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 06' 47"	105° 45' 25"					F-48-44-D-c
thôn Phiêng An 1 (Phiêng An 1)	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 06"	105° 47' 28"					F-48-44-D-a
thôn Phiêng An 2 (Phiêng An 2)	DC	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 20"	105° 47' 06"					F-48-44-D-a
khuổi Piêu	TV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông			22° 06' 16"	105° 46' 02"	22° 07' 32"	105° 46' 15"	F-48-44-D-c
núi Thôm Pét	SV	xã Quang Thuận	H. Bạch Thông	22° 08' 25"	105° 46' 41"					F-48-44-D-a
núi Chát Tát	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 03"	105° 55' 01"					F-48-44-B-d
núi Kéo Dầm	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 18"	105° 57' 07"					F-48-44-D-b
thôn Khau Cườm	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 26"	105° 55' 55"					F-48-44-B-d
núi Khau Mực	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 17' 37"	105° 56' 20"					F-48-44-B-d
núi Khưa Quang	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 22"	105° 54' 58"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Đảng	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 26"	105° 55' 59"					F-48-44-D-b
núi Khuổi Ó	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 12"	105° 55' 28"					F-48-44-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lo Cặp	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 34"	105° 55' 16"					F-48-44-B-d
thôn Nà Cà	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 47"	105° 55' 23"					F-48-44-B-d
thôn Nà Lặng	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 55"	105° 55' 16"					F-48-44-B-d
thôn Nà Loạn	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 55"	105° 55' 52"					F-48-44-B-d
suối Nà Phia (Nà Phaja)	TV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 37"	105° 55' 52"	22° 14' 22"	105° 55' 36"	F-48-44-D-b
suối Nậm Lầu	TV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 03"	105° 56' 26"	22° 13' 39"	105° 55' 59"	F-48-44-D-b
núi Phia Lạ (Phaja Lạ)	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 20"	105° 55' 04"					F-48-44-B-d
núi Phia Ngà (Phaja Ngà)	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 15' 53"	105° 55' 44"					F-48-44-B-d
núi Phia Ngàn (Phaja Ngàn)	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 14' 45"	105° 55' 53"					F-48-44-D-b
thôn Phiêng Búng (Phịêng Búng)	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 16' 12"	105° 56' 35"					F-48-44-B-d
thôn Pù Cà	DC	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 12' 54"	105° 56' 02"					F-48-44-D-b
suối Pù Cà	TV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông			22° 14' 22"	105° 55' 36"	22° 12' 36"	105° 55' 50"	F-48-44-D-b
núi Sleng Sli	SV	xã Sỹ Bình	H. Bạch Thông	22° 13' 44"	105° 57' 03"					F-48-44-D-b
thôn 2	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 56"	105° 53' 06"					F-48-44-D-b
quốc lộ 3	KX	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 15' 22"	105° 52' 33"	22° 13' 58"	105° 52' 21"	F-48-44-B-d F-48-44-D-a
thôn 7	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 17"	105° 52' 44"					F-48-44-D-b
thôn Bản Lạnh	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 15' 00"	105° 52' 16"					F-48-44-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Pái	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 15' 08"	105° 52' 13"					F-48-44-B-c
thôn Còi Mò	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 53"	105° 52' 44"					F-48-44-D-b
suối Khuổi Kheo	TV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 14' 54"	105° 53' 35"	22° 15' 01"	105° 53' 05"	F-48-44-D-b F-48-44-B-d
suối Khuổi Mỏ	TV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 14' 28"	105° 53' 33"	22° 14' 07"	105° 52' 26"	F-48-44-D-b F-48-44-D-a
suối Khuổi Thén	TV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 15' 59"	105° 54' 06"	22° 14' 60"	105° 52' 23"	F-48-44-B-d F-48-44-D-a
thôn Một	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 15' 07"	105° 53' 13"					F-48-44-B-d
thôn Nà Hoan	DC	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 54"	105° 52' 31"					F-48-44-D-b
núi Nà Nàng	SV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông	22° 14' 06"	105° 53' 36"					F-48-44-D-b
suối Nà Tu	TV	xã Tân Tiến	H. Bạch Thông			22° 15' 22"	105° 52' 31"	22° 14' 01"	105° 52' 17"	F-48-44-B-c
thôn	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 16' 01"	105° 50' 20"					F-48-44-B-c
thôn Cốc Nao	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 16' 05"	105° 50' 06"					F-48-44-B-c
thôn Cốc Xau	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 54"	105° 51' 11"					F-48-44-B-c
thôn Nà Chia	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 43"	105° 51' 07"					F-48-44-B-c
thôn Nà Phát	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 40"	105° 52' 44"					F-48-44-B-d
thôn Nà Tà	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 16' 01"	105° 50' 38"					F-48-44-B-c
thôn Pác Kéo	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 32"	105° 51' 18"					F-48-44-B-c
thôn Quan Làng	DC	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông	22° 15' 43"	105° 52' 23"					F-48-44-B-c
suối Tả Eng	TV	xã Tú Trĩ	H. Bạch Thông			22° 16' 00"	105° 49' 60"	22° 15' 17"	105° 52' 27"	F-48-44-B-c
đường tỉnh 258	KX	xã Vi Hương	H. Bạch Thông			22° 18' 25"	105° 51' 07"	22° 17' 16"	105° 51' 43"	F-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bó Lìn	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 17"	105° 50' 38"					F-48-44-B-c
thôn Cốc Thóc	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 18' 00"	105° 50' 02"					F-48-44-B-c
thôn Địa Cát	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 42"	105° 50' 02"					F-48-44-B-c
thôn Đon Báy	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 16' 59"	105° 51' 04"					F-48-44-B-c
thôn Đon Choóc	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 16"	105° 51' 14"					F-48-44-B-c
thôn Nà Ít	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 46"	105° 50' 31"					F-48-44-B-c
thôn Nà Pái	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 30"	105° 51' 04"					F-48-44-B-c
thôn Nà Slang	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 02"	105° 51' 43"					F-48-44-B-c
thôn Phiêng Mồ	DC	xã Vi Hương	H. Bạch Thông	22° 17' 18"	105° 50' 17"					F-48-44-B-c
suối Vi Hương	TV	xã Vi Hương	H. Bạch Thông			22° 17' 04"	105° 48' 33"	22° 16' 53"	105° 52' 04"	F-48-44-B-c
thôn Choóc Vén	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 46"	105° 57' 32"					F-48-44-D-b
thôn Còi Có	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 46"	105° 57' 54"					F-48-44-D-b
thôn Còi Cói	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 22"	105° 58' 34"					F-48-44-B-d
thôn Đàng Bùn	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 25"	105° 56' 31"					F-48-44-B-d
thôn Đon Cọn	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 07"	105° 57' 36"					F-48-44-B-d
thôn Đon Quán	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 14"	105° 57' 22"					F-48-44-B-d
thôn Kéo Linh	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 22"	105° 57' 47"					F-48-44-B-d
khuổi Khoang	TV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông			22° 17' 42"	105° 56' 56"	22° 15' 37"	105° 57' 44"	F-48-44-B-d
thôn Lũng Cản	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 17' 06"	105° 57' 18"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Xiên	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 12' 54"	105° 58' 30"					F-48-44-D-b
thôn Nà Kén	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 56"	105° 57' 22"					F-48-44-D-b
thôn Nà Khoang	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 16' 01"	105° 57' 29"					F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Nà Pét	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 13' 26"	105° 58' 19"							F-48-44-D-b
núi Nậm Lầu	SV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 13' 29"	105° 57' 33"							F-48-44-D-b
núi Ngườm Liềm	SV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 25"	105° 58' 35"							F-48-44-D-b
thôn Phác Chúp	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 24"	105° 57' 18"							F-48-44-D-b
núi Phai Phác	SV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 13' 15"	105° 57' 50"							F-48-44-D-b
thôn Tân Lập	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 15' 29"	105° 57' 25"							F-48-44-B-d
thôn Tóc Lù	DC	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông	22° 14' 20"	105° 57' 40"							F-48-44-D-b
suối Vũ Muộn	TV	xã Vũ Muộn	H. Bạch Thông					22° 15' 37"	105° 57' 44"	22° 14' 29"	105° 56' 58"	F-48-44-B-d F-48-44-D-b
đường tỉnh 257	KX	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn					22° 09' 26"	105° 35' 42"	22° 10' 22"	105° 37' 34"	F-48-44-C
tổ Bản Đường	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 08' 56"	105° 36' 07"							F-48-44-C
suối Bản Đường	TV	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn					22° 11' 28"	105° 36' 02"	22° 08' 05"	105° 35' 49"	F-48-44-C
tổ Bản Tàn	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 37"	105° 34' 26"							F-48-44-C
đèo Kéo Cùn	SV	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 08' 13"	105° 36' 32"							F-48-44-C
thôn Khuổi Loỏng	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 49"	105° 35' 31"							F-48-44-C
thôn Khuổi Tráng	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 37"	105° 36' 43"							F-48-44-C
thôn Lò Vôi	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 59"	105° 35' 17"							F-48-44-C
thôn Ngựa Thồ	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 23"	105° 35' 13"							F-48-44-C
thôn Pá Ó	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 10' 11"	105° 35' 20"							F-48-44-C
thôn Pác Là	DC	TT. Chợ Đồn	H. Chợ Đồn	22° 09' 36"	105° 35' 49"							F-48-44-C
suối Bản Nhài	TV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn					22° 14' 12"	105° 30' 37"	22° 12' 43"	105° 31' 56"	F-48-44-C
thôn Bản Nhài	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 04"	105° 31' 23"							F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
thôn Bản Nhượng	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 26"	105° 29' 24"					F-48-43-D	
núi Bản Thi	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 57"	105° 30' 19"					F-48-44-C	
thôn Bản Thi	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 14' 19"	105° 30' 22"					F-48-44-C	
suối Bản Thi	TV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn				22° 12' 16"	22° 13' 03"	105° 29' 20"	F-48-43-B F-48-43-D	
thôn Chính Thi	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 14' 25"	105° 31' 08"					F-48-44-C	
thôn Đèo An	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 14' 59"	105° 32' 13"					F-48-44-C	
núi Khuổi Bốc	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 12' 32"	105° 31' 50"					F-48-44-C	
thôn Phía Khao (Phja Khao)	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 15' 40"	105° 31' 23"					F-48-44-A	
thôn Phiêng Lâm (Phiêng Lâm)	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 30"	105° 32' 02"					F-48-44-C	
núi Slam Tan	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 16' 26"	105° 30' 06"					F-48-44-A	
núi Tam Tát	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 17' 28"	105° 31' 30"					F-48-44-A	
thôn Thâm Tàu	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 14' 24"	105° 32' 17"					F-48-44-C	
núi Thăm Then	SV	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 16' 28"	105° 28' 33"					F-48-43-B	
thôn Việt Trì Ao	DC	xã Bản Thi	H. Chợ Đồn	22° 13' 33"	105° 30' 07"					F-48-44-C	
đường tỉnh 254	KX	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn				22° 05' 57"	105° 31' 43"	22° 08' 39"	105° 35' 04"	F-48-44-C
đường tỉnh 255	KX	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn				22° 06' 31"	105° 32' 51"	22° 07' 35"	105° 32' 29"	F-48-44-C
thôn Bản Lắc	DC	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 08' 46"	105° 34' 12"						F-48-44-C
thôn Bản Nhì	DC	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 06' 28"	105° 35' 25"						F-48-44-C
núi Chấn Tăng	SV	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 09' 02"	105° 33' 20"						F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Dáy	TV	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn			22° 08' 32"	105° 34' 11"	22° 06' 03"	105° 32' 10"	F-48-44-C
đèo Kéo Léch	SV	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 05' 57"	105° 31' 43"					F-48-44-C
sông Khau Cúm	TV	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn			22° 08' 32"	105° 34' 11"	22° 09' 17"	105° 34' 12"	F-48-44-C
thôn Nà Duồng	DC	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 06' 35"	105° 33' 00"					F-48-44-C
thôn Nà Khắt	KX	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 07' 50"	105° 35' 35"					F-48-44-C
thôn Nà Loọc	SV	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 07' 00"	105° 35' 53"					F-48-44-C
thôn Nà Niếng	TV	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 06' 39"	105° 35' 17"					F-48-44-C
thôn Tồng Mụ	DC	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn		105° 34' 05"					F-48-44-C
thôn Tùm Tó	DC	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 07' 17"	105° 34' 05"					F-48-44-C
cầu Tùm Tó	KX	xã Bằng Lăng	H. Chợ Đồn	22° 07' 27"	105° 34' 07"					F-48-44-C
thôn Bản Chang	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 43"	105° 40' 16"					F-48-44-A
thôn Bản Khiếu	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 45"	105° 41' 38"					F-48-44-A
thôn Bản Mản	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 13' 59"	105° 40' 24"					F-48-44-A
thôn Bản Quân	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 29"	105° 40' 55"					F-48-44-A
thôn Bản Vả	DC	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 58"	105° 41' 53"					F-48-44-A
suối Cấp Kê	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn			22° 16' 40"	105° 40' 52"	22° 16' 20"	105° 39' 14"	F-48-44-A
thôn Khuổi Cường	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 15' 53"	105° 39' 58"					F-48-44-A
thôn Nà Báy	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 15' 49"	105° 40' 19"					F-48-44-A
thôn Nà Cà	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 38"	105° 40' 41"					F-48-44-A
thôn Nà Diều	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 35"	105° 40' 05"					F-48-44-A
thôn Nà Hồng	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 48"	105° 40' 59"					F-48-44-A
thôn Nà Lạ	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 54"	105° 42' 11"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Leng	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 05"	105° 40' 30"					F-48-44-A
thôn Nà Luông	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 17' 01"	105° 42' 25"					F-48-44-A
thôn Nà Nghiêu	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 03"	105° 40' 05"					F-48-44-A
thôn Nà Pài	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 15"	105° 40' 30"					F-48-44-A
thôn Nà Pét	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 16' 14"	105° 40' 12"					F-48-44-A
núi Pịa Yêng (Pịa Yêng)	SV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn	22° 15' 43"	105° 42' 16"					F-48-44-A
suối Pò Phia (Pò Phia)	TV	xã Bằng Phúc	H. Chợ Đồn			22° 16' 40"	105° 40' 52"	22° 15' 22"	105° 38' 51"	F-48-44-A
đường tỉnh 254 A	KX	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 02' 36"	105° 32' 30"	22° 00' 51"	105° 35' 31"	F-48-44-C
thôn Bàn Ca	KX	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 02' 33"	105° 33' 58"					F-48-44-C
thôn Bàn Cha	DC	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 00' 55"	105° 31' 55"					F-48-44-C
thôn Bàn Đẳng	DC	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 26"	105° 33' 07"					F-48-44-C
cầu Bàn Đẳng	KX	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 12"	105° 33' 31"					F-48-44-C
thôn Bàn Pèo	DC	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	21° 19' 01"	105° 32' 49"					F-48-56-A
thôn Bàn Tuôm	DC	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 34"	105° 33' 07"					F-48-44-C
khuổi Chang	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 00' 01"	105° 33' 08"	22° 00' 40"	105° 32' 43"	F-48-44-C
núi Khau Hai	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	21° 57' 31"	105° 33' 14"					F-48-56-A
núi Khau Khao	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 00' 14"	105° 32' 43"					F-48-44-C
núi Khau Riêng	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 00' 23"	105° 30' 13"					F-48-44-C
thôn Khuổi Áng	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 27"	105° 32' 53"					F-48-44-C
thôn Khuổi Liên	SV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 29"	105° 34' 55"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Looc	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 01' 00"	105° 31' 07"	22° 00' 15"	105° 31' 41"	F-48-44-C
khuổi Muối	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 00' 39"	105° 30' 35"	22° 00' 14"	105° 31' 41"	F-48-44-C
thôn Mường	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	21° 59' 20"	105° 32' 28"					F-48-56-A
thôn Nà Đon	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 11"	105° 34' 52"					F-48-44-C
thôn Nà Hần	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 15"	105° 34' 26"					F-48-44-C
thôn Nà Oóc	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 07"	105° 34' 16"					F-48-44-C
thôn Nà Oóc	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 27"	105° 34' 37"					F-48-44-C
thôn Nà Phầy	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 17"	105° 34' 01"					F-48-44-C
thôn Nà Quân	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 55"	105° 34' 08"					F-48-44-C
thôn Pác Nghiên	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 02' 04"	105° 32' 56"					F-48-44-C
thôn Pác Pậu	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 18"	105° 33' 07"					F-48-44-C
thôn Pác Sló	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 19"	105° 35' 06"					F-48-44-C
sông Phó Dáy	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			22° 02' 28"	105° 32' 18"	21° 58' 06"	105° 31' 58"	F-48-44-C F-48-56-A
khuổi Pụt	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn			21° 59' 37"	105° 34' 12"	22° 01' 09"	105° 33' 01"	F-48-56-A F-48-44-C
thôn Tông Quận	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 41"	105° 34' 59"					F-48-44-C
thôn Vàng Dooc	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	21° 59' 28"	105° 32' 02"					F-48-56-A
thôn Vàng Quận	TV	xã Bình Trung	H. Chợ Đồn	22° 01' 13"	105° 32' 49"					F-48-44-C
thôn Bản Sáo	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 05' 57"	105° 37' 55"					F-48-44-C
khuổi Chém	TV	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn			22° 05' 24"	105° 39' 19"	22° 06' 02"	105° 38' 20"	F-48-44-C
sông Dáy	TV	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn			22° 07' 54"	105° 37' 16"	22° 04' 37"	105° 37' 59"	F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khau Hương	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 06' 16"	105° 38' 17"					F-48-44-C
thôn Khuổi Đứa	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 06' 36"	105° 36' 47"					F-48-44-C
thôn Nà Bá	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 07' 13"	105° 37' 12"					F-48-44-C
núi Nà Cà	SV	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 04' 55"	105° 37' 06"					F-48-44-C
thôn Nà Cóc	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 06' 32"	105° 37' 08"					F-48-44-C
thôn Nà Dả	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 08' 51"	105° 37' 48"					F-48-44-C
thôn Nà Đẻ	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 06' 00"	105° 38' 17"					F-48-44-C
thôn Nà Khảo	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 06' 40"	105° 37' 05"					F-48-44-C
thôn Nà Lá	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 06' 07"	105° 38' 10"					F-48-44-C
thôn Nà Lại	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 06' 58"	105° 37' 23"					F-48-44-C
thôn Nà Lại	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 07' 26"	105° 37' 37"					F-48-44-C
thôn Nà Làng	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 08' 43"	105° 37' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Lùng	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 08' 17"	105° 37' 01"					F-48-44-C
thôn Nà Luông	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 07' 59"	105° 37' 23"					F-48-44-C
thôn Nà Mũ	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 08' 01"	105° 37' 12"					F-48-44-C
thôn Nà Muối	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 08' 38"	105° 37' 34"					F-48-44-C
thôn Nà Ngà	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 04' 51"	105° 37' 52"					F-48-44-C
thôn Nà Nghiều	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 08' 03"	105° 37' 23"					F-48-44-C
thôn Nà Nhật	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 06' 33"	105° 37' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Pin	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 07' 06"	105° 37' 52"					F-48-44-C
thôn Nà Tả	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 09' 04"	105° 37' 59"					F-48-44-C
thôn Nà Yếu	DC	xã Đại Sáo	H. Chợ Đồn	22° 07' 58"	105° 37' 01"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pác Léo	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 12"	105° 38' 02"					F-48-44-C
thôn Pài Linh	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 07"	105° 37' 48"					F-48-44-C
khuổi Pầu	TV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn			22° 05' 20"	105° 38' 45"	22° 05' 28"	105° 38' 14"	F-48-44-C
khuổi Pè	TV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn			22° 05' 24"	105° 39' 19"	22° 06' 02"	105° 38' 20"	F-48-44-C
múi Phia Peeng (Phja Peeng)	SV	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 09' 01"	105° 36' 33"					F-48-44-C
thôn Phiêng Cà (Phjêng Cà)	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 07' 00"	105° 37' 44"					F-48-44-C
thôn Thôm Hấu	DC	xã Đại Sảo	H. Chợ Đồn	22° 06' 54"	105° 37' 41"					F-48-44-C
đường tỉnh 254	KX	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 17' 38"	105° 34' 36"	22° 21' 17"	105° 35' 28"	F-48-44-A
thôn Bàn Duồn	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 17' 51"	105° 34' 44"					F-48-44-A
thôn Bàn Trảng	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 19' 29"	105° 34' 30"					F-48-44-A
suối Chàng	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 19' 26"	105° 34' 39"	22° 20' 03"	105° 34' 18"	F-48-44-A
suối Khuổi Lạp	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 18' 25"	105° 35' 57"	22° 19' 46"	105° 35' 02"	F-48-44-A
thôn Khuổi Ó	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 13"	105° 35' 06"					F-48-44-A
suối Khuổi Vào	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 19' 07"	105° 34' 19"	22° 21' 18"	105° 35' 39"	F-48-44-A
suối Khuổi Vầu	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 16' 13"	105° 33' 00"	22° 19' 07"	105° 34' 19"	F-48-44-A
thôn Nà Áng	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 18' 28"	105° 34' 05"					F-48-44-A
thôn Nà Dấu	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 57"	105° 35' 17"					F-48-44-A
thôn Nà Lèo	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 21' 13"	105° 35' 28"					F-48-44-A
thôn Nà Ôn	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 19' 43"	105° 34' 41"					F-48-44-A
thôn Nà Pha	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 19' 07"	105° 34' 16"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Tùm	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 19"	105° 35' 24"					F-48-44-A
thôn Nà Va	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 33"	105° 35' 20"					F-48-44-A
thôn Phiêng Đén (Phiêng Đén)	DC	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 19' 09"	105° 36' 40"					F-48-44-A
dãy núi Sưa Tèo	SV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 18' 01"	105° 33' 09"					F-48-44-A
suối Tà Điếng	TV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn			22° 17' 37"	105° 34' 45"	22° 19' 07"	105° 34' 19"	F-48-44-A
núi Thôm Pán (Thôm Pán)	SV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 45"	105° 34' 07"					F-48-44-A
thôn Thôm Phả	SV	xã Đồng Lạc	H. Chợ Đồn	22° 18' 26"	105° 34' 30"					F-48-44-A
đường tỉnh 257	KX	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn			22° 09' 27"	105° 39' 37"	22° 07' 20"	105° 39' 58"	F-48-44-C
thôn Bàn Cầu	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 09' 06"	105° 40' 01"					F-48-44-C
núi Cốc Lùng	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 08"	105° 40' 51"					F-48-44-C
thôn Khau Chủ	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 25"	105° 39' 47"					F-48-44-C
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 09' 39"	105° 40' 37"					F-48-44-C
thôn Khuổi Vắc	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 09"	105° 38' 35"					F-48-44-C
thôn Khuổi Viên	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 09' 05"	105° 39' 47"					F-48-44-C
thôn Khuổi Y	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 01"	105° 38' 31"					F-48-44-C
thôn Lèo Luông	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 15"	105° 39' 58"					F-48-44-C
thôn Nà Chang	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 36"	105° 39' 18"					F-48-44-C
thôn Nà Hu	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 08' 24"	105° 40' 19"					F-48-44-C
thôn Nà Kệt	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 59"	105° 39' 18"					F-48-44-C
thôn Nà Lão	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 27"	105° 38' 28"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Mèo	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 46"	105° 39' 36"					F-48-44-C
thôn Nà Pèng	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 07' 33"	105° 38' 49"					F-48-44-C
thôn Nà Vắn	DC	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn	22° 09' 21"	105° 39' 43"					F-48-44-C
khuổi Nà Vắn	TV	xã Đông Viên	H. Chợ Đồn			22° 10' 00"	105° 40' 53"	22° 09' 03"	105° 39' 54"	F-48-44-C
thôn Bản Diều	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 06' 35"	105° 28' 30"					F-48-43-D
suối Bản Đó	TV	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn				105° 28' 24"	22° 03' 58"	105° 30' 35"	F-48-44-C F-48-43-D
thôn Bản Đó	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 03' 53"	105° 30' 14"					F-48-44-C
thôn Bản Mòn	TV	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 07' 05"	105° 30' 22"					F-48-44-C
thôn Bản Quảng	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 06' 00"	105° 29' 24"					F-48-43-D
thôn Bản Thít	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 18"	105° 30' 58"					F-48-44-C
thôn Bản Ven	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 25"	105° 30' 14"					F-48-44-C
thôn Búc Duộng	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 21"	105° 28' 12"					F-48-43-D
thôn Nà Bư	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 06' 04"	105° 29' 02"					F-48-43-D
thôn Nà Chiếm	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 06' 24"	105° 29' 28"					F-48-43-D
thôn Nà Lùng	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 49"	105° 29' 49"					F-48-43-D
thôn Nà Mường	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 04' 28"	105° 30' 14"					F-48-44-C
thôn Nà Phả	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 15"	105° 28' 48"					F-48-43-D
thôn Nà Tăng	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 47"	105° 30' 58"					F-48-44-C
núi Pù Hòn	SV	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 08' 41"	105° 30' 12"					F-48-44-C
thôn Tham Thầu	DC	xã Lương Bằng	H. Chợ Đồn	22° 05' 39"	105° 30' 25"					F-48-44-C
thôn Bản Cháy	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 11"	105° 36' 25"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bàn Lồm	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 15"	105° 38' 24"					F-48-44-A
thôn Bàn Mới	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 27"	105° 35' 53"					F-48-44-A
thôn Bàn Quá	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 12"	105° 37' 19"					F-48-44-A
thôn Cốc Lùng	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 39"	105° 36' 07"					F-48-44-A
thôn Con Poổng	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 44"	105° 36' 04"					F-48-44-A
thôn Nà Cáy	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 23"	105° 35' 24"					F-48-44-A
thôn Nà Hìn	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 23"	105° 35' 42"					F-48-44-A
thôn Nà Liên	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 52"	105° 35' 24"					F-48-44-A
thôn Nà Mèo	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 04"	105° 35' 24"					F-48-44-A
núi Nà Phồng	SV	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 22' 55"	105° 37' 33"					F-48-44-A
sông Nam Cường	TV	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn			22° 22' 49"	105° 36' 42"	22° 21' 18"	105° 35' 39"	F-48-44-A
núi Pù Luông	SV	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 34"	105° 37' 29"					F-48-44-A
núi Pù Phia Slán (Pù Phja Slán)	SV	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 20' 29"	105° 37' 28"					F-48-44-A
thôn Thôm Luông	DC	xã Nam Cường	H. Chợ Đồn	22° 21' 37"	105° 35' 28"					F-48-44-A
thôn Bàn Bằng	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 01' 48"	105° 31' 12"					F-48-44-C
thôn Bàn Lạp	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 43"	105° 32' 06"					F-48-44-C
thôn Bọt Giáy	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 05' 04"	105° 31' 19"					F-48-44-C
khuổi Dăm	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 02' 57"	105° 31' 26"	22° 03' 01"	105° 31' 47"	F-48-44-C
khuổi Đó	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 03' 58"	105° 30' 35"	22° 04' 09"	105° 31' 46"	F-48-44-C
nằm Đu	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 05' 12"	105° 31' 12"	22° 03' 55"	105° 31' 58"	F-48-44-C
thôn Khau Quán	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 57"	105° 31' 59"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khuổi Cọ	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 02' 32"	105° 30' 53"	22° 02' 28"	105° 32' 18"	F-48-44-C
thôn Khuổi Đổ	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 01' 24"	105° 30' 40"					F-48-44-C
thôn Khuổi Khít	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 05' 33"	105° 32' 38"					F-48-44-C
thôn Khuổi Lai	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 14"	105° 31' 55"					F-48-44-C
thôn Khuổi Linh	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 54"	105° 31' 26"					F-48-44-C
thôn Khuổi Tàu	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 34"	105° 31' 52"					F-48-44-C
thôn Khuổi Thôm	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 39"	105° 31' 37"					F-48-44-C
thôn Nà Cà	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 51"	105° 33' 07"					F-48-44-C
suối Nà Cà	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 04' 40"	105° 33' 35"	22° 04' 46"	105° 32' 32"	F-48-44-C
thôn Nà Chang	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 25"	105° 31' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Đáy	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 51"	105° 31' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Ėc	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 21"	105° 31' 41"					F-48-44-C
thôn Nà Kem	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 02' 46"	105° 32' 17"					F-48-44-C
thôn Nà Khản	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 16"	105° 31' 48"					F-48-44-C
cầu Nà Khản	KX	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 20"	105° 31' 46"					F-48-44-C
thôn Nà Kiên	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 35"	105° 32' 17"					F-48-44-C
thôn Nà Phẳng	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 44"	105° 31' 44"					F-48-44-C
thôn Nà Tàng	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 05' 09"	105° 31' 19"					F-48-44-C
thôn Nà Tông	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 13"	105° 31' 44"					F-48-44-C
năm Nàm	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn			22° 04' 52"	105° 32' 30"	22° 03' 55"	105° 31' 58"	F-48-44-C
hồ Nghĩa Tá	TV	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 05' 26"	105° 32' 25"					F-48-44-C
thôn Phiêng Dòa (Phiêng Dòa)	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 02"	105° 32' 06"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tác Khải	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 03' 51"	105° 31' 59"					F-48-44-C
thôn Thủy Điện	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 04' 48"	105° 32' 28"					F-48-44-C
thôn Tông Khun	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 01' 49"	105° 30' 29"					F-48-44-C
thôn Tông Nọt	DC	xã Nghĩa Tá	H. Chợ Đồn	22° 01' 37"	105° 31' 16"					F-48-44-C
núi Ba Bò	SV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 09' 47"	105° 33' 24"					F-48-44-C
thôn Bản Diệu	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 12' 22"	105° 34' 41"					F-48-44-C
thôn Bản Ôm	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 11' 18"	105° 34' 37"					F-48-44-C
thôn Bản Quân	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 13' 48"	105° 34' 12"					F-48-44-C
suối Khau Cùm	TV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn			22° 10' 09"	105° 34' 33"	22° 10' 45"	105° 34' 47"	F-48-44-C
đèo Khau Thăm	SV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 13' 23"	105° 35' 01"					F-48-44-C
thôn Lạo Dè	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 09' 56"	105° 33' 20"					F-48-44-C
khuổi Lèo	TV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn			22° 12' 29"	105° 33' 04"	22° 11' 12"	105° 34' 38"	F-48-44-C
núi Lũng Luông	SV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 13' 15"	105° 34' 04"					F-48-44-C
thôn Nà Bura	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 10' 40"	105° 34' 30"					F-48-44-C
thôn Nà Tùm	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 10' 24"	105° 34' 37"					F-48-44-C
khuổi Ném	TV	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn			22° 10' 52"	105° 33' 29"	22° 11' 07"	105° 34' 40"	F-48-44-C
thôn Phiêng Liêng (Phiêng Liêng)	DC	xã Ngọc Phái	H. Chợ Đồn	22° 11' 07"	105° 34' 55"					F-48-44-C
thôn Bản Chang	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 48"	105° 35' 10"					F-48-44-C
thôn Bản Cưa	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 05' 28"	105° 34' 10"					F-48-44-C
đèo Kéo Pút	SV	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 27"	105° 36' 24"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Xóm	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 05' 28"	105° 36' 40"					F-48-44-C
thôn Nà Chợ	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 52"	105° 35' 56"					F-48-44-C
thôn Nà Làng	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 04' 40"	105° 35' 53"					F-48-44-C
thôn Nà Mạg	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 04' 45"	105° 35' 46"					F-48-44-C
thôn Nà Tác	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 04' 10"	105° 34' 59"					F-48-44-C
thôn Pác Cộp	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 26"	105° 35' 13"					F-48-44-C
thôn Thôm Hồ	DC	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn	22° 03' 43"	105° 35' 53"					F-48-44-C
suối Vằng Hồ	TV	xã Phong Xuân	H. Chợ Đồn			22° 05' 17"	105° 35' 44"	22° 03' 06"	105° 35' 16"	F-48-44-C
đường tỉnh 257	KX	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn			22° 10' 22"	105° 37' 34"	22° 10' 27"	105° 39' 12"	F-48-44-C
thôn Bản Làn	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 10' 22"	105° 38' 38"					F-48-44-C
thôn Bản Lành	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 06"	105° 38' 10"					F-48-44-C
sông Cầu	TV	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn			22° 11' 47"	105° 37' 41"	22° 10' 28"	105° 39' 13"	F-48-44-C
thôn Choong	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 29"	105° 38' 24"					F-48-44-C
thôn Khuổi Ván	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 12' 49"	105° 39' 00"					F-48-44-C
thôn Nà Càng	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 12' 15"	105° 38' 56"					F-48-44-C
suối Nà Càng	TV	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn			22° 13' 47"	105° 39' 12"	22° 11' 16"	105° 38' 28"	F-48-44-C
thôn Nà Đon	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 12' 43"	105° 38' 24"					F-48-44-C
thôn Nà Làng	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 48"	105° 38' 42"					F-48-44-C
thôn Nà Mạn	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 10' 43"	105° 38' 49"					F-48-44-C
ngòi Sông Cầu	TV	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn			22° 12' 30"	105° 36' 18"	22° 11' 47"	105° 37' 41"	F-48-44-C
núi Thôm Pinh	SV	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 45"	105° 36' 18"					F-48-44-C
thôn Tổng Chiêu	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 53"	105° 37' 23"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tổng Lương	DC	xã Phương Viên	H. Chợ Đồn	22° 11' 46"	105° 37' 56"					F-48-44-C
đường tỉnh 254	KX	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 14' 31"	105° 33' 41"	22° 17' 38"	105° 34' 36"	F-48-44-C F-48-44-A
thôn Bản Khắt	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 07"	105° 36' 22"					F-48-44-A
thôn Bản Lác	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 15' 05"	105° 35' 17"					F-48-44-A
thôn Bản Mạ	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 17' 28"	105° 34' 37"					F-48-44-A
thôn Bó Phia (Bó Phĩa)	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 15' 21"	105° 33' 40"					F-48-44-A
núi Chè Mèn	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 15' 20"	105° 34' 26"					F-48-44-A
suối Cốc Cườm	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			2° 21' 51"	105° 35' 07"	22° 13' 30"	105° 36' 38"	F-48-44-A F-48-44-C
suối Khắt	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 16' 46"	105° 34' 56"	22° 15' 18"	105° 37' 21"	F-48-44-A
núi Khau Cưa	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 13' 24"	105° 36' 45"					F-48-44-C
núi Khau Thăm	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 33"	105° 36' 06"					F-48-44-A
thôn Khuổi Dăm	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 20"	105° 34' 34"					F-48-44-A
suối Khuổi Dăm	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 16' 00"	105° 34' 35"	22° 17' 37"	105° 34' 46"	F-48-44-A
suối Khuổi Giao	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 16' 19"	105° 34' 31"	22° 16' 02"	105° 34' 11"	F-48-44-A
thôn Khuổi Phi	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 04"	105° 34' 30"					F-48-44-A
thôn Khuổi Vùa	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 15' 05"	105° 35' 55"					F-48-44-C
khuổi Lai	TV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn			22° 03' 59"	105° 37' 15"	22° 03' 32"	105° 37' 18"	F-48-44-C
thôn Nà Nòn	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 26"	105° 34' 52"					F-48-44-A
thôn Phiêng Luông (Phịng Luông)	DC	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 53"	105° 34' 52"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pù Quếng	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 16' 08"	105° 35' 12"					F-48-44-A
núi Tam Tao	SV	xã Quảng Bạch	H. Chợ Đồn	22° 14' 16"	105° 37' 14"					F-48-44-C
thôn Bản Chối	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 10' 10"	105° 39' 29"					F-48-44-C
suối Bản Hun	TV	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn			22° 12' 34"	105° 40' 32"	22° 10' 39"	105° 39' 40"	F-48-44-C
thôn Cốc Quang	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 09' 46"	105° 39' 36"					F-48-44-C
khuổi Dà	TV	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn			22° 09' 10"	105° 38' 24"	22° 10' 06"	105° 39' 37"	F-48-44-C
thôn Kéo Háy	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 11' 32"	105° 39' 11"					F-48-44-C
thôn Kéo Nạp	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 11' 14"	105° 39' 11"					F-48-44-C
thôn Khuổi Già	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 09' 46"	105° 39' 29"					F-48-44-C
thôn Nà Cà	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 12' 20"	105° 40' 19"					F-48-44-C
suối Nà Cà	TV	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn			22° 12' 44"	105° 40' 45"	22° 12' 34"	105° 40' 32"	F-48-44-C
thôn Nà Phụng	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 11' 03"	105° 39' 43"					F-48-44-C
thôn Nà Tái	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 10' 30"	105° 39' 29"					F-48-44-C
thôn Nà Tâm	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 11' 58"	105° 40' 01"					F-48-44-C
thôn Pác Già	DC	xã Rã Bần	H. Chợ Đồn	22° 09' 58"	105° 39' 32"					F-48-44-C
thôn Bản Chang	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 02"	105° 36' 07"					F-48-44-A
thôn Bản Đięng	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 02"	105° 35' 38"					F-48-44-A
thôn Chộc Hẩu	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 12"	105° 36' 29"					F-48-44-A
khuổi Khuổi Lừa	TV	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn			22° 17' 15"	105° 36' 13"	22° 18' 27"	105° 37' 19"	F-48-44-A
thôn Khuổi Sao	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 16' 07"	105° 37' 16"					F-48-44-A
thôn Nà Cà	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 08"	105° 35' 31"					F-48-44-A
thôn Nà Chắc	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 08"	105° 35' 53"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Dầm	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 16' 57"	105° 36' 14"					F-48-44-A
thôn Nà Kèo	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 02"	105° 36' 43"					F-48-44-A
thôn Nà Lìn	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 16"	105° 36' 50"					F-48-44-A
thôn Nà Lược	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 21"	105° 36' 22"					F-48-44-A
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 16' 54"	105° 36' 07"					F-48-44-A
thôn Nà Mu	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 19"	105° 36' 11"					F-48-44-A
thôn Nà Ngàn	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 16"	105° 35' 56"					F-48-44-A
thôn Nà Sầm	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 12"	105° 38' 28"					F-48-44-A
thôn Nà Słám	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 19"	105° 37' 16"					F-48-44-A
thôn Nà Ve	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 17' 27"	105° 37' 08"					F-48-44-A
thôn Nặm Lìn	DC	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 19' 19"	105° 37' 02"					F-48-44-A
núi Pù Bung	SV	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 18' 27"	105° 37' 47"					F-48-44-A
núi Pù Ngà	SV	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn	22° 16' 47"	105° 37' 11"					F-48-44-A
suối Tả Đẳng	TV	xã Tân Lập	H. Chợ Đồn			22° 17' 05"	105° 35' 08"	22° 17' 15"	105° 37' 02"	F-48-44-A
thôn Bản Eng	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 19"	105° 31' 48"					F-48-44-A
thôn Bản He	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 23' 48"	105° 31' 55"					F-48-44-A
thôn Bản Hó	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 23' 18"	105° 31' 52"					F-48-44-A
thôn Bản Khang	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 11"	105° 33' 11"					F-48-44-A
thôn Bản Ó	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 22' 08"	105° 33' 00"					F-48-44-A
thôn Bản Puông	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 21' 42"	105° 31' 55"					F-48-44-A
thôn Bản Tum	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 57"	105° 32' 38"					F-48-44-A
dãy núi Lũng Luông	SV	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 18' 57"	105° 32' 21"					F-48-44-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Nà Dạ	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 20' 09"	105° 31' 26"							F-48-44-A
thôn Pù Lùng	DC	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn	22° 23' 56"	105° 33' 43"							F-48-44-A
sông Tà Han	TV	xã Xuân Lạc	H. Chợ Đồn			22° 19' 05"	105° 30' 24"	22° 23' 19"	105° 34' 47"			F-48-44-A
thôn Bản Dạng	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 33"	105° 41' 28"							F-48-44-C
thôn Bản Lự	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 28"	105° 37' 59"							F-48-44-C
thôn Bản Vọng	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 08"	105° 38' 28"							F-48-44-C
khuổi Cháp	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 04' 28"	105° 37' 31"	22° 04' 20"	105° 38' 00"			F-48-44-C
thôn Cốc Chao	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 21"	105° 38' 06"							F-48-44-C
thôn Còi Trang	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 02' 48"	105° 39' 04"							F-48-44-C
đèo Khau Hâu	SV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 05' 24"	105° 40' 27"							F-48-44-C
thôn Khuổi Tào	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 02' 51"	105° 39' 25"							F-48-44-C
khuổi Lai	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 32"	105° 37' 18"	22° 03' 59"	105° 37' 15"			F-48-44-C
khuổi Lùng	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 04' 40"	105° 39' 30"	22° 03' 52"	105° 38' 14"			F-48-44-C
khuổi Luộc	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 00"	105° 39' 50"	22° 03' 54"	105° 38' 31"			F-48-44-C
thôn Nà Can	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 06"	105° 39' 54"							F-48-44-C
thôn Nà Chàn	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 38"	105° 38' 13"							F-48-44-C
thôn Nà Dỏ	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 24"	105° 37' 41"							F-48-44-C
thôn Nà Kha	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 53"	105° 37' 59"							F-48-44-C
thôn Nà Lặng	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 36"	105° 39' 36"							F-48-44-C
thôn Nà Lùng	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 38"	105° 39' 00"							F-48-44-C
khuổi Nhầu	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 04' 52"	105° 38' 29"	22° 04' 12"	105° 38' 13"			F-48-44-C
thôn Pác Khoang	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 46"	105° 40' 26"							F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khuổi Pẩu	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 10"	105° 37' 52"	22° 03' 20"	105° 37' 30"	F-48-44-C		
thôn Phấn Trường	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 55"	105° 40' 12"					F-48-44-C		
thôn Phiêng Dĩa (Phiêng Dĩa)	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 33"	105° 41' 02"					F-48-44-C		
sông Phó Đáy	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 52"	105° 38' 14"	22° 03' 19"	105° 37' 24"	F-48-44-C		
thôn Pù Mòn	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 13"	105° 38' 06"					F-48-44-C		
thôn Pù Phầy	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 03' 50"	105° 38' 20"					F-48-44-C		
khuổi Tạo	TV	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn			22° 03' 05"	105° 39' 25"	22° 03' 54"	105° 38' 31"	F-48-44-C		
thôn Ùm Đon	DC	xã Yên Mỹ	H. Chợ Đồn	22° 04' 04"	105° 38' 13"					F-48-44-C		
đường tỉnh 255	KX	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn			22° 13' 43"	105° 26' 01"	22° 10' 56"	105° 29' 40"	F-48-43-D		
thôn Bàn Cầu	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 12' 06"	105° 28' 12"					F-48-43-D		
suối Bàn Cầu	TV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn			22° 12' 06"	105° 28' 47"	22° 12' 15"	105° 26' 19"	F-48-43-D		
thôn Bàn Đồn	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 05"	105° 29' 35"					F-48-43-D		
thôn Bàn Loãn	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 12' 29"	105° 27' 25"					F-48-43-D		
núi Bàn Thi	SV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 13' 17"	105° 29' 46"					F-48-43-D		
suối Bàn Thi	TV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn			22° 13' 04"	105° 29' 19"	22° 12' 06"	105° 28' 47"	F-48-43-D		
thôn Bàn Vay	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 13' 52"	105° 26' 53"					F-48-43-D		
thôn Bó Bùn	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 25"	105° 29' 42"					F-48-43-D		
thôn Bó Kè	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 12' 03"	105° 28' 59"					F-48-43-D		
thôn Bó Pét	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 46"	105° 29' 13"					F-48-43-D		
núi Khen Cáy	SV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 12' 59"	105° 26' 38"					F-48-43-D		
thôn Nà Pi Át (Nà Pját)	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 58"	105° 28' 41"					F-48-43-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Pác Cường	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 41"	105° 29' 02"							F-48-43-D
múi Pù Siêu	SV	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 16' 01"	105° 27' 04"							F-48-43-B
thôn Tông Ven	DC	xã Yên Thịnh	H. Chợ Đồn	22° 11' 26"	105° 29' 28"							F-48-43-D
đường tỉnh 254 B	KX	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 00' 51"	105° 35' 31"	22° 00' 34"	105° 35' 37"			F-48-44-C
thôn Bản Chang	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 58"	105° 36' 07"							F-48-44-C
thôn Bản Leng	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 00"	105° 36' 29"							F-48-44-C
thôn Bản Nồng	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 03"	105° 36' 43"							F-48-44-C
thôn Bản Quảng	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 03"	105° 37' 19"							F-48-44-C
thôn Bản Tầm	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 05"	105° 35' 06"							F-48-44-C
thôn Đon Mạ	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 11"	105° 37' 04"							F-48-44-C
khuổi Hiền	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 02' 36"	105° 34' 36"	22° 01' 49"	105° 35' 13"			F-48-44-C
thôn Kéo Có	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 59"	105° 37' 12"							F-48-44-C
đốc Kéo Pút	KX	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 03' 27"	105° 36' 24"							F-48-44-C
thôn Khau Toọc	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 22"	105° 35' 17"							F-48-44-C
thôn Khau Troọc	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 52"	105° 35' 13"							F-48-44-C
múi Khe Phương	SV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 28"	105° 37' 44"							F-48-44-C
khuổi Khôn	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 01' 16"	105° 37' 06"	22° 02' 03"	105° 36' 53"			F-48-44-C
thôn Khôn Tong	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 11"	105° 36' 14"							F-48-44-C
suối Khôn Tong	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 02' 04"	105° 38' 24"	22° 02' 21"	105° 36' 07"			F-48-44-C
thôn Khuổi Pục	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 13"	105° 35' 43"							F-48-44-C
múi Khuổi Toong	SV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 10"	105° 36' 42"							F-48-44-C
khuổi Lai	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 03' 32"	105° 37' 18"	22° 04' 00"	105° 37' 15"			F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Muối	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 02' 51"	105° 38' 02"	22° 02' 59"	105° 37' 06"	F-48-44-C
thôn Nà Dào	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 47"	105° 35' 20"					F-48-44-C
thôn Nà Lại	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 42"	105° 36' 14"					F-48-44-C
thôn Nà Lo	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 01' 51"	105° 35' 10"					F-48-44-C
thôn Pác Đá	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 45"	105° 36' 47"					F-48-44-C
thôn Pác Là	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 19"	105° 35' 57"					F-48-44-C
thôn Pác Toong	DC	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 02' 19"	105° 35' 56"					F-48-44-C
khe Phụng	TV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn			22° 01' 37"	105° 37' 30"	22° 02' 04"	105° 37' 06"	F-48-44-C
đèo So	SV	xã Yên Thuận	H. Chợ Đồn	22° 00' 45"	105° 35' 35"					F-48-44-C
thôn Bản Báy	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 10' 00"	105° 30' 47"					F-48-44-C
thôn Bản Liên	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 09' 20"	105° 30' 47"					F-48-44-C
thôn Che Ngủ	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 10' 43"	105° 31' 08"					F-48-44-C
suối Che Ngủ	TV	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn			22° 09' 50"	105° 31' 14"	22° 10' 59"	105° 29' 48"	F-48-44-C
suối Liên	TV	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn			22° 09' 50"	105° 31' 14"	22° 09' 20"	105° 30' 08"	F-48-44-C
thôn Nà Cà	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 10' 46"	105° 30' 07"					F-48-44-C
thôn Nà Huống	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 11' 01"	105° 30' 11"					F-48-44-C
thôn Nà Khuất	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 10' 49"	105° 29' 46"					F-48-43-D
thôn Nà Mền	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 09' 42"	105° 31' 55"					F-48-44-C
thôn Nà Mòn	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 11' 01"	105° 31' 55"					F-48-44-C
thôn Nà Nhảm	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 09' 15"	105° 32' 17"					F-48-44-C
thôn Pác Cộp	DC	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 09' 54"	105° 31' 26"					F-48-44-C
núi Pao Tao	SV	xã Yên Thượng	H. Chợ Đồn	22° 08' 39"	105° 31' 24"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
cầu Ổ Gà	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	21° 52' 58"	105° 46' 11"							F-48-56-B-a
đền Thắm	KX	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	21° 52' 45"	105° 46' 55"							F-48-56-B-a
núi Trường Bía	SV	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	21° 53' 21"	105° 46' 37"							F-48-56-B-a
Vườn Ươm	DC	TT. Chợ Mới	H. Chợ Mới	21° 53' 09"	105° 46' 45"							F-48-56-B-a
khau Tiêm	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 25"	105° 53' 47"							F-48-56-B-b
thôn Bán Mới	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 50"	105° 54' 32"							F-A-56-B-b
đèo Cắm Bé	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 18"	105° 53' 41"							F-48-56-B-b
suối Cốc Pục	TV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới			21° 56' 18"	105° 53' 55"	21° 55' 51"	105° 53' 29"			F-48-56-B-b
suối Cốc Tùm	TV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới			21° 55' 50"	105° 53' 28"	21° 54' 21"	105° 51' 55"			F-48-56-B-a
thôn Đon Cọt	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 16"	105° 54' 18"							F-A-56-B-b
núi Hang Lọ	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 28"	105° 52' 48"							F-48-56-B-b
thôn Khôn Táng	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 36"	105° 55' 44"							F-A-56-B-b
thôn Khuổi Tái	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 50"	105° 55' 16"							F-A-56-B-b
núi Mô Tổ	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 56' 05"	105° 54' 18"							F-48-56-B-b
núi Mu Tò	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 56' 11"	105° 52' 53"							F-48-56-B-b
thôn Nà Mố	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 34"	105° 54' 47"							F-A-56-B-b
núi Pắc Rát	SV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 53' 51"	105° 52' 53"							F-48-56-B-b
suối Quang Khám	TV	xã Bình Văn	H. Chợ Mới			21° 55' 42"	105° 54' 01"	21° 55' 50"	105° 53' 31"			F-48-56-B-b
thôn Tài Chang	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 40"	105° 55' 01"							F-A-56-B-b
thôn Thôm Bó	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 54' 36"	105° 54' 36"							F-A-56-B-b
thôn Thôm Thoi	DC	xã Bình Văn	H. Chợ Mới	21° 55' 12"	105° 54' 00"							F-A-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 02' 21"	105° 50' 53"	22° 00' 20"	105° 49' 46"	F-48-44-D-c
thôn Bán Phở	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 30"	105° 49' 55"					F-48-44-D-c
cầu Cao kỳ	KX	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 29"	105° 49' 28"					F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 02' 22"	105° 50' 54"	22° 00' 19"	105° 49' 47"	F-48-44-D-c
núi Chợ Mới	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	21° 59' 07"	105° 53' 48"					F-48-56-B-b
thôn Chộc Toòng (Chộc Toòng)	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 02' 02"	105° 50' 24"					F-48-44-D-c
thôn Công Tum	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 02' 13"	105° 50' 38"					F-48-44-D-c
suối Coóc	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 01' 05"	105° 50' 03"	22° 01' 01"	105° 49' 42"	F-48-44-D-c
thôn Hua Phai	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 44"	105° 50' 02"					F-48-44-D-c
thôn Khau Lôm	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 00' 04"	105° 52' 26"					F-48-44-D-c
khuổi Lò	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 00' 11"	105° 55' 20"	22° 00' 32"	105° 54' 49"	F-48-44-D-d
khau Luông	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 44"	105° 48' 20"					F-48-44-D-c
khuổi Mèn	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 01' 24"	105° 49' 14"	22° 01' 30"	105° 49' 25"	F-48-44-D-c
thôn Nà Cà	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 44"	105° 49' 30"					F-48-44-D-c
thôn Nà Ngộc	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 23"	105° 51' 40"					F-48-44-D-c
khuổi Nghen	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 01' 45"	105° 48' 41"	22° 01' 30"	105° 49' 29"	F-48-44-D-c
khau Pau	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 36"	105° 48' 24"					F-48-44-D-c
núi Phe Đeng	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 16"	105° 50' 23"					F-48-44-D-c
thôn Phiêng Cầm (Phiêng Cầm)	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 00' 22"	105° 52' 48"					F-48-44-D-d
núi Pù Khóa	SV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 02' 18"	105° 48' 22"					F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuỗi Púng	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 02' 43"	105° 49' 35"	22° 02' 07"	105° 49' 59"	F-48-44-D-c
thôn Tân Minh	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 01' 23"	105° 49' 01"					F-48-44-D-c
khuỗi Tàng	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 00' 13"	105° 51' 02"	22° 00' 34"	105° 49' 52"	F-48-44-D-c
suối Tắt Kéo	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 00' 35"	105° 54' 48"	22° 01' 30"	105° 54' 39"	F-48-44-D-d
chùa Thạch Long	KX	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 02' 26"	105° 50' 38"					F-48-44-D-c
khuỗi Thêu	TV	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới			22° 01' 26"	105° 52' 11"	22° 01' 56"	105° 49' 50"	F-48-44-D-c
thôn Tổng Slầu	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 00' 50"	105° 49' 30"					F-48-44-D-c
thôn Tổng Tàng	DC	xã Cao Kỳ	H. Chợ Mới	22° 00' 47"	105° 49' 52"					F-48-44-D-c
quốc lộ 3	KX	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới			22° 04' 31"	105° 52' 49"	22° 02' 27"	105° 50' 50"	F-48-44-D-d F-48-44-D-c
	DC	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới	22° 04' 48"	105° 50' 31"					F-48-44-D-c
khuỗi Cải	TV	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới			22° 03' 42"	105° 49' 10"	22° 03' 38"	105° 49' 40"	F-48-44-D-c
sông Cầu	TV	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới			22° 04' 32"	105° 52' 51"	22° 02' 37"	105° 51' 12"	F-48-44-D-d F-48-44-D-c
	DC	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới	22° 03' 00"	105° 50' 28"					F-48-44-D-c
núi Cốc Lùng	SV	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới	22° 03' 37"	105° 53' 20"					F-48-44-D-d
khuỗi Cuồng	TV	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới			22° 03' 50"	105° 49' 36"	22° 03' 06"	105° 50' 20"	F-48-44-D-c
thôn Giác	DC	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới	22° 02' 42"	105° 51' 36"					F-48-44-D-c
thôn Hòa Mạc	DC	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới	22° 02' 53"	105° 50' 56"					F-48-44-D-c
núi Khuổi Giác	SV	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới	22° 02' 38"	105° 52' 30"					F-48-44-D-d
thôn Khuổi Nhang	DC	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới	22° 03' 50"	105° 49' 41"					F-48-44-D-c
núi Lũng Duốc	SV	xã Hòa Mạc	H. Chợ Mới	22° 03' 46"	105° 50' 28"					F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Kim	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 52"	105° 53' 02"					F-48-44-D-d
khuổi Mịch	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 02' 58"	105° 49' 25"	22° 03' 13"	105° 49' 54"	F-48-44-D-c
thôn Mỏ Khang	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 28"	105° 54' 50"					F-48-44-D-d
núi Mu Vồm	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 39"	105° 52' 56"					F-48-44-D-d
thôn Nà Tôm	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 50"	105° 50' 53"					F-48-44-D-c
khuổi Noòng	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 03' 12"	105° 50' 36"	22° 02' 56"	105° 50' 40"	F-48-44-D-c
khuổi Phai	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 04' 35"	105° 49' 43"	22° 04' 28"	105° 50' 52"	F-48-44-D-c
núi Phiêng Khảo (Phiêng Khảo)	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 03' 49"	105° 48' 55"					F-48-44-D-c
khuổi Tác	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 03' 18"	105° 48' 59"	22° 03' 17"	105° 49' 53"	F-48-44-D-c
thôn Tân Khang	DC	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 38"	105° 51' 58"					F-48-44-D-c
suối Tát Mèo	TV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới			22° 04' 59"	105° 49' 45"	22° 02' 29"	105° 50' 56"	F-48-44-D-c
đền Thác Giềng	KX	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 04' 30"	105° 52' 48"					F-48-44-D-d
núi Toòng Quáy	SV	xã Hòa Mục	H. Chợ Mới	22° 02' 42"	105° 54' 47"					F-48-44-D-d
thôn Bán Pá	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 05"	105° 43' 30"					F-48-44-C
thôn Bán Rá	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 26"	105° 44' 46"					F-48-44-C
thôn Bán Ruộc	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 02' 46"	105° 43' 08"					F-48-44-C
khuổi Chiềng	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 03' 49"	105° 43' 39"	22° 03' 52"	105° 44' 07"	F-48-44-C
khuổi Dân	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 02' 58"	105° 44' 22"	22° 03' 54"	105° 44' 45"	F-48-44-C
khuổi Đon	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 03' 08"	105° 42' 37"		105° 43' 17"	F-48-44-C
khuổi Kang	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 04' 37"	105° 42' 14"	22° 04' 14"	105° 43' 35"	F-48-44-C
đèo Kéo Ký	SV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 20"	105° 41' 54"					F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
thôn Khau Mu	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 00"	105° 42' 04"						F-48-44-C
thôn Khau Ràng	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 19"	105° 43' 55"						F-48-44-C
khuổi Ký	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 03' 46"	105° 43' 05"	22° 04' 12"	105° 43' 35"		F-48-44-C
thôn Nà Chán	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 58"	105° 43' 19"						F-48-44-C
thôn Nà Đẳng	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 43"	105° 44' 38"						F-48-44-C
thôn Nà Hăm	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 16"	105° 44' 02"						F-48-44-C
khuổi Nà My	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 04' 18"	105° 43' 41"	22° 03' 54"	105° 44' 43"		F-48-44-C
thôn Nà Tổng	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 05"	105° 44' 13"						F-48-44-C
thôn Nà Tuồng	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 19"	105° 44' 10"						F-48-44-C
khuổi Nọt	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 05' 44"	105° 43' 39"	22° 04' 49"	105° 43' 26"		F-48-44-C
thôn Pác Cóp	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 23"	105° 43' 16"						F-48-44-C
thôn Pác Rá	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 08"	105° 44' 35"						F-48-44-C
khuổi Pậu	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 05' 21"	105° 44' 46"	22° 03' 56"	105° 44' 43"		F-48-44-C
thôn Phiêng Van (Phiêng Van)	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 04' 12"	105° 43' 30"						F-48-44-C
khuổi Rầu	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 05' 21"	105° 42' 58"	22° 04' 24"	105° 43' 39"		F-48-44-C
khuổi Tàu	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 04' 59"	105° 42' 55"	22° 04' 23"	105° 43' 37"		F-48-44-C
thôn Thố Hào	DC	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới	22° 03' 54"	105° 43' 08"						F-48-44-C
khuổi Vai	TV	xã Mai Lạp	H. Chợ Mới			22° 02' 37"	105° 41' 47"	22° 02' 35"	105° 43' 17"		F-48-44-C
cầu Bắc Rát	KX	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 19"	105° 51' 08"						F-48-56-B-a
thôn Bản Cây	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 02"	105° 51' 54"						F-A-56-B-a
thôn Bản Quát	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 20"	105° 51' 07"						F-A-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đèo Bụt	SV	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 52' 52"	105° 50' 43"						F-48-56-B-a	
núi Hin Lùng	SV	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 54' 41"	105° 48' 38"						F-48-56-B-a	
thôn Khôn Bang	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 54' 07"	105° 49' 34"						F-A-56-B-a	
thôn Khôn Tềng	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 55' 01"	105° 51' 22"						F-A-56-B-a	
thôn Khuổi Chủ	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 38"	105° 48' 40"						F-A-56-B-a	
thôn Khuổi Hóp	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 06"	105° 53' 13"						F-A-56-B-b	
cầu Khuổi Nòn	KX	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 52' 55"	105° 49' 42"						F-48-56-B-a	
núi Khuôn Slao	SV	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 12"	105° 48' 35"						F-48-56-B-a	
thôn Nà Chảo	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 02"	105° 49' 08"						F-A-56-B-a	
thôn Nà Luống	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 54' 00"	105° 51' 18"						F-A-56-B-a	
suối Nà Ngàn	TV	xã Như Cồ	H. Chợ Mới			21° 55' 43"	105° 52' 35"	21° 55' 17"	105° 51' 30"		F-48-56-B-b F-48-56-B-a	
thôn Nà Ròng	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 13"	105° 49' 01"						F-A-56-B-a	
thôn Nà Tào	DC	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 17"	105° 49' 16"						F-A-56-B-a	
suối Nhì Ca	TV	xã Như Cồ	H. Chợ Mới			21° 53' 43"	105° 50' 54"	21° 53' 40"	105° 48' 17"		F-48-56-B-a	
núi Tát Loóng	SV	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 55' 57"	105° 52' 11"						F-48-56-B-a	
cầu Trắng	KX	xã Như Cồ	H. Chợ Mới	21° 53' 12"	105° 49' 06"						F-48-56-B-a	
quốc lộ 3	KX	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			22° 00' 18"	105° 49' 43"	21° 58' 25"	105° 48' 45"		F-48-44-D-c F-48-56-B-a	
thôn Bản Tét	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 48"	105° 48' 54"						F-A-56-B-a	
thôn Cao Thánh	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	22° 00' 07"	105° 48' 36"						F-48-44-D-c	
sông Cầu	TV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			22° 00' 18"	105° 49' 46"	21° 58' 34"	105° 49' 06"		F-48-56-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hò	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 21"	105° 46' 34"					F-48-56-B-a
thôn Khe Thi 1	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 46"	105° 46' 30"					F-A-56-B-a
thôn Khe Thi 2	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 49"	105° 45' 50"					F-A-56-B-a
thôn Khe Thuồng	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 02"	105° 49' 55"					F-A-56-B-a
núi Khuổi Riêng	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 38"	105° 47' 09"					F-48-56-B-a
thôn Leo Dài	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 46"	105° 49' 05"					F-A-56-B-a
núi Mây	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 20"	105° 48' 13"					F-48-56-B-a
thôn Nà Bần	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 28"	105° 48' 54"					F-A-56-B-a
thôn Nà Bía	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 06"	105° 49' 12"					F-A-56-B-a
thôn Nà Cẩn	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 17"	105° 49' 30"					F-A-56-B-a
thôn Nà Chang	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 19"	105° 50' 46"					F-A-56-B-a
núi Nà Chang	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 30"	105° 51' 06"					F-48-56-B-a
núi Nà Chang	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 17"	105° 49' 50"					F-48-56-B-a
thôn Nà Cù	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 46"	105° 49' 30"					F-A-56-B-a
núi Nà Đon	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 56' 48"	105° 51' 57"					F-48-56-B-a
thôn Nà Mây	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 10"	105° 48' 54"					F-A-56-B-a
thôn Nà Pén	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	22° 00' 00"	105° 49' 34"					F-A-56-B-a
thôn Nà Quang	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 48"	105° 50' 38"					F-A-56-B-a
núi Noóc Mò	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 24"	105° 50' 28"					F-48-56-B-a
núi Pài Than	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 20"	105° 49' 22"					F-48-56-B-a
đèo Pút	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 34"	105° 45' 33"					F-48-56-B-a
suối Quận	TV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			22° 00' 12"	105° 48' 14"	21° 59' 54"	105° 49' 02"	F-48-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sáu Hai	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 24"	105° 49' 05"					F-A-56-B-a
cầu Sáu Hai	KX	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 39"	105° 49' 10"					F-48-56-B-a
khkhu Tang	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 47"	105° 47' 42"					F-48-56-B-a
thôn Thắm Ca	DC	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 58' 55"	105° 52' 48"					F-A-56-B-b
núi Tham Chom	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 13"	105° 51' 58"					F-48-56-B-a
kkehe Thi	TV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			21° 59' 49"	105° 46' 24"	21° 58' 25"	105° 48' 44"	F-48-56-B-a
kkehe Thuổng	TV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới			21° 57' 47"	105° 51' 30"	21° 59' 26"	105° 49' 15"	F-48-56-B-a
núi Tum Bu	SV	xã Nông Hạ	H. Chợ Mới	21° 59' 51"	105° 50' 21"					F-48-56-B-a
thôn Bán Còn	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 14"	105° 48' 11"					F-A-56-B-a
thôn Cẩm Lặng	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 16"	105° 48' 40"					F-A-56-B-a
kkehe Còn	TV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới			21° 56' 58"	105° 47' 41"	21° 57' 02"	105° 48' 18"	F-48-56-B-a
khkhu Hương	SV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 35"	105° 47' 48"					F-48-56-B-a
thôn Khe Lắc	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 12"	105° 48' 04"					F-A-56-B-a
suối Khe Lắc	TV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới			21° 58' 02"	105° 47' 07"	21° 58' 08"	105° 48' 34"	F-48-56-B-a
suối Khe Pầy	TV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới			21° 57' 31"	105° 50' 20"	21° 57' 20"	105° 48' 27"	F-48-56-B-a
cầu Khe Thí	KX	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 24"	105° 48' 44"					F-48-56-B-a
cầu Khuổi Lắc	KX	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 09"	105° 48' 34"					F-48-56-B-a
khkhu Kim	SV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 41"	105° 45' 57"					F-48-56-B-a
khkhu Lắc	SV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 27"	105° 47' 37"					F-48-56-B-a
kkehe Luông	TV	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới			21° 57' 31"	105° 47' 45"	21° 57' 22"	105° 48' 17"	F-48-56-B-a
thôn Nà Đeo	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 58"	105° 48' 50"					F-A-56-B-a
thôn Nà Giáo	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 04"	105° 48' 25"					F-A-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
thôn Nà Ngải	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 58' 12"	105° 48' 50"						F-A-56-B-a
thôn Nà Ó	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 36"	105° 48' 32"						F-A-56-B-a
thôn Nà Quang	DC	xã Nông Thịnh	H. Chợ Mới	21° 57' 18"	105° 48' 54"						F-A-56-B-a
thôn Bản Đén	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 52' 23"	105° 50' 42"						F-A-56-B-c
thôn Bản Nhuận	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 52' 19"	105° 49' 55"						F-A-56-B-c
núi Bút	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 52' 34"	105° 50' 56"						F-48-56-B-a
sông Cầu	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 52' 11"	105° 47' 39"	21° 50' 50"	105° 49' 06"		F-48-56-B-c
núi Chạy Đũa	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 49' 06"	105° 47' 22"						F-48-56-B-c
thôn Con Kiến	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 58"	105° 49' 30"						F-A-56-B-c
núi Con Kiến	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 35"	105° 49' 10"						F-48-56-B-c
thôn Cửa Khe	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 32"	105° 48' 00"						F-A-56-B-c
suối Cửa Khe	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 50' 50"	105° 47' 01"	21° 51' 38"	105° 48' 09"		F-48-56-B-c
núi Đất Đồng	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 13"	105° 46' 30"						F-48-56-B-c
thôn Đèo Vai	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 50' 53"	105° 48' 04"						F-A-56-B-c
dãy núi Đình	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 49' 35"	105° 47' 40"						F-48-56-B-c
thôn Đồng Luông	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 49' 08"	105° 46' 44"						F-A-56-B-c
núi Hang Răng	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 50' 11"	105° 47' 26"						F-48-56-B-c
suối Hang Ty	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 49' 45"	105° 47' 08"	21° 50' 49"	105° 47' 12"		F-48-56-B-c
suối Hang Tỳ	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 48' 44"	105° 46' 33"	21° 50' 47"	105° 47' 10"		F-48-56-B-c
thôn Làng Chè	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 50' 38"	105° 46' 34"						F-A-56-B-c
thôn Làng Điền	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 00"	105° 46' 41"						F-A-56-B-c
núi Lũng Bùng	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 07"	105° 51' 11"						F-A-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Choong	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 50"	105° 48' 22"					F-A-56-B-c
suối Nà Làng	TV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới			21° 52' 20"	105° 51' 19"	21° 51' 30"	105° 48' 35"	F-48-56-B-c
thôn Nà Làng	DC	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 07"	105° 49' 01"					F-A-56-B-c
núi Thăm Càng	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 50' 16"	105° 45' 28"					F-48-56-B-c
núi Trời Bỏ	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 31"	105° 51' 21"					F-48-56-B-c
núi Vải Nòn	SV	xã Quảng Chu	H. Chợ Mới	21° 51' 02"	105° 47' 48"					F-48-56-B-c
quốc lộ 3B	KX	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 06' 03"	105° 58' 14"	22° 06' 20"	105° 55' 12"	F-48-44-D-d
đèo Áng Toòng	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 23"	105° 56' 39"					F-48-44-D-d
thôn Bán Lù	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 35"	105° 58' 34"					F-48-44-D-d
suối Bán Lù	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 05' 29"	105° 58' 48"	22° 04' 08"	105° 56' 12"	F-48-44-D-d
khau Dạ	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 03' 31"	105° 55' 29"					F-48-44-D-d
nằm Dắt	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 06' 31"	105° 56' 14"	22° 06' 21"	105° 55' 41"	F-48-44-D-d
khuổi Deng	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 04' 12"	105° 55' 50"	22° 04' 46"	105° 53' 50"	F-48-44-D-d
thôn Góc Thị	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 07' 37"	105° 55' 44"					F-48-44-D-b
khuổi Hồng	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 07' 28"	105° 55' 39"	22° 06' 22"	105° 55' 13"	F-48-44-D-d
núi Khau Đại	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 04' 37"	105° 56' 22"					F-48-44-D-d
núi Khuổi Đáy	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 06' 56"	105° 56' 22"					F-48-44-D-d
thôn Khuổi Deng	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 04' 12"	105° 55' 08"					F-48-44-D-d
thôn Khuổi Luông	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 03' 25"	105° 57' 07"					F-48-44-D-d
núi Khuổi Náy	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 09"	105° 58' 24"					F-48-44-D-d
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 04' 01"	105° 57' 47"					F-48-44-D-d
núi Lũng Đắc	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 47"	105° 58' 29"					F-48-44-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lũng Kim	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 02' 26"	105° 56' 29"	22° 04' 12"	105° 55' 52"	F-48-44-D-d
múi Lũng Vài	SV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 03' 38"	105° 54' 20"					F-48-44-D-d
khuổi Luông	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 03' 23"	105° 57' 22"	22° 03' 39"	105° 56' 37"	F-48-44-D-d
suối Mỏ Khang	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 03' 12"	105° 54' 24"	22° 04' 07"	105° 54' 57"	F-48-44-D-d
thôn Nà Khu	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 04' 41"	105° 55' 19"					F-48-44-D-d
suối Nà Khu	TV	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới			22° 05' 19"	105° 56' 29"	22° 04' 24"	105° 55' 31"	F-48-44-D-d
thôn Nậm Dắt	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 05' 53"	105° 55' 48"					F-48-44-D-d
thôn Pha Ra	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 01' 52"	105° 57' 22"					F-48-44-D-d
thôn Phía Đeng (Phya Đeng)	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 02' 49"	105° 57' 47"					F-48-44-D-d
thôn Phiêng Kham (Phiêng Kham)	DC	xã Tân Sơn	H. Chợ Mới	22° 02' 28"	105° 57' 25"					F-48-44-D-d
quốc lộ 3	KX	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 56' 47"	105° 48' 18"	21° 54' 35"	105° 47' 30"	F-A-56-B-a
thôn Bản Áng	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 49"	105° 48' 00"					F-A-56-B-a
thôn Bản Chàng	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 48"	105° 48' 07"					F-A-56-B-a
sông Cầu	TV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 56' 39"	105° 48' 26"	21° 54' 33"	105° 47' 31"	F-48-56-B-a
múi Chả Tao	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 44"	105° 47' 26"					F-48-56-B-a
múi Cốc Dứa	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 54"	105° 50' 12"					F-48-56-B-a
thôn Cốc Po	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 55"	105° 47' 42"					F-A-56-B-a
Khuổi Bốc	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 17"	105° 48' 36"					F-A-56-B-a
thôn Khuổi Lót	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 41"	105° 47' 35"					F-A-56-B-a
múi Khuổi Lót	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 59"	105° 47' 10"					F-48-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Khuổi Nhầu	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 05"	105° 47' 31"							F-A-56-B-a
thôn Khuổi Tai	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 24"	105° 48' 18"							F-A-56-B-a
Khuổi Trảng	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 05"	105° 49' 08"							F-A-56-B-a
núi Lệp Mèo	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 54' 23"	105° 48' 02"							F-48-56-B-a
thôn Nà Ba	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 19"	105° 47' 46"							F-A-56-B-a
thôn Nà Chiêm	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 28"	105° 49' 19"							F-A-56-B-a
thôn Nà Nâm	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 10"	105° 47' 53"							F-A-56-B-a
thôn Nà Quang	DC	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 54' 40"	105° 47' 42"							F-A-56-B-a
khkhou Puôm Pủ	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 55' 46"	105° 49' 59"							F-48-56-B-a
khuổi Tai	TV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 56' 29"	105° 49' 49"	21° 56' 24"	105° 47' 52"			F-48-56-B-a
khuổi Tao	TV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 57' 11"	105° 46' 42"	21° 56' 25"	105° 47' 50"			F-48-56-B-a
khuổi Trảng	TV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới			21° 54' 57"	105° 49' 10"	21° 55' 49"	105° 47' 46"			F-48-56-B-a
khkhou Vai	SV	xã Thanh Bình	H. Chợ Mới	21° 56' 40"	105° 48' 47"							F-48-56-B-a
thôn Bản Kéo	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 02' 49"	105° 46' 23"							F-48-44-D-c
thôn Bản Pải	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 02' 31"	105° 45' 29"							F-48-44-D-c
thôn Bản Pén	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 01' 12"	105° 46' 12"							F-48-44-D-c
khuổi Cúc	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 01' 25"	105° 45' 30"	22° 01' 31"	105° 45' 52"			F-48-44-D-c
khuổi Dạc	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 01' 33"	105° 45' 53"	22° 02' 07"	105° 46' 11"			F-48-44-D-c
khuổi Kéo	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 05' 58"	105° 46' 19"	22° 02' 16"	105° 46' 25"			F-48-44-D-c
núi Kéo Piềng (Kéo Piềng)	SV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 05' 50"	105° 45' 14"							F-48-44-D-c
đèo Kéo Que	SV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 01' 17"	105° 43' 34"							F-48-44-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Ret	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 04' 19"	105° 45' 50"					F-48-44-D-c
khuổi Lạc	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới			22° 01' 10"	105° 46' 54"	22° 01' 07"	105° 47' 14"	F-48-44-D-c
khuổi Pèn	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới				105° 46' 25"	22° 01' 09"	105° 47' 15"	F-48-44-D-c
khuai Phao	SV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 00' 54"	105° 45' 25"					F-48-44-D-c
suối Quận	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới				105° 47' 17"	22° 00' 13"	105° 48' 12"	F-48-44-D-c
thôn Thanh Mai	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 01' 37"	105° 47' 24"					F-48-44-D-c
khuổi Tom	TV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới				105° 45' 06"	22° 02' 15"	105° 46' 23"	F-48-44-D-c
thôn Trung Tâm	DC	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 02' 35"	105° 46' 19"					F-48-44-D-c
khuai Vạ	SV	xã Thanh Mai	H. Chợ Mới	22° 05' 26"	105° 46' 34"					F-48-44-D-c
khuổi Vai	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 04' 37"	105° 48' 03"	22° 04' 08"	105° 48' 22"	F-48-44-D-c
thôn Bản Pịa (Bản Pịa)	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 03' 11"	105° 47' 46"					F-48-44-D-c
thôn Chúa Lải	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 01"	105° 48' 29"					F-48-44-D-c
thôn Có Làng	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 19"	105° 47' 02"					F-48-44-D-c
khuai Cùm	SV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 05' 52"	105° 46' 51"					F-48-44-D-c
thôn Khau Chủ	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 03' 18"	105° 47' 02"					F-48-44-D-c
khuai Mạt	SV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 03' 26"	105° 46' 29"					F-48-44-D-c
thôn Nà Đon	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 41"	105° 48' 32"					F-48-44-D-c
suối Nà Đon	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 04' 57"	105° 48' 33"	22° 03' 40"	105° 48' 18"	F-48-44-D-c
thôn Nà Khám	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 02' 38"	105° 47' 24"					F-48-44-D-c
thôn Nà Rẫy	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 16"	105° 48' 29"					F-48-44-D-c
suối Nà Rẫy	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 03' 58"	105° 47' 22"	22° 03' 41"	105° 48' 16"	F-48-44-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Phiêng Khảo	DC	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 03' 36"	105° 48' 18"							F-48-44-D-c
suối Piêng Khảo (Piêng Khảo)	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 02' 07"	105° 48' 13"	22° 02' 35"	105° 47' 28"			F-48-44-D-c
suối Quang Làng	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 04' 46"	105° 47' 04"	22° 02' 45"	105° 47' 32"			F-48-44-D-c
khuổi Riêng	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới			22° 03' 40"	105° 48' 14"	22° 02' 44"	105° 47' 35"			F-48-44-D-c
hồ Tân Minh	TV	xã Thanh Vân	H. Chợ Mới	22° 04' 48"	105° 47' 07"							F-48-44-D-c
thôn Bản Chằng	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 43"	105° 58' 37"							F-A-56-B-b
suối Bản Chằng	TV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới			21° 58' 35"	105° 57' 33"	21° 57' 18"	105° 59' 50"			F-48-56-B-b
thôn Bản Cháo	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 59' 53"	105° 55' 41"							F-A-56-B-b
thôn Bản Rịa	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 04"	105° 59' 38"							F-A-56-B-b
suối Bản Rịa	TV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới			21° 56' 46"	105° 57' 26"	21° 57' 32"	105° 59' 52"			F-48-56-B-b
thôn Bản Tâm	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 01"	105° 56' 24"							F-A-56-B-b
thôn Đon Nhậu	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 29"	105° 56' 31"							F-A-56-B-b
thôn Đon Qui	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 56' 49"	105° 56' 56"							F-A-56-B-b
núi Khưa Luông	SV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 59' 08"	105° 55' 53"							F-48-56-B-b
khau Luông	SV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 47"	105° 57' 42"							F-48-56-B-b
thôn Nà Hoảng	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 56' 35"	105° 57' 25"							F-A-56-B-b
thôn Nà Hoạt	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 44"	105° 55' 34"							F-A-56-B-b
suối Nà Hoạt	TV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới			21° 58' 33"	105° 55' 33"	21° 56' 47"	105° 57' 25"			F-48-56-B-b
thôn Nà Lín	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 22"	105° 57' 00"							F-A-56-B-b
thôn Nà Pạn	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 00"	105° 57' 11"							F-A-56-B-b
thôn Nà Riền	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 56' 56"	105° 56' 56"							F-A-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Lín	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 36"	105° 56' 13"					F-A-56-B-b
thôn Phiêng Đường (Phiêng Đường)	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 57' 43"	105° 56' 31"					F-A-56-B-b
thôn Thái Lao	DC	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 48"	105° 53' 53"					F-A-56-B-b
núi Thân Chom	SV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 58' 12"	105° 56' 44"					F-48-56-B-b
khuổi Thây	TV	xã Yên Cư	H. Chợ Mới			22° 57' 58"	106° 01' 17"	21° 57' 19"	106° 59' 51"	F-48-57-A-a F-48-56-B-b
chợ Tình	KX	xã Yên Cư	H. Chợ Mới	21° 56' 23"	105° 57' 14"					F-A-56-B-b
quốc lộ 3	KX	xã Yên Định	H. Chợ Mới			21° 54' 30"	105° 47' 30"	21° 53' 16"	105° 46' 59"	F-48-56-B-a
núi Ang Ông	SV	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 54' 07"	105° 47' 58"					F-48-56-B-a
sông Cầu	TV	xã Yên Định	H. Chợ Mới			21° 54' 13"	105° 47' 43"	21° 52' 13"	105° 47' 37"	F-48-56-B-a F-48-56-B-c
núi Cha Cướm	SV	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 55' 21"	105° 46' 42"					F-48-56-B-a
núi Hang Chùa	SV	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 52' 52"	105° 47' 16"					F-48-56-B-a
thôn Hín Chiêng	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 53' 17"	105° 48' 07"					F-A-56-B-a
khuổi Hòn	TV	xã Yên Định	H. Chợ Mới			21° 54' 43"	105° 46' 37"	21° 53' 28"	105° 46' 58"	F-48-56-B-a
thôn Nà Coóc	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 53' 46"	105° 48' 07"					F-A-56-B-a
thôn Nà Hín	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 52' 30"	105° 47' 42"					F-A-56-B-c
thôn Nà Khon	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 53' 49"	105° 46' 59"					F-A-56-B-a
thôn Nà Mố	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 54' 14"	105° 47' 28"					F-A-56-B-a
thôn Năm Bó	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 53' 10"	105° 47' 10"					F-A-56-B-a
thôn Pác Slan	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 52' 30"	105° 47' 10"					F-A-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Suối Hón	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 54' 29"	105° 46' 59"					F-A-56-B-a
thôn Tát Kheo	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 54' 47"	105° 46' 34"					F-A-56-B-a
thôn Teng	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 53' 49"	105° 47' 20"					F-A-56-B-a
thôn Tổng Cổ	DC	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 53' 28"	105° 47' 28"					F-A-56-B-a
cầu Yên Định	KX	xã Yên Định	H. Chợ Mới	21° 53' 52"	105° 47' 36"					F-48-56-B-a
thôn Bản Mộc	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 55' 52"	105° 56' 56"					F-A-56-B-b
thôn Bản Trang	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 55' 59"	105° 57' 18"					F-A-56-B-b
núi Đán Deng	SV	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 57' 07"	105° 55' 53"					F-48-56-B-b
thôn Nà Đon	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 56' 35"	105° 56' 06"					F-A-56-B-b
suối Nà Ha	TV	xã Yên Hân	H. Chợ Mới			21° 57' 00"	105° 53' 50"	21° 55' 59"	105° 57' 01"	F-48-56-B-b
suối Nà Hoảng	TV	xã Yên Hân	H. Chợ Mới			21° 56' 04"	105° 57' 08"	21° 56' 15"	105° 57' 18"	F-48-56-B-b
thôn Nà Xao	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 56' 46"	105° 56' 10"					F-A-56-B-b
núi Slim Kim	SV	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 56' 02"	105° 57' 41"					F-48-56-B-b
thôn Thôm Chiều	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 56' 06"	105° 56' 20"					F-A-56-B-b
thôn Trà Lầu	DC	xã Yên Hân	H. Chợ Mới	21° 55' 52"	105° 55' 59"					F-A-56-B-b
cầu Tranh	KX	TT. Yên Lạc	H. Na Ri	22° 14' 04"	106° 10' 44"					F-48-45-C-b
quốc lộ 3B	KX	TT. Yên Lạc	H. Na Ri			22° 14' 54"	106° 11' 07"	22° 14' 29"	106° 10' 01"	F-48-45-C-b
sông Bắc Giang	TV	TT. Yên Lạc	H. Na Ri			22° 14' 30"	106° 10' 48"	22° 14' 06"	106° 11' 24"	F-48-45-C-b
thôn Bản Bĩa	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Ri	22° 14' 33"	106° 11' 17"					F-48-45-C-b
thôn Bản Pò	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Ri	22° 14' 12"	106° 10' 26"					F-48-45-C-b
thôn Giã Dĩa	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Ri	22° 13' 18"	106° 10' 21"					F-48-45-C-b
cầu Hát Deng	KX	TT. Yên Lạc	H. Na Ri	22° 14' 27"	106° 11' 04"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Hon	SV	TT. Yên Lạc	H. Na Ri	22° 13' 38"	106° 10' 06"					F-48-45-C-b
thôn Nà Dăng	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Ri	22° 13' 48"	106° 10' 33"					F-48-45-C-b
thôn Pàn Châu	DC	TT. Yên Lạc	H. Na Ri	22° 14' 05"	106° 10' 55"					F-48-45-C-b
núi Chinh Nặm	SV	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri	22° 13' 48"	106° 04' 49"					F-48-45-C-a
thôn Cốc Rầy	DC	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri	22° 12' 03"	106° 04' 40"					F-48-45-C-a
thôn Khau Ngại	DC	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri	22° 13' 18"	106° 05' 16"					F-48-45-C-a
thôn Nà Đường	DC	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri	22° 12' 39"	106° 04' 46"					F-48-45-C-a
suối Nà Đường	TV	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri			22° 10' 26"	106° 04' 15"	22° 12' 25"	106° 04' 45"	F-48-45-C-a
thôn Nà Lặng	DC	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri	22° 13' 33"	106° 05' 22"					F-48-45-C-a
suối Nà Toàn	TV	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri			22° 12' 37"	106° 04' 52"	22° 14' 07"	106° 05' 27"	F-48-45-C-a
khau Ngại	SV	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri	22° 13' 42"	106° 05' 51"					F-48-45-C-a
thôn Thăm Mu	DC	xã Ân Tĩnh	H. Na Ri	22° 11' 37"	106° 04' 04"					F-48-45-C-a
quốc lộ 3B	KX	xã Côn Minh	H. Na Ri			22° 06' 55"	106° 02' 21"	22° 06' 03"	105° 58' 15"	F-48-45-C-c F-48-44-D-d
thôn Bản Cào	DC	xã Côn Minh	H. Na Ri	22° 08' 47"	105° 59' 54"					F-48-44-D-b
thôn Bản Cuôn	DC	xã Côn Minh	H. Na Ri	22° 07' 49"	106° 00' 09"					F-48-45-C-a
khau Bản Đâng	DC	xã Côn Minh	H. Na Ri	2° 20' 74"	105° 58' 43"					F-48-44-D-d
thôn Bản Lài	DC	xã Côn Minh	H. Na Ri	22° 06' 39"	105° 58' 49"					F-48-44-D-d
khau Cầm	SV	xã Côn Minh	H. Na Ri	22° 06' 47"	106° 00' 35"					F-48-45-C-c
núi Cạm Quang	SV	xã Côn Minh	H. Na Ri	22° 09' 07"	106° 00' 19"					F-48-45-C-a
thôn Chè Cọ	DC	xã Côn Minh	H. Na Ri	22° 07' 54"	106° 01' 45"					F-48-45-C-a
thôn Chợ	DC	xã Côn Minh	H. Na Ri	22° 07' 43"	106° 01' 12"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Keng	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 10' 32"	106° 03' 06"					F-48-45-C-a
núi Cốc Sô	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 25"	105° 57' 54"					F-48-44-D-d
Khu Cốc Xa	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 09' 29"	106° 02' 22"					F-48-45-C-a
cầu Côn Minh	KX	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 42"	106° 01' 12"					F-48-45-C-a
khu Khuổi Lết	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 03"	106° 00' 42"					F-48-45-C-c
sườn Khuổi Pẩu	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 09' 35"	105° 58' 32"	22° 08' 45"	106° 00' 06"	F-48-44-D-b F-48-45-C-a
khuổi Lết	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 06' 58"	105° 56' 49"	22° 07' 42"	106° 01' 11"	F-48-44-D-b F-48-45-C-a
núi Lũng Páng	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 11' 06"	106° 03' 03"					F-48-45-C-a
thôn Lũng Vang	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 06' 40"	105° 59' 18"					F-48-44-D-d
thôn Nà Cầm	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 08"	106° 00' 46"					F-48-45-C-c
sườn Nà Cầm	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 08' 15"	105° 58' 42"	22° 07' 59"	105° 59' 45"	F-48-44-D-b
cầu Nà Cầm	KX	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 04"	106° 00' 18"					F-48-45-C-c
thôn Nà Làng	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 51"	106° 00' 36"					F-48-45-C-a
thôn Nà Ngàn	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 18"	106° 01' 59"					F-48-45-C-c
thôn Nà Thòa	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 06' 54"	105° 59' 33"					F-48-44-D-d
khu Nà Tiêu	DC	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 52"	106° 00' 56"					F-48-45-C-a
sườn Nà Tiêu	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 08' 00"	105° 59' 46"	22° 07' 41"	106° 01' 09"	F-48-44-D-b
núi Phia Ca Vần (Phja Ca Vần)	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 07' 24"	106° 00' 00"					F-48-45-C-c
núi Phia Giường (Phja Giường)	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 08' 19"	106° 01' 46"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phía Húc (Phịa Húc)	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 09' 36"	106° 02' 39"					F-48-45-C-a
sông Phong	TV	xã Côn Minh	H. Na Rì			22° 07' 41"	106° 01' 09"	22° 06' 52"	106° 02' 20"	F-48-44-C-a F-48-45-C-c
núi Thôm Pục	SV	xã Côn Minh	H. Na Rì	22° 09' 27"	105° 59' 42"					F-48-44-D-b
đường tỉnh 256	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 09' 43"	106° 07' 51"	22° 08' 24"	106° 07' 18"	F-48-45-C-b F-48-45-C-a
quốc lộ 279	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 10' 19"	106° 08' 22"	22° 05' 04"	106° 08' 22"	F-48-45-C-b F-48-45-C-d
suối Cư Lễ	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 05' 03"	106° 08' 20"	22° 10' 33"	106° 07' 32"	F-48-45-C-d F-48-45-C-b
khuổi Cuồng	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 07' 37"	106° 08' 02"	22° 07' 57"	106° 08' 58"	F-48-45-C-b
khuổi Hang Tát	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 09' 21"	106° 10' 54"	22° 09' 47"	106° 09' 21"	F-48-45-C-b
khuổi Phàn	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 08' 37"	106° 10' 20"	22° 09' 42"	106° 09' 42"	F-48-45-C-b
khuổi Quăn	TV	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 07' 17"	106° 10' 41"	22° 07' 45"	106° 09' 03"	F-48-45-C-d F-48-45-C-b
quốc lộ 3B	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì			22° 10' 55"	106° 08' 44"	22° 08' 24"	106° 07' 18"	F-48-45-C-b F-48-45-C-a
thôn Bán Pò	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 26"	106° 09' 30"					F-48-45-C-b
cầu Bán Pò	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 08' 53"	106° 09' 15"					F-48-45-C-b
cầu Cư Lễ 1	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 48"	106° 07' 57"					F-48-45-C-b
cầu Cư Lễ 2	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 07"	106° 08' 11"					F-48-45-C-b
núi Đông Khoáp	SV	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 08' 07"	106° 07' 45"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kéo Deng	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 27"	106° 07' 58"					F-48-45-C-b
thôn Khau An	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 21"	106° 08' 19"					F-48-45-C-b
thôn Khau Pần	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 38"	106° 07' 47"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Quân	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 56"	106° 10' 30"					F-48-45-C-b
thôn Nà Dài	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 08' 30"	106° 07' 23"					F-48-45-C-a
thôn Nà Lặng	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 08' 57"	106° 09' 15"					F-48-45-C-b
thôn Pác Phàn	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 49"	106° 09' 15"					F-48-45-C-b
cầu Pác Phàn	KX	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 48"	106° 09' 25"					F-48-45-C-b
thôn Phía Khao (Phja Khao)	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 50"	106° 08' 08"					F-48-45-C-b
múi Phía Ngàn (Phja Ngầm)	SV	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 07' 39"	106° 10' 40"					F-48-45-C-b
múi Pò Chè	SV	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 55"	106° 07' 54"					F-48-45-C-b
thôn Pò Pái	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 09' 58"	106° 08' 45"					F-48-45-C-b
thôn Pò Rì	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 10' 41"	106° 08' 33"					F-48-45-C-b
thôn Sác Sái	DC	xã Cư Lễ	H. Na Rì	22° 07' 13"	106° 08' 50"					F-48-45-C-d
quốc lộ 3B	KX	xã Cường Lợi	H. Na Rì			22° 17' 28"	106° 13' 06"	22° 16' 01"	106° 11' 48"	F-48-45-A-d
suối Cường Lợi	TV	xã Cường Lợi	H. Na Rì			22° 16' 05"	106° 14' 12"	22° 16' 52"	106° 10' 58"	F-48-45-A-d
khkhu Giàng	SV	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 23"	106° 13' 32"					F-48-45-A-d
khkhu Hoi	SV	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 17' 42"	106° 12' 15"					F-48-45-A-d
thôn Khau Vang	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 48"	106° 13' 59"					F-A-45-A-d
thôn Nà Chè	DC	xã Cường Lợi	H. Na Rì	22° 16' 58"	106° 12' 15"					F-A-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Chè	KX	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 16' 46"	106° 12' 18"					F-48-45-A-d
thôn Nà Đeng	DC	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 16' 52"	106° 12' 34"					F-A-45-A-d
thôn Nà Khưa	DC	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 16' 53"	106° 11' 45"					F-A-45-A-d
thôn Nà Nưa	DC	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 16' 25"	106° 13' 25"					F-A-45-A-d
thôn Nà Sla	DC	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 16' 31"	106° 12' 03"					F-A-45-A-d
thôn Nặm Dăm	DC	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 15' 54"	106° 14' 33"					F-A-45-A-d
đèo Nóc Mò	SV	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 17' 11"	106° 12' 34"					F-48-45-A-d
thôn Phia Đén (Phja Đén)	DC	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 16' 11"	106° 13' 20"					F-A-45-A-d
thôn Pò Nim	DC	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 15' 55"	106° 12' 32"					F-A-45-A-d
khau Ruộng	SV	xã Cường Lợi	H. Nà Rì	22° 17' 18"	106° 11' 03"					F-48-45-A-d
suối Slo Giàng	TV	xã Cường Lợi	H. Nà Rì			22° 17' 25"	106° 11' 59"	22° 16' 53"	106° 11' 01"	F-48-45-A-d
nậm Giàng	TV	xã Đồng Xá	H. Nà Rì			22° 02' 12"	106° 00' 44"	22° 00' 11"	106° 02' 19"	F-48-45-C-c
thôn Chợ Chùa	DC	xã Đồng Xá	H. Nà Rì	22° 02' 19"	106° 00' 46"					F-48-45-C-c
thôn Ken Cò	DC	xã Đồng Xá	H. Nà Rì	22° 01' 08"	106° 01' 39"					F-48-45-C-c
suối Khuổi Cáy	TV	xã Đồng Xá	H. Nà Rì			21° 57' 33"	105° 59' 52"	22° 00' 11"	106° 01' 09"	F-48-56-B-b F-48-57-A-a
khau Khuổi Duốc	DC	xã Đồng Xá	H. Nà Rì	22° 00' 23"	105° 57' 53"					F-48-44-D-d
núi Khuổi Hoi	SV	xã Đồng Xá	H. Nà Rì	21° 59' 47"	105° 59' 39"					F-48-56-B-b
thôn Khuổi Nà	DC	xã Đồng Xá	H. Nà Rì	21° 59' 36"	105° 59' 08"					F-48-56-B-b
khau Khuổi Tè	DC	xã Đồng Xá	H. Nà Rì	22° 00' 44"	105° 58' 19"					F-48-44-D-d
khau Khuổi Trác	DC	xã Đồng Xá	H. Nà Rì	22° 01' 36"	106° 01' 42"					F-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Lòn	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			22° 02' 58"	106° 00' 58"	22° 01' 59"	106° 00' 53"	F-48-45-C-c
khu Lũng Hãn	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 10"	105° 58' 41"					F-48-44-D-d
thôn Lũng Tao	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 24"	105° 57' 09"					F-48-56-B-b
khuai Luông	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 58"	105° 57' 56"					F-48-56-B-b
khuai Méc	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 39"	105° 57' 40"					F-48-56-B-b
khuai Mèo	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 46"	105° 57' 48"					F-48-44-D-d
suoối Nà Cà	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			22° 01' 48"	105° 58' 11"	22° 02' 12"	106° 00' 44"	F-48-44-D-d F-48-45-C-c
thôn Nà Khanh	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 01' 38"	106° 00' 35"					F-48-45-C-c
thôn Nà Quăn	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 02"	106° 00' 58"					F-48-45-C-c
thôn Nà Thác	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 12"	105° 58' 46"					F-48-44-D-d
núi Nà Thác	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 01' 33"	105° 59' 06"					F-48-44-D-d
suoối Nà Thác	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			22° 00' 52"	105° 59' 58"	22° 00' 11"	106° 01' 09"	F-48-44-D-d F-48-45-C-c
thôn Nà Vạng	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 31"	106° 02' 03"					F-48-45-C-c
thôn Nặm Giàng	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 36"	106° 02' 01"					F-48-45-C-c
sông Nặm Giàng	TV	xã Đồng Xá	H. Na Rì			21° 59' 54"	106° 01' 50"	22° 00' 12"	106° 02' 27"	F-48-57-A-a F-48-45-C-c
khu Pắc Cham	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 29"	106° 00' 45"					F-48-57-A-a
khu Phiêng Năn (Phiêng Năn)	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 15"	105° 58' 31"					F-48-56-B-b
núi Phiêng Năn (Phiêng Năn)	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 58' 50"	105° 58' 45"					F-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Pịa Ràng (Pjạ Ràng)	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 56"	106° 00' 24"					F-48-45-C-c
núi Thác Riêng	SV	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 00' 10"	105° 59' 12"					F-48-44-D-d
khau Vàng Nọi	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	22° 02' 17"	106° 02' 21"					F-48-45-C-c
khau Xoi Mòn	DC	xã Đồng Xá	H. Na Rì	21° 59' 36"	105° 58' 14"					F-48-56-B-b
khuổi Kheo	TV	xã Dương Sơn	H. Na Rì			22° 03' 28"	106° 01' 36"	22° 03' 57"	106° 04' 31"	F-48-45-C-c
thôn Khung Xa	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 37"	106° 05' 09"					F-48-45-C-c
khau Khuổi A	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 02' 57"	106° 05' 12"					F-48-45-C-c
khau Khuổi Húng	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 11"	106° 02' 12"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Kheo	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 39"	106° 01' 38"					F-48-45-C-c
khau Khuổi Ròn	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 20"	106° 01' 26"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Suôn	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 20"	106° 04' 12"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Trang	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 21"	106° 04' 42"					F-48-45-C-c
cầu Khuổi Trang	KX	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 20"	106° 04' 40"					F-48-45-C-c
núi Lầy Bường	SV	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 27"	106° 02' 14"					F-48-45-C-c
thôn Lũng Chanh	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 59"	106° 02' 00"					F-48-45-C-c
khau Mu	SV	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 36"	106° 03' 40"					F-48-45-C-c
thôn Nà Cà	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 05' 02"	106° 05' 19"					F-48-45-C-c
thôn Nà Cai	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 01"	106° 04' 34"					F-48-45-C-c
khau Nà Cùn	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 19"	106° 04' 55"					F-48-45-C-c
thôn Nà Khoa	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 03' 12"	106° 02' 36"					F-48-45-C-c
thôn Nà Minh	DC	xã Dương Sơn	H. Na Rì	22° 04' 03"	106° 04' 12"					F-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Nen	DC	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 03' 35"	106° 02' 12"					F-48-45-C-c
thôn Nà Ngăm	DC	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 04' 02"	106° 03' 03"					F-48-45-C-c
thôn Nà Ngần	DC	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 04' 53"	106° 05' 09"					F-48-45-C-c
thôn Nà Phai	DC	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 03' 59"	106° 02' 29"					F-48-45-C-c
sông Nà Ri	TV	xã Dương Sơn	H. Nà Ri			22° 03' 06"	106° 04' 32"	22° 05' 17"	106° 05' 15"	F-48-45-C-c
thôn Phiêng Nen (Phiêng Nen)	DC	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 03' 23"	106° 00' 48"					F-48-45-C-c
thôn Rầy Ơi	DC	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 03' 48"	106° 04' 42"					F-48-45-C-c
cầu Rầy Ơi	KX	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 04' 27"	106° 05' 06"					F-48-45-C-c
thôn Rầy Ơi	DC	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 04' 22"	106° 05' 06"					F-48-45-C-c
khuổi Suôn	TV	xã Dương Sơn	H. Nà Ri			22° 04' 27"	106° 03' 31"	22° 04' 08"	106° 03' 42"	F-48-45-C-c
núi Vải Cà	SV	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 03' 35"	105° 05' 53"					F-48-45-C-c
núi Xa Chao	SV	xã Dương Sơn	H. Nà Ri	22° 04' 46"	106° 05' 44"					F-48-45-C-c
quốc lộ 3B	KX	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri			22° 07' 23"	106° 06' 28"	22° 06' 45"	106° 03' 45"	F-48-45-C-c
khuổi Căng	TV	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri			22° 05' 19"	106° 03' 15"	22° 06' 37"	106° 03' 41"	F-48-45-C-c
khau Đà Tạo	SV	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri	22° 06' 50"	106° 04' 13"					F-48-45-C-c
cầu Hào Nghĩa	KX	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri	22° 06' 28"	106° 06' 07"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi A	DC	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri	22° 06' 17"	106° 06' 28"					F-A-45-C-c
khư Khuổi Thán	DC	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri	22° 05' 28"	106° 05' 17"					F-A-45-C-c
thôn Nà Coòng	DC	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri	22° 05' 46"	106° 05' 29"					F-A-45-C-c
thôn Nà Đẩu	DC	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri	22° 06' 01"	106° 05' 33"					F-A-45-C-c
thôn Nà Liềng	DC	xã Hào Nghĩa	H. Nà Ri	22° 06' 29"	106° 05' 32"					F-A-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
sông Nà Rì	TV	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì			22° 05' 16"	106° 05' 21"	22° 06' 40"	106° 06' 08"	F-48-45-C-c		
thôn Nà Sắt	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì	22° 06' 48"	106° 06' 20"					F-A-45-C-c		
thôn Nà Tàng	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì	22° 06' 39"	106° 04' 42"					F-A-45-C-c		
khu Nà Viên	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì	22° 06' 33"	106° 04' 20"					F-A-45-C-c		
cầu Pác A	KX	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì	22° 06' 23"	106° 06' 11"					F-48-45-C-c		
núi Phia Lềm (Phja Lềm)	SV	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì	22° 05' 39"	106° 03' 26"					F-48-45-C-c		
núi Phia Van (Phja Van)	SV	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì	22° 07' 22"	106° 07' 00"					F-48-45-C-c		
núi Slam Lải	SV	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì	22° 06' 50"	106° 04' 13"					F-48-45-C-c		
thôn Vàng Mười	DC	xã Hảo Nghĩa	H. Nà Rì	22° 07' 11"	106° 06' 24"					F-A-45-C-c		
quốc lộ 3B	KX	xã Hữu Thác	H. Nà Rì			22° 08' 24"	106° 07' 18"	22° 07' 23"	106° 06' 28"	F-48-45-C-a F-48-44-C-c		
thôn Bản Đàng	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 11"	106° 04' 43"					F-A-45-C-a		
thôn Cung Năm	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 07' 56"	106° 06' 44"					F-A-45-C-a		
thôn Khau Moóc	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 02"	106° 05' 52"					F-A-45-C-a		
thôn Khuổi Khiếu	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 13"	106° 06' 40"					F-A-45-C-a		
thôn Khuổi Mí	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 07' 17"	106° 05' 29"					F-A-45-C-c		
khuổi Mí	TV	xã Hữu Thác	H. Nà Rì			22° 07' 18"	106° 03' 56"	22° 07' 25"	106° 06' 26"	F-A-45-C-c		
thôn Nà Coóc	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 10"	106° 05' 23"					F-A-45-C-a		
khuổi Nà Coóc	TV	xã Hữu Thác	H. Nà Rì			22° 08' 40"	106° 03' 11"	22° 08' 12"	106° 06' 26"	F-48-45-C-a		
thôn Nà Mền	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 14"	106° 04' 41"					F-A-45-C-a		
thôn Nà Mới	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 32"	106° 06' 12"					F-A-45-C-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Noong	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 06"	106° 06' 13"					F-A-45-C-a
sông Nà Rì	TV	xã Hữu Thác	H. Nà Rì			22° 07' 17"	106° 06' 02"	22° 08' 49"	106° 06' 00"	F-48-45-C-a F-48-44-C-c
thôn Nà Vèn	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 07' 24"	106° 05' 45"					F-A-45-C-c
thôn Pá Pháy	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 07' 39"	106° 06' 02"					F-A-45-C-a
thôn Phiêng Pứt (Phiêng Pứt)	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 24"	106° 03' 43"					F-A-45-C-a
núi Pò Cút	SV	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 09' 41"	106° 03' 39"					F-48-45-C-a
khu Thôm Păng	DC	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 51"	106° 03' 58"					F-A-45-C-a
khu Trạng	SV	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 08' 04"	106° 06' 26"					F-48-45-C-a
núi Trạng Phôm	SV	xã Hữu Thác	H. Nà Rì	22° 07' 55"	106° 03' 40"					F-48-45-C-a
quốc lộ 279	KX	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì			22° 18' 53"	106° 02' 04"	22° 17' 09"	106° 03' 27"	F-48-45-A-c
thôn Bàn Kẹ	DC	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 16' 18"	106° 02' 39"					F-48-45-A-c
thôn Bàn Vèn	DC	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 16' 18"	106° 02' 24"					F-48-45-A-c
thôn Bàn Vín	DC	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 15' 54"	106° 01' 31"					F-48-45-A-c
núi Cốc Lôm	SV	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 14' 53"	105° 59' 11"					F-48-44-D-b
khuổi Hát	TV	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì			22° 18' 18"	106° 02' 17"	22° 17' 07"	106° 03' 26"	F-48-45-A-c
núi Keng Than	SV	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 16' 44"	106° 03' 04"					F-48-45-A-c
đèo Khau Pi	SV	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 18' 52"	106° 01' 57"					F-48-45-A-c
núi Khưa Pảo	SV	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 16' 49"	106° 02' 10"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Còi	DC	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 17' 29"	105° 59' 01"					F-48-44-B-d
khu Khuổi Đeng	DC	xã Kim Hỷ	H. Nà Rì	22° 17' 58"	105° 58' 34"					F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu Khuổi Hát	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 18' 03"	106° 02' 33"							F-48-45-A-c
thôn Khuổi Khém	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 18' 10"	106° 01' 05"							F-48-45-A-c
thôn Khuổi Phầy	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 17' 10"	105° 59' 44"							F-48-44-B-d
thôn Kim Vân	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 15' 28"	105° 59' 50"							F-48-44-B-d
suoối Kim Vân	TV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì			22° 16' 05"	105° 59' 34"	22° 14' 43"	106° 00' 21"			F-48-45-A-c F-48-44-B-d
thôn Nà An	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 17' 23"	106° 03' 09"							F-48-45-A-c
thôn Nà Lác	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 30"	106° 02' 03"							F-48-45-A-c
thôn Nà Mỏ	DC	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 41"	106° 02' 38"							F-48-45-A-c
núi Phía Cắm (Phja Cắm)	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 01"	106° 02' 30"							F-48-45-A-c
núi Quẩy Chòi	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 16' 07"	106° 01' 04"							F-48-45-A-c
núi Slam Lái	SV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì	22° 17' 34"	106° 00' 49"							F-48-45-A-c
khuổi Tầu	TV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì			22° 17' 04"	106° 02' 12"	22° 17' 23"	106° 03' 04"			F-48-45-A-c
khuổi Than	TV	xã Kim Hỷ	H. Na Rì			22° 16' 40"	106° 01' 37"	22° 16' 33"	106° 03' 04"			F-48-45-A-c
sông Bắc Giang	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 14' 06"	106° 11' 25"	22° 13' 17"	106° 13' 57"			F-48-45-C-b
thôn Bản Cháng	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 54"	106° 12' 56"							F-48-45-C-b
thôn Bản Đàng	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 20"	106° 11' 01"							F-48-45-C-b
khuổi Bàng	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 12' 44"	106° 12' 58"	22° 13' 25"	106° 13' 19"			F-48-45-C-b
khuổi Bú	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 11' 37"	106° 10' 30"	22° 12' 13"	106° 11' 30"			F-48-45-C-b
khuổi Cháng	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 15' 10"	106° 13' 24"	22° 14' 02"	106° 12' 46"			F-48-45-A-d F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Chìn	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 14' 27"	106° 14' 15"	22° 13' 19"	106° 13' 58"	F-48-45-C-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 27"	106° 12' 37"					F-48-45-C-b
thôn Háng Cáu	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 18"	106° 11' 39"					F-48-45-C-b
thôn Hát Luông	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 55"	106° 12' 00"					F-48-45-C-b
khuổi Kén	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 14' 15"	106° 13' 56"	22° 13' 22"	106° 13' 36"	F-48-45-C-b
khuổi Khe	TV	xã Kim Lư	H. Na Rì			22° 09' 10"	106° 11' 55"	22° 12' 39"	106° 11' 56"	F-48-45-C-b
khau Khi Ma	SV	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 42"	106° 14' 02"					F-48-45-C-b
thôn Khum Mản	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 12' 17"	106° 10' 46"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Ít	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 18"	106° 11' 43"					F-48-45-C-b
khu Khuổi Khe	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 10' 30"	106° 11' 54"					F-48-45-C-b
thôn Lũng Cào	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 47"	106° 12' 22"					F-48-45-C-b
thôn Lũng Tao	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 35"	106° 11' 41"					F-48-45-C-b
thôn Nà Đon	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 40"	106° 11' 33"					F-48-45-C-b
thôn Nà Pài	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 32"	106° 10' 50"					F-48-45-C-b
núi Phía Chì (Phja Chì)	SV	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 11"	106° 11' 14"					F-48-45-C-b
núi Phía Mu (Phja Mu)	SV	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 12' 30"	106° 10' 31"					F-48-45-C-b
thôn Phiêng Đốc (Phięng Đốc)	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 20"	106° 12' 04"					F-48-45-C-b
thôn Pò Khiến	DC	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 13' 54"	106° 11' 14"					F-48-45-C-b
núi Sịo Khau	SV	xã Kim Lư	H. Na Rì	22° 14' 26"	106° 13' 57"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3B	KX	xã Lam Sơn	H. Na Rì			2° 21' 31"	106° 10' 13"	22° 10' 56"	106° 08' 44"	F-48-45-C-b
thôn Bân Diếu	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 36"	106° 09' 30"					F-18-45-C-b
khau Còi	SV	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 10' 35"	106° 10' 37"					F-48-45-C-b
thôn Hát Lài	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 13' 43"	106° 09' 19"					F-18-45-C-b
thôn Hợp Thành	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 37"	106° 08' 46"					F-18-45-C-b
thôn Khuổi Luông	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 17"	106° 09' 49"					F-18-45-C-b
khau Khuổi Om	SV	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 14' 20"	106° 09' 17"					F-48-45-C-b
khau Khuổi Pục	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 13' 35"	106° 09' 36"					F-18-45-C-b
thôn Nà Nôm	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 14' 02"	106° 09' 44"					F-18-45-C-b
khau Nà Sưa	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 13' 13"	106° 08' 59"					F-18-45-C-b
thôn Pan Khe	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 03"	106° 09' 19"					F-18-45-C-b
núi Phía Càng (Phja Càng)	SV	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 00"	106° 08' 46"					F-48-45-C-b
núi Phía Đeng (Phja Đeng)	SV	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 24"	106° 08' 59"					F-48-45-C-b
khuổi Pò (Pjò)	TV	xã Lam Sơn	H. Na Rì			22° 10' 41"	106° 10' 38"	22° 11' 40"	106° 08' 31"	F-48-45-C-b
thôn Pò Chet	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 12' 36"	106° 09' 46"					F-18-45-C-b
khau Rọ Điếng	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 33"	106° 08' 57"					F-18-45-C-b
cầu Tả Pải	KX	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 41"	106° 09' 02"					F-48-45-C-b
thôn Thanh Sơn	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 11' 06"	106° 08' 45"					F-18-45-C-b
thôn Thôm Pục	DC	xã Lam Sơn	H. Na Rì	22° 13' 19"	106° 10' 02"					F-18-45-C-b
đường tỉnh 279	KX	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 15' 39"	106° 05' 42"	22° 14' 42"	106° 07' 00"	F-48-45-A-c F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bắc Giang	TV	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 17' 45"	106° 06' 21"	22° 17' 48"	106° 06' 47"	F-48-45-A-c F-48-45-C-a
thôn Bản Kén	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 22"	106° 05' 56"					F-48-45-A-c
thôn Bản Sáng	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 24"	106° 08' 24"					F-48-45-A-d
thôn Chợ Mới	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 06"	106° 06' 05"					F-48-45-A-c
thôn Khau Lạ	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 33"	106° 06' 15"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Sláp	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 17' 59"	106° 06' 47"					F-48-45-A-c
cầu Lạng San	KX	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 00"	106° 06' 11"					F-48-45-A-c
khu Nà Chập	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 27"	106° 06' 28"					F-48-45-A-c
thôn Nà Diệc	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 14' 47"	106° 06' 27"					F-48-45-C-a
thôn Nà Hưu	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 16' 15"	106° 06' 16"					F-48-45-A-c
khuổi Nà Toàn	TV	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 15' 23"	106° 05' 03"	22° 14' 38"	106° 07' 00"	F-48-45-C-a
thôn Nặm Cà	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 17' 37"	106° 07' 08"					F-48-45-A-c
thôn Phiêng Bang (Phiêng Bang)	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 17"	106° 05' 16"					F-48-45-A-c
khu Phiêng Đét (Phiêng Đét)	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 14"	106° 07' 16"					F-48-45-A-c
núi Pía Khí Mu	SV	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 15' 08"	106° 05' 54"					F-48-45-A-c
núi Pía Nà Mười	SV	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 14' 45"	106° 04' 55"					F-48-45-C-a
khuổi Sláp	TV	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 14' 09"	106° 05' 28"	22° 14' 45"	106° 05' 45"	F-48-45-A-c
khuổi Slúng	TV	xã Lạng San	H. Na Rì			22° 18' 22"	106° 06' 32"	22° 14' 56"	106° 06' 08"	F-48-45-A-c F-48-45-C-a
thôn To Đoóc	DC	xã Lạng San	H. Na Rì	22° 14' 46"	106° 06' 50"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bó Ngàn	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 05"	106° 04' 06"					F-A-57-A-a
khu Buốc	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 38"	106° 03' 48"					F-A-57-A-a
cầu Chùng Chè	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 13"	106° 03' 44"					F-48-57-A-a
cầu Khuổi Dân	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 06"	106° 03' 45"					F-48-57-A-a
thôn Khuổi Lý	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 04"	106° 04' 09"					F-A-57-A-a
thôn Khuổi Táy	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 22"	106° 02' 20"					F-A-57-A-a
khu Khuổi Vài	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 17"	106° 04' 45"					F-48-57-A-a
cầu Khuổi Vài	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 57"	106° 03' 40"					F-48-57-A-a
khu Kim Pao	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 41"	106° 01' 57"					F-A-57-A-a
thôn Lũng Danh	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 04"	106° 05' 43"					F-A-57-A-a
thôn Lũng Deng	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 41"	106° 05' 31"					F-A-57-A-a
núi Lũng Pha	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 32"	106° 06' 28"					F-48-57-A-a
núi Lũng Qua	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 02"	106° 06' 22"					F-48-57-A-a
thôn Nà Bó	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 39"	106° 04' 22"					F-A-57-A-a
thôn Nà Pì	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 58' 26"	106° 03' 56"					F-A-57-A-a
suối Nà Rì	TV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì			21° 57' 06"	106° 03' 23"	21° 58' 22"	106° 03' 57"	F-48-57-A-a
khu Năm Cắt	DC	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 54"	106° 02' 54"					F-A-57-A-a
khuổi Táy	TV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì			21° 58' 16"	106° 01' 49"	22° 58' 16"	106° 02' 32"	F-48-57-A-c F-48-45-C-c
suối Vài Pải	TV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì			21° 58' 22"	106° 03' 59"	21° 59' 44"	106° 03' 59"	F-48-57-A-a
khu Vàng Kheo	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 19"	106° 01' 39"					F-48-57-A-a
cầu Vàng Kheo	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 52"	106° 03' 43"					F-48-57-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Xa Đeo	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 13"	106° 03' 24"					F-48-57-A-a
núi Xa Tooc	SV	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 57' 26"	106° 03' 57"					F-48-57-A-a
cầu Xa Xe	KX	xã Liêm Thủy	H. Na Rì	21° 59' 27"	106° 03' 58"					F-48-57-A-a
quốc lộ 3B	KX	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 16' 01"	106° 11' 48"	22° 14' 54"	106° 11' 07"	F-48-45-A-d F-48-45-C-b
sông Bắc Giang	TV	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 14' 08"	106° 09' 45"	22° 14' 09"	106° 10' 15"	F-48-45-C-b
khu Đốc Kén	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 31"	106° 11' 07"					F-48-45-A-d
khuổi Hai	TV	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 15' 33"	106° 10' 00"	22° 15' 28"	106° 10' 56"	F-48-45-A-d
khu Hát Mèo	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 16' 06"	106° 10' 55"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Nắn	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 34"	106° 09' 53"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Nắn 1	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 21"	106° 09' 20"					F-48-45-A-d
thôn Khuổi Nắn 2	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 39"	106° 10' 08"					F-48-45-A-d
thôn Nà Hin	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 51"	106° 11' 03"					F-48-45-C-b
thôn Nà Khun	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 40"	106° 11' 36"					F-48-45-A-d
thôn Nà Lặng	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 20"	106° 11' 24"					F-48-45-A-d
núi Nà Lư	SV	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 16' 30"	106° 11' 10"					F-48-45-A-d
khu Nà Mò	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 10"	106° 10' 58"					F-48-45-A-d
khu Nà Ó	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 15' 07"	106° 11' 19"					F-48-45-A-d
thôn Nà Slang	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 16' 16"	106° 10' 43"					F-48-45-A-d
núi Phía Trạng (Phịa Trạng)	SV	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 16' 16"	106° 10' 04"					F-48-45-A-d
khu Phiêng Trạng (Phiêng Trạng)	DC	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 39"	106° 10' 46"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pịa A Năn (Pja A Năn)	SV	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 39"	106° 09' 21"					F-48-45-C-b
núi Pịa Năn (Pja Năn)	SV	xã Lương Hạ	H. Na Rì	22° 14' 48"	106° 08' 37"					F-48-45-C-b
khuổi Slang	TV	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 15' 16"	106° 09' 15"	22° 14' 27"	106° 10' 27"	F-48-45-A-d F-48-45-C-b
suối Tả Pìn	TV	xã Lương Hạ	H. Na Rì			22° 16' 48"	106° 10' 49"	22° 14' 38"	106° 10' 54"	F-48-45-A-d
quốc lộ 279	KX	xã Lương Thành	H. Na Rì			22° 14' 42"	106° 07' 01"	22° 12' 22"	106° 07' 58"	F-48-45-C-a F-48-45-C-b
sông Bắc Giang	TV	xã Lương Thành	H. Na Rì			22° 14' 39"	106° 07' 03"	22° 12' 31"	106° 08' 32"	F-48-45-C-a F-48-45-C-b
thôn Bản Chang	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 32"	106° 06' 53"					F-48-45-C-a
khuổi Dăng	TV	xã Lương Thành	H. Na Rì			22° 14' 42"	106° 08' 08"	22° 14' 21"	106° 07' 42"	F-48-45-C-b
thôn Khuổi Kháp	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 02"	106° 07' 12"					F-48-45-C-a
khư Khuổi Tát	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 26"	106° 07' 55"					F-48-45-C-b
núi Lũng Queng	SV	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 59"	106° 07' 00"					F-48-45-C-a
khư Nà Dăng	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 14' 32"	106° 07' 33"					F-48-45-C-b
cầu Nà Dăng	KX	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 14' 24"	106° 07' 43"					F-48-45-C-b
thôn Nà Kèn	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 11"	106° 08' 15"					F-48-45-C-b
thôn Nà Khon	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 27"	106° 07' 33"					F-48-45-C-b
thôn Nà Pàn	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 13"	106° 06' 15"					F-48-45-C-a
thôn Pác Cáp	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 00"	106° 07' 51"					F-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Pác Cáp	KX	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 12' 48"	106° 07' 55"					F-48-45-C-b
núi Píah Slây (Phja Slây)	SV	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 14' 22"	106° 08' 12"					F-48-45-C-b
thôn Phiêng Cuôn (Phiêng Cuôn)	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 56"	106° 08' 20"					F-48-45-C-b
khu Phiêng Hấu (Phiêng Hấu)	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 14' 16"	106° 08' 30"					F-48-45-C-b
khuổi Po	TV	xã Lương Thành	H. Na Rì			22° 12' 21"	106° 05' 36"	22° 13' 33"	106° 07' 24"	F-48-45-C-a
thôn Thôm Quảng	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 27"	106° 07' 19"					F-48-45-C-a
thôn Xói Cái	DC	xã Lương Thành	H. Na Rì	22° 13' 58"	106° 07' 25"					F-48-45-C-a
đường tỉnh 279	KX	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 17' 09"	106° 03' 27"	22° 15' 39"	106° 05' 42"	F-48-45-A-c
sông Bắc Giang	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 19' 16"	106° 04' 18"	22° 15' 23"	106° 05' 03"	F-48-45-A-c
thôn Bản Giang	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 41"	106° 04' 57"					F-48-45-A-c
khu Hang Cẩu	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 41"	106° 04' 50"					F-48-45-A-c
khuổi Hát	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 17' 08"	106° 03' 27"	22° 16' 47"	106° 03' 58"	F-48-45-A-c
kkhau Khá	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 04"	106° 04' 39"					F-48-45-A-c
suối Khuổi Can	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 16' 56"	106° 04' 44"	22° 16' 41"	106° 03' 57"	F-48-45-A-c
suối Khuổi Giang	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 16' 05"	106° 05' 33"	22° 15' 24"	106° 05' 04"	F-48-45-A-c
suối Khuổi Lịa	TV	xã Lương Thượng	H. Na Rì			22° 17' 32"	106° 05' 34"	22° 15' 39"	106° 04' 46"	F-48-45-A-c
cầu Khuổi Lịa	KX	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 46"	106° 04' 52"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Nộc	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 18' 21"	106° 04' 36"					F-48-45-A-c
khu Khuổi Pháy	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 18' 58"	106° 04' 04"					F-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Lịa	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 26"	106° 05' 25"					F-48-45-A-c
núi Lũng Phắc (Lũng Phắc)	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 33"	106° 03' 28"					F-48-45-A-c
kh. Nà Chóng	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 17' 03"	106° 04' 07"					F-48-45-A-c
thôn Nà Làng	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 14"	106° 04' 12"					F-48-45-A-c
núi Nà Mùn	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 28"	106° 05' 22"					F-48-45-A-c
núi Nặm Nộc	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 58"	106° 03' 07"					F-48-45-A-c
kh. Pác Pạng	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 19' 06"	106° 04' 55"					F-48-45-A-c
thôn Pàn Xá	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 52"	106° 04' 35"					F-48-45-A-c
núi Pịa Cò Nội (Pịa Cò Nội)	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 08"	106° 04' 40"					F-48-45-A-c
núi Pịa Đeng (Pịa Đeng)	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 08"	106° 03' 24"					F-48-45-A-c
núi Slam Slầu	SV	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 17"	106° 03' 44"					F-48-45-A-c
cầu Vằng Đeng	KX	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 16' 46"	106° 04' 00"					F-48-45-A-c
thôn Vằng Khít	DC	xã Lương Thượng	H. Na Rì	22° 15' 31"	106° 04' 18"					F-48-45-A-c
quốc lộ 3B	KX	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 06' 46"	106° 03' 45"	22° 06' 55"	106° 02' 23"	F-48-45-C-c
thôn Ca Đổng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 33"	106° 01' 50"					F-48-45-C-c
khuổi Can	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 08' 41"	106° 02' 44"	22° 07' 03"	106° 02' 49"	F-48-45-C-a F-48-45-C-c
kh. Đình	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 23"	106° 00' 08"					F-48-45-C-c
kh. Hìn	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 54"	106° 01' 31"					F-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hin Tơoc	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 03"	106° 01' 51"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Căng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 19"	106° 03' 08"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Căng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 08' 08"	106° 03' 01"					F-48-45-C-a
khau Mèn	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 08' 28"	106° 02' 21"					F-48-45-C-a
thôn Nà Búoc	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 57"	106° 02' 51"					F-48-45-C-c
thôn Nà Chiềng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 12"	106° 00' 21"					F-48-45-C-c
thôn Nà Đán	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 53"	106° 03' 10"					F-48-45-C-c
khư Nà Giảng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 12"	106° 00' 53"					F-48-45-C-c
thôn Nà Lay	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 09"	106° 02' 23"					F-48-45-C-c
thôn Nà Mạ	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 43"	106° 00' 32"					F-48-45-C-c
thôn Nà Ráy	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 05' 22"	106° 01' 49"					F-48-45-C-c
núi Nà Tàng	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 51"	106° 01' 05"					F-48-45-C-c
khư Nà Tha	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 22"	106° 00' 29"					F-48-45-C-c
sươi Nà Tha	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 03' 46"	105° 58' 19"	22° 05' 29"	106° 01' 56"	F-48-44-D-d F-48-45-C-c
khư Nà Thăm	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 08' 41"	106° 02' 47"					F-48-45-C-a
thôn Nà Vả	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 10"	106° 01' 32"					F-48-45-C-c
khuổi Nen	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 04' 39"	106° 01' 56"	22° 05' 29"	106° 01' 56"	F-48-45-C-c
sươi Pác Cáp	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 05' 29"	106° 01' 56"	22° 06' 54"	106° 02' 36"	F-48-45-C-c
núi Phía Khuốc (Phịa Khuốc)	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 21"	106° 00' 45"					F-48-45-C-c
thôn Phiêng Quân (Phịng Quân)	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 23"	106° 00' 41"					F-48-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quan Lăng	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 19"	106° 02' 15"					F-48-45-C-c
suối Quang Phong	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 06' 52"	106° 02' 20"	22° 06' 59"	106° 03' 37"	F-48-45-C-c
cầu Quang Phong	KX	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 07' 04"	106° 02' 49"					F-48-45-C-c
núi Quang Quỳnh	SV	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 04' 25"	106° 00' 14"					F-48-45-C-c
thôn Tham Không	DC	xã Quang Phong	H. Na Rì	22° 06' 03"	106° 01' 19"					F-48-45-C-c
suối Tham Không	TV	xã Quang Phong	H. Na Rì			22° 06' 19"	106° 00' 07"	22° 05' 59"	106° 02' 09"	F-48-45-C-c
lũng Đeng	SV	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 15' 50"	106° 09' 03"					F-48-45-A-d
khau Hung	SV	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 18' 10"	106° 08' 19"					F-48-45-A-d
thôn Nà Ca	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 16' 49"	106° 07' 35"					F-48-45-A-d
thôn Nà Cầm	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 23"	106° 09' 05"					F-48-45-A-d
thôn Nà Tát	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 16' 55"	106° 09' 38"					F-48-45-A-d
suối Nà Tát	TV	xã Văn Học	H. Na Rì			22° 16' 32"	106° 07' 39"	22° 16' 33"	106° 10' 21"	F-48-45-A-d
thôn Pò Cẩu	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 40"	106° 08' 45"					F-48-45-A-d
thôn Pò Lải	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 28"	106° 08' 45"					F-48-45-A-d
thôn Pò Pheo	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 17"	106° 07' 48"					F-48-45-A-d
thôn Pò Rản	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 35"	106° 08' 02"					F-48-45-A-d
thôn Thôm Bả	DC	xã Văn Học	H. Na Rì	22° 17' 01"	106° 08' 13"					F-48-45-A-d
quốc lộ 279	KX	xã Văn Minh	H. Na Rì			22° 12' 20"	106° 07' 57"	22° 11' 33"	106° 08' 39"	F-48-45-C-b
thôn Khuổi Liềng	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 11' 16"	106° 06' 24"					F-48-45-C-a
thôn Khuổi Tục	DC	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 09' 48"	106° 05' 58"					F-48-45-C-a
khuổi Liềng	TV	xã Văn Minh	H. Na Rì			22° 10' 41"	106° 04' 58"	22° 11' 07"	106° 07' 24"	F-48-45-C-a
núi Lũng Đàm	SV	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 10' 48"	106° 05' 33"					F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Nà Đang	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 10' 29"	106° 06' 54"					F-48-45-C-a
thôn Nà Deng	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 10' 17"	106° 07' 01"					F-48-45-C-a
thôn Nà Dụ	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 11' 33"	106° 07' 41"					F-48-45-C-b
thôn Nà Mực	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 09' 45"	106° 06' 30"					F-48-45-C-a
thôn Nà Ngò	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 10' 28"	106° 06' 47"					F-48-45-C-a
thôn Nà Piet	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 09' 11"	106° 06' 07"					F-48-45-C-a
thôn Nà Rềng	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 10' 12"	106° 06' 52"					F-48-45-C-a
sông Nà Rì	TV	xã Văn Minh	H. Nà Rì			22° 08' 51"	106° 05' 59"	22° 12' 22"	106° 07' 56"	F-48-45-C-a F-48-45-C-b
thôn Nà Ro	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 09' 17"	106° 06' 31"					F-48-45-C-a
thôn Pác Ban	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 10' 54"	106° 07' 17"					F-48-45-C-a
núi Phía Cang (Phja Cang)	SV	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 11' 16"	106° 08' 17"					F-48-45-C-b
núi Phía Liềng (Phja Liềng)	SV	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 11' 58"	106° 06' 48"					F-48-45-C-a
núi Pịa Lũng Sao (Pja Lũng Sao)	SV	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 12' 25"	106° 06' 07"					F-48-45-C-a
khuổi Piet (Pjệt)	TV	xã Văn Minh	H. Nà Rì			22° 09' 12"	106° 04' 07"	22° 09' 00"	106° 06' 04"	F-48-45-C-a
khuổi Pio	TV	xã Văn Minh	H. Nà Rì			22° 11' 45"	106° 08' 41"	22° 12' 15"	106° 07' 52"	F-48-45-C-b
cầu Pio	KX	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 12' 01"	106° 08' 07"					F-48-45-C-b
thôn Tổng Kang	DC	xã Văn Minh	H. Nà Rì	22° 08' 55"	106° 06' 16"					F-48-45-C-a
khuổi Tục	TV	xã Văn Minh	H. Nà Rì			22° 10' 00"	106° 03' 32"	22° 09' 34"	106° 06' 19"	F-48-45-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
cầu Xiên	KX	xã Văn Minh	H. Na Rì	22° 11' 33"	106° 08' 39"							F-48-45-C-b
thôn Bản Đàng	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 17' 52"	106° 10' 23"							F-48-45-A-d
khu Bản Pin	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 18' 01"	106° 10' 11"							F-48-45-A-d
suối Bản Pin	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 23' 04"	106° 09' 55"	22° 18' 47"	106° 09' 43"			F-48-45-A-b
khuổi Cạn	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 22' 29"	106° 11' 30"	22° 21' 21"	106° 11' 09"			F-48-45-A-d
thôn Chang Ngòa	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 20' 32"	106° 10' 35"							F-48-45-A-d
khu Cốc Tào	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 18' 37"	106° 06' 55"							F-48-45-A-c
khuai Đanห์	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 20' 55"	106° 11' 57"							F-48-45-A-d
khuai Đin	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 21' 46"	106° 10' 02"							F-48-45-A-d
khuổi Hủ	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 19' 19"	106° 10' 52"	22° 19' 09"	106° 08' 52"			F-48-45-A-c F-48-45-A-d
khu Khau Đin	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 21' 28"	106° 09' 04"							F-48-45-A-d
khu Khau Nóc	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 22' 39"	105° 09' 32"							F-48-45-A-b
khu Khau Riêm	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 23' 07"	106° 11' 09"							F-48-45-A-b
thôn Khuổi Mụ	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 18' 05"	106° 11' 21"							F-48-45-A-d
thôn Khuổi Vạc	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 07"	106° 09' 16"							F-48-45-A-d
khuổi Khuông	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 19' 03"	106° 11' 48"	22° 18' 29"	106° 10' 03"			F-48-45-A-d
khuổi Mụ	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 17' 54"	106° 12' 16"	22° 17' 49"	106° 10' 13"			F-48-45-A-d
khu Nà Mải	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 22"	106° 09' 56"							F-48-45-A-d
thôn Nà Quáng	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 17' 41"	106° 10' 37"							F-48-45-A-d
khu Nà Rặng	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 20' 13"	106° 10' 26"							F-48-45-A-d
khu Nà Tùm	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 17"	106° 08' 46"							F-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Nà Ván	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 18' 42"	106° 09' 51"					F-48-45-A-d
khu Nghề	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 17' 10"	106° 10' 29"					F-48-45-A-d
khu Nóc	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 22' 39"	106° 09' 32"					F-48-45-A-b
khu Rãnh	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 41"	106° 07' 54"					F-48-45-A-d
khu Rìa	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 20' 58"	106° 09' 42"	22° 19' 17"	106° 09' 02"	F-48-45-A-d
khu Riem	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 23' 07"	106° 11' 09"					F-48-45-A-b
khu Sặc	TV	xã Vũ Loan	H. Na Rì			22° 20' 26"	106° 06' 57"	22° 18' 47"	106° 09' 43"	F-48-45-A-c F-48-45-A-d
thôn Thôm Eng	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 55"	106° 08' 19"					F-48-45-A-d
thôn Thôm Khinh	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 06"	106° 09' 54"					F-48-45-A-d
thôn Thôm Khon	DC	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 21' 12"	106° 11' 05"					F-48-45-A-d
khu Vải Nèo	SV	xã Vũ Loan	H. Na Rì	22° 19' 20"	106° 07' 00"					F-48-45-A-c
khu Làng Ca	SV	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 39"	106° 05' 25"					F-48-45-C-c
thôn Bắc Sen	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 06"	106° 03' 18"					F-A-45-C-c
khu Bán Trắng	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 02' 00"	106° 04' 58"					F-A-45-C-c
thôn Cốc Càng	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 02' 11"	106° 04' 49"					F-A-45-C-c
cầu Cốc Càng	KX	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 53"	106° 04' 29"					F-48-45-C-c
thôn Cốc Duống	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 01' 45"	106° 04' 28"			22° 00' 24"	106° 02' 50"	F-A-45-C-c F-48-45-C-c
nậm Giảng	TV	xã Xuân Dương	H. Na Rì							F-48-45-C-c
thôn Nà Dăm	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 00' 57"	106° 04' 44"					F-A-45-C-c
cầu Nà Khum	KX	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 00' 15"	106° 04' 00"					F-48-45-C-c
thôn Nà Nhạc	DC	xã Xuân Dương	H. Na Rì	22° 02' 24"	106° 04' 05"					F-A-45-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Nhàng	DC	xã Xuân Dương	H. Nà Rì	22° 01' 30"	106° 03' 50"					F-A-45-C-c
sông Nà Rì	TV	xã Xuân Dương	H. Nà Rì			22° 01' 37"	106° 05' 00"	22° 03' 06"	106° 04' 32"	F-48-45-C-c
thôn Nà Trang	DC	xã Xuân Dương	H. Nà Rì	22° 00' 42"	106° 05' 45"					F-A-45-C-c
suối Nà Trang	TV	xã Xuân Dương	H. Nà Rì			22° 00' 33"	106° 06' 18"	22° 01' 00"	106° 04' 22"	F-48-45-C-c
cầu Pác A	KX	xã Xuân Dương	H. Nà Rì	22° 02' 52"	106° 04' 38"					F-48-45-C-c
khau Thăm Mạ	SV	xã Xuân Dương	H. Nà Rì	22° 02' 27"	106° 02' 49"					F-48-45-C-c
khau Thăm San	DC	xã Xuân Dương	H. Nà Rì	22° 00' 36"	106° 04' 11"					F-A-45-C-c
cầu Thăm Slan	KX	xã Xuân Dương	H. Nà Rì	22° 01' 00"	106° 04' 26"					F-48-45-C-c
suối Thang Nà	TV	xã Xuân Dương	H. Nà Rì			22° 02' 00"	106° 04' 15"	22° 01' 53"	106° 05' 15"	F-48-45-C-c
suối Thôn San	TV	xã Xuân Dương	H. Nà Rì			21° 59' 44"	106° 03' 59"	22° 01' 36"	106° 05' 00"	F-48-57-A-a F-48-45-C-c
núi Xa Khao	SV	xã Xuân Dương	H. Nà Rì	22° 01' 03"	106° 05' 11"					F-48-45-C-c
tiểu khu 1	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 32"	105° 53' 26"					F-48-44-B-b
tiểu khu 2	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 45"	105° 53' 28"					F-48-44-B-b
tiểu khu 3	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 58"	105° 53' 49"					F-48-44-B-b
mỏ Đá Cây Si	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 59"	105° 55' 53"					F-48-44-B-b
thôn Bản Cây	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 21' 25"	105° 53' 19"					F-48-44-B-d
thôn Bản Hòa	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 20' 50"	105° 53' 19"					F-48-44-B-d
cầu Bản Hòa	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 20' 29"	105° 53' 22"					F-48-44-B-d
thôn Bản Mạch	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 46"	105° 55' 30"					F-48-44-B-b
cầu Bản Mạch	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 38"	105° 55' 29"					F-48-44-B-b
thôn Cốc Pái	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 15"	105° 52' 24"					F-48-44-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cốc Tào	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 21' 42"	105° 53' 30"					F-48-44-B-d
thôn Cốc Xá	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 18"	105° 56' 10"					F-48-44-B-b
thôn Công Quán	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 09"	105° 55' 02"					F-48-44-B-b
công ty Đường 132	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 20' 33"	105° 53' 14"					F-48-44-B-d
susưởi Hà Hiệu	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 23' 39"	105° 53' 03"	22° 24' 30"	105° 52' 00"	F-48-44-B-a F-48-44-B-b
susưởi Khuổi Chù	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 22' 05"	105° 52' 38"	22° 21' 58"	105° 53' 14"	F-48-44-B-d
cầu Khuổi Tháy	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 17"	105° 53' 16"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Lịa	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 13"	105° 54' 57"					F-48-44-B-b
cầu Lũng Lịa	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 26"	105° 54' 19"					F-48-44-B-b
thôn Lũng Nhá	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 20"	105° 54' 19"					F-48-44-B-d
cầu Nà Coóc	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 18"	105° 52' 31"					F-48-44-B-b
thôn Nà Duồng	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 08"	105° 53' 24"					F-48-44-B-b
susưởi Nà Duồng	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 23' 12"	105° 51' 48"	22° 23' 39"	105° 53' 02"	F-48-44-B-a F-48-44-B-b
cầu Nà Ha	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 21' 14"	105° 53' 14"					F-48-44-B-d
thôn Nà Kềng	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 51"	105° 52' 56"					F-48-44-B-b
thôn Nà Khoang	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 51"	105° 54' 50"					F-48-44-B-b
khu du lịch Nà Khoang	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 04"	105° 55' 36"					F-48-44-B-b
thôn Nà Này	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 42"	105° 53' 51"					F-48-44-B-b
thôn Nà Nội	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 23' 28"	105° 55' 34"					F-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Pán	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 34"	105° 53' 38"					F-48-44-B-b
suối Nà Phặc	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 20' 24"	105° 53' 45"	22° 23' 39"	105° 53' 03"	F-48-44-B-b F-48-44-B-d
suối Nà Phặc	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 22' 58"	105° 55' 31"	22° 22' 38"	105° 53' 42"	F-48-44-B-b
cầu Nà Phặc	KX	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 45"	105° 53' 27"					F-48-44-B-b
thôn Nà Tò	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 24' 01"	105° 52' 38"					F-48-44-B-b
suối Nà Tò	TV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn			22° 23' 18"	105° 51' 32"	22° 23' 55"	105° 52' 44"	F-48-44-B-a F-48-44-B-b
thôn Phia Chang (Phja Chang)	DC	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 22' 09"	105° 55' 46"					F-48-44-B-d
múi Vẻ Chánh	SV	TT. Nà Phặc	H. Ngân Sơn	22° 20' 45"	105° 52' 50"					F-48-44-B-d
suối Bằng Khẩu	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 28' 58"	106° 03' 19"	22° 27' 36"	106° 03' 19"	F-48-45-A-a
thôn Bẻ Lê	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 33' 07"	106° 04' 51"					F-48-33-C-c
múi Bẻ Lê	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 32' 57"	106° 05' 21"					F-48-33-C-c
thôn Cốc Lải	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 50"	106° 02' 52"					F-48-45-A-a
thôn Đông Chót	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 35"	106° 02' 55"					F-48-45-A-a
suối Đông Chót	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 28' 25"	106° 01' 36"	22° 29' 15"	106° 04' 10"	F-48-45-A-a
múi Kéo Cột	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 37"	106° 06' 31"					F-48-33-C-c
múi Khau Bò	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 32' 34"	106° 04' 51"					F-48-33-C-c
khau Khau Khom	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 58"	106° 04' 24"					F-48-45-A-a
thôn Khau Phòong	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 51"	106° 06' 15"					F-48-45-A-a
suối Khau Phòong	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 29' 51"	106° 04' 49"	22° 30' 10"	106° 07' 01"	F-48-45-A-a F-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khau Slao	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 42"	106° 04' 03"					F-48-45-A-a
thôn Kinh Héo	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 36"	106° 05' 54"					F-48-45-A-a
suối Kinh Héo	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 27' 17"	106° 05' 36"	22° 29' 56"	106° 06' 22"	F-48-45-A-a
thôn Khu C	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 59"	106° 03' 17"					F-48-45-A-a
thôn Khu Chợ	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 22"	106° 03' 00"					F-48-45-A-a
thôn Khu Chợ AB	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 15"	106° 03' 12"					F-48-45-A-a
thôn Khuối Ngoa	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 58"	106° 04' 32"					F-48-33-C-c
thôn Khuối Pục	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 35"	106° 05' 16"					F-48-45-A-a
thôn Khuối Sắt	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 31"	106° 03' 59"					F-48-33-C-c
thôn Khuối Sli	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 31' 11"	106° 05' 20"					F-48-33-C-c
thôn Lũng Slao	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 22"	106° 03' 25"					F-48-33-C-c
thôn Lũng Vài	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 36"	106° 04' 38"					F-48-45-A-a
cầu Nà Slú	KX	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 17"	106° 03' 32"					F-48-45-A-a
thôn Nặm Nộc	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 30' 03"	106° 04' 20"					F-48-33-C-c
nậm Nộc	TV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn			22° 29' 15"	106° 04' 10"	22° 29' 51"	106° 04' 49"	F-48-45-A-a
thôn Nưa Phia (Nưa Phja)	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 28' 01"	106° 01' 36"					F-48-45-A-a
thôn Pác Nạn	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 49"	106° 05' 07"					F-48-45-A-a
núi Phia Đen (Phja Đen)	SV	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 31' 09"	106° 04' 39"					F-48-33-C-c
thôn Pù Mò	DC	xã Bằng Vân	H. Ngân Sơn	22° 29' 07"	106° 03' 23"					F-48-45-A-a
thôn Bản Pấu	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 30' 31"	105° 57' 58"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bàn Pòm	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 12"	105° 56' 47"					F-48-44-B-b
suối Bàn Pòm	TV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn			22° 28' 58"	105° 55' 09"	22° 30' 06"	105° 57' 25"	F48-44-B-b F-48-32-D
thôn Bàn Sù	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 30' 22"	105° 57' 15"					F-48-32-D
thôn Cốc Phia (Cốc Phja)	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 30"	105° 57' 08"					F-48-44-B-b
thôn Hoàng Phai	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 59"	105° 58' 18"					F-48-44-B-b
kkhau Ket	SV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 40"	105° 54' 52"					F-48-44-B-b
thôn Khuổi Diến	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 30' 33"	105° 59' 07"					F-48-32-D
thôn Khuổi Hẻo	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 28' 14"	105° 54' 57"					F-48-44-B-b
thôn Khuổi Ngoại	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 08"	105° 55' 45"					F-48-32-D
thôn Khuổi Xương	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 31"	105° 56' 22"					F-48-32-D
núi Khuổi Xương	SV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 39"	105° 56' 04"					F-48-32-D
thôn Lũng Viên	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 27' 58"	105° 55' 17"					F-48-44-B-b
thôn Nà Cha	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 55"	105° 58' 35"					F-48-44-B-b
thôn Nà Coọt	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 30' 20"	105° 58' 19"					F-48-32-D
thôn Nà Ngàn	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 16"	105° 58' 05"					F-48-44-B-b
thôn Phia Cao (Phja Cao)	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 09"	105° 58' 40"					F-48-32-D
thôn Phiêng Lèng (Phjêng Lèng)	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 28' 54"	105° 54' 23"					F-48-44-B-b
núi Phiêng Nà (Phjêng Nà)	SV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 31' 34"	105° 57' 24"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Sloòng (Phiêng Sloòng)	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 27' 25"	105° 55' 55"					F-48-44-B-b
thôn Pù Có	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 09"	105° 55' 53"					F-48-44-B-b
núi Sloòng	SV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 29' 37"	105° 55' 33"					F-48-44-B-b
suối Ta Cáy	TV	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn			22° 30' 06"	105° 57' 25"	22° 30' 33"	105° 59' 23"	F-48-32-D
thôn Tát Sĩa	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 28' 14"	105° 57' 23"					F-48-44-B-b
thôn Thôm Sinh	DC	xã Cốc Đán	H. Ngân Sơn	22° 28' 36"	105° 56' 19"					F-48-44-B-b
khau Xiêm	SV	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 53"	106° 05' 01"					F-48-45-A-a
thôn Bản Chang	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 52"	106° 01' 05"					F-48-45-A-a
hồ Bản Chang	TV	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 15"	106° 01' 27"					F-48-45-A-a
suối Bản Chang	TV	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn			22° 27' 23"	106° 01' 38"	22° 28' 16"	106° 02' 32"	F-48-45-A-a
thôn Bản Dăm	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 43"	106° 02' 11"					F-48-45-A-a
thôn Bản Duối	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 30"	106° 03' 35"					F-48-45-A-a
thôn Bản Tặc	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 20"	106° 02' 54"					F-48-45-A-a
mỏ đá Bản Tặc	KX	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 20"	106° 02' 15"					F-48-45-A-a
thôn Nậm Làng	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 06"	106° 05' 20"					F-48-45-A-a
thôn Phiêng Dương (Phiêng Dương)	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 26' 22"	106° 03' 26"					F-48-45-A-a
thôn Quan Làng	DC	xã Đức Vân	H. Ngân Sơn	22° 27' 40"	106° 01' 55"					F-48-45-A-a
thôn Bản Cầu	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 28"	105° 57' 07"					F-48-44-B-d
thôn Bản Quân	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 44"	105° 56' 47"					F-48-44-B-d
thôn Cốc Duốc	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 17' 45"	105° 57' 51"					F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Ôn	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 36"	105° 57' 57"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Ngừ	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 17' 55"	105° 56' 49"					F-48-44-B-d
thôn Nà Bán	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 19' 24"	105° 57' 11"					F-48-44-B-d
thôn Nà Cà Ngòi	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 52"	105° 56' 02"					F-48-44-B-d
thôn Nà Cà Trong	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 31"	105° 55' 57"					F-48-44-B-d
thôn Nà Cà Càng	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 36"	105° 57' 16"					F-48-44-B-d
thôn Nà Mò	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 45"	105° 56' 20"					F-48-44-B-d
thôn Nà Nặc 1	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 19' 48"	105° 58' 12"					F-48-44-B-d
thôn Nà Nặc 2	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 19' 31"	105° 57' 53"					F-48-44-B-d
thôn Năm Dân	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 28"	105° 58' 23"					F-48-44-B-d
thôn Năm Nầu	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 19' 02"	105° 55' 42"					F-48-44-B-d
thôn Phia Giang (Phja Giang)	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 17' 27"	106° 57' 32"					F-48-44-B-d
thôn Phiêng Pục (Phịêng Pục)	DC	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 50"	105° 57' 03"					F-48-44-B-d
núi Slam Lái	SV	xã Hương Nê	H. Ngân Sơn	22° 18' 05"	105° 56' 04"					F-48-44-B-d
đường tỉnh 279	KX	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn			22° 18' 43"	105° 54' 04"	22° 19' 04"	105° 54' 25"	F-48-44-B-d
thôn Bán Khét	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 20' 30"	105° 54' 14"					F-48-44-B-d
thôn Bó Léch	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 20' 07"	105° 54' 05"					F-48-44-B-d
thôn Bó Tình	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 17' 55"	105° 54' 35"					F-48-44-B-d
thôn Cùm Nhá	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 21' 11"	105° 54' 22"					F-48-44-B-d
khuổi Dà	TV	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn			22° 19' 12"	105° 54' 20"	22° 20' 24"	105° 53' 44"	F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Đuống	TV	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn			22° 19' 05"	105° 55' 25"	22° 19' 12"	105° 54' 20"	F-48-44-B-d
đèo Giàng	SV	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 17' 52"	105° 54' 14"					F-48-44-B-d
đèo Khau Keng	SV	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 18' 57"	105° 55' 08"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Bóc	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 48"	105° 54' 02"					F-48-44-B-d
múi Lũng Ruốc	SV	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 20' 34"	105° 55' 48"					F-48-44-B-d
múi Lũng Vải	SV	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 38"	105° 54' 51"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Vải	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 40"	105° 55' 25"					F-48-44-B-d
khuổi My	TV	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn			22° 19' 31"	105° 54' 07"	22° 20' 03"	105° 54' 05"	F-48-44-B-d
thôn Nà Lạn	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 35"	105° 54' 15"					F-48-44-B-d
thôn Nà Toòng	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 18' 22"	105° 55' 10"					F-48-44-B-d
thôn Nà Vải	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 18' 46"	105° 05' 40"					F-48-44-B-d
cầu Nà Vải	KX	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 18' 29"	105° 54' 28"					F-48-44-B-d
thôn Phác Lóm	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 56"	105° 54' 28"					F-48-44-B-d
thôn Phia Khao (Phịa Khao)	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 21' 01"	105° 55' 08"					F-48-44-B-d
khau Phung	SV	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 08"	105° 53' 08"					F-48-44-B-d
thôn Pù Cà	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 09"	105° 54' 08"					F-48-44-B-d
thôn Slam Pác	DC	xã Lăng Ngâm	H. Ngân Sơn	22° 19' 09"	105° 54' 27"					F-48-44-B-d
đường tỉnh 279	KX	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn			22° 20' 00"	105° 58' 40"	22° 18' 52"	106° 01' 57"	F-48-44-B-d F-48-45-A-c
thôn Bản Bàng	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 44"	106° 00' 02"					F-48-45-A-c
thôn Bản Giang	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 25"	106° 00' 44"					F-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Giang	TV	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn			22° 21' 12"	106° 00' 13"	22° 19' 21"	106° 01' 11"	F-48-45-A-c
thôn Bản Lìm	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 19' 02"	106° 00' 29"					F-48-45-A-c
suối Bản Lìm	TV	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn			22° 18' 32"	105° 58' 40"	22° 19' 21"	106° 01' 11"	F-48-44-B-d F-48-45-A-c
thôn Cùm Nhương	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 21' 28"	105° 57' 24"					F-48-44-B-d
thôn Đông Tạc	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 21' 02"	105° 57' 12"					F-48-44-B-d
thôn Khau Thóc	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 15"	106° 01' 54"					F-48-45-A-c
thôn Khon Đóc	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 06"	105° 59' 22"					F-48-44-B-d
thôn Khu Chợ	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 28"	106° 00' 20"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Cháp	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 18' 54"	105° 59' 32"					F-48-44-B-d
thôn Khuổi Lầy	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 18' 54"	106° 03' 00"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Pháy	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 18' 58"	106° 03' 58"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Tục	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 24"	105° 59' 04"					F-48-44-B-d
thôn Lũng Miệng	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 44"	105° 56' 34"					F-48-44-B-d
thôn Nà Chúa	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 19' 23"	106° 01' 16"					F-48-45-A-c
suối Nà Chúa	TV	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn			22° 19' 21"	106° 01' 11"	22° 19' 32"	106° 04' 25"	F-48-45-A-c
thôn Nà Coóc	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 19' 46"	106° 03' 00"					F-48-45-A-c
thôn Nà Mu	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 22"	105° 59' 44"					F-48-44-B-d
khkhu Phạ	SV	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 54"	106° 01' 21"					F-48-45-A-c
khkhu Tán	SV	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 13"	105° 57' 37"					F-48-44-B-d
thôn Tàng Vải	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 19' 06"	106° 00' 14"					F-48-45-A-c
thôn Thôm An	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 20' 35"	105° 56' 38"					F-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thôm Tà	DC	xã Thuận Mang	H. Ngân Sơn	22° 21' 07"	105° 57' 55"					F-48-44-B-d
thôn Bản É	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 32' 37"	106° 01' 38"					F-48-33-C-c
thôn Bản Luộc	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 29' 25"	106° 01' 22"					F-48-45-A-a
thôn Bản Slành	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 48"	106° 01' 23"					F-48-33-C-c
thôn Cấn Pèò	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 28' 45"	105° 59' 40"					F-48-44-B-b
thôn Cốc Mặn	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 31' 39"	106° 00' 56"					F-48-33-C-c
thôn Duồm A	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 29' 34"	106° 00' 21"					F-48-45-A-a
thôn Duồm B	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 29' 26"	105° 59' 57"					F-48-44-B-b
thôn Khưa Nam	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 42"	106° 02' 31"					F-48-33-C-c
thôn Khuổi Coóc	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 32' 58"	106° 02' 47"					F-48-33-C-c
thôn Khuổi Pán	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 28' 21"	105° 59' 54"					F-48-44-B-b
thôn Khuổi Slảo	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 32' 27"	106° 00' 47"					F-48-33-C-c
thôn Nà Bư	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 02"	106° 01' 41"					F-48-33-C-c
thôn Nà Choán	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 12"	106° 01' 38"					F-48-33-C-c
thôn Nà Hìn	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 21"	106° 01' 20"					F-48-33-C-c
thôn Nà Pài	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 31' 05"	106° 01' 18"					F-48-33-C-c
thôn Nà Sáng	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 52"	106° 00' 32"					F-48-33-C-c
thôn Nà Y	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 41"	106° 00' 45"					F-48-33-C-c
thôn Phiêng Cháo (Phiêng Cháo)	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 34' 14"	106° 03' 37"					F-48-33-C-c
thôn Phiêng Khít (Phiêng Khít)	DC	xã Thượng Ân	H. Ngân Sơn	22° 28' 40"	106° 01' 29"					F-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Roòng Tặc	DC	xã Thương Ân	H. Ngân Sơn	22° 29' 55"	106° 00' 18"					F-48-45-A-a
thôn Roòng Thù	DC	xã Thương Ân	H. Ngân Sơn	22° 31' 07"	106° 00' 28"					F-48-33-C-c
suối Tà Cáy	TV	xã Thương Ân	H. Ngân Sơn			22° 28' 49"	105° 59' 18"	22° 34' 14"	106° 03' 48"	F-48-32-D F-48-33-C-c
thôn Thảm Ông	DC	xã Thương Ân	H. Ngân Sơn	22° 30' 41"	106° 01' 42"					F-48-33-C-c
thôn Bản Hòa	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 26' 15"	105° 53' 05"					F-48-44-B-b
thôn Bản Phạc	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 54"	105° 53' 34"					F-48-44-B-b
suối Bản Phạc	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 24' 50"	105° 53' 54"	22° 24' 27"	105° 52' 50"	F-48-44-B-b
thôn Bản Phẳng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 58"	105° 54' 44"					F-48-44-B-b
suối Bản Phẳng	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 25' 46"	105° 55' 13"	22° 24' 50"	105° 53' 54"	F-48-44-B-b
thôn Bằng Lăng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 13"	106° 00' 34"					F-48-45-A-a
thôn Bó Mòn	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 26' 06"	105° 55' 43"					F-48-44-B-b
thôn Càng Cào	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 28' 06"	105° 53' 32"					F-48-44-B-b
nậm Chang	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 21' 03"	106° 06' 53"	22° 19' 33"	106° 04' 24"	F-48-45-A-c
nậm Chằng	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 56"	106° 07' 19"	22° 21' 03"	106° 06' 53"	F-48-45-A-a F-48-45-A-a
khuổi Cho	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn							F-48-45-B-d
thôn Cò Luồng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 19"	106° 00' 16"			22° 21' 23"	106° 00' 14"	F-48-45-A-c
thôn Cốc Lùng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 23"	106° 02' 02"					F-48-45-A-c
suối Cốc Lùng	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 21' 11"	106° 01' 24"	22° 21' 26"	106° 03' 11"	F-48-45-A-c
thôn Đông Van	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 31"	105° 59' 51"					F-48-44-B-b
núi Khao Con	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 25' 49"	106° 02' 16"					F-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khôn Pì	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 57"	106° 01' 11"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Đăm	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 44"	106° 02' 23"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Đoảng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 38"	106° 05' 18"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Khương	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 00"	106° 01' 42"					F-48-45-A-a
núi Khuổi Moọng	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 59"	106° 06' 27"					F-48-45-A-a
thôn Khuổi Sầu	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 05"	106° 03' 26"					F-48-45-A-c
thôn Khuổi Tro	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 20"	106° 00' 08"					F-48-45-A-c
thôn Ma Nòn	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 15"	106° 03' 07"					F-48-45-A-a
mỏ vàng Ma Nu	KX	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 25' 14"	106° 04' 20"					F-48-45-A-a
thôn Nà Chứa	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 25' 00"	105° 52' 38"					F-48-44-B-b
suối Nà Chứa	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 26' 28"	105° 53' 10"	22° 24' 27"	105° 52' 50"	F-48-44-B-b
thôn Nà Đảo	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 07"	106° 00' 39"					F-48-45-A-a
thôn Nà Đi	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 24' 34"	105° 53' 03"					F-48-44-B-b
thôn Nà Kéo	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 56"	105° 59' 05"					F-48-44-B-b
suối Nà Kéo	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 22' 23"	105° 57' 43"	22° 22' 46"	105° 59' 04"	F-48-44-B-d F-48-44-B-b
thôn Nà Kịt	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 42"	106° 02' 50"					F-48-45-A-a
suối Nà Mòn	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 22' 14"	106° 01' 32"	22° 21' 45"	106° 00' 25"	F-48-45-A-c
núi Nà Nao	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 26' 17"	105° 55' 10"					F-48-44-B-b
thôn Nà Pán	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 26' 47"	105° 54' 01"					F-48-44-B-b
thôn Nà Pao (Nà Pjao)	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 20' 06"	106° 06' 22"					F-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Pò	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 19"	105° 02' 32"	22° 19' 33"	106° 04' 25"	F-48-45-A-c
thôn Nà Ránh	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 02"	106° 03' 10"					F-48-45-A-c
suối Ngân Sơn	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 59"	105° 59' 09"	22° 21' 12"	106° 00' 13"	F-48-44-B-b F-48-45-A-c
thôn Pác Đa	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 39"	106° 04' 31"					F-48-45-A-c
núi Phía Khau (Phịa Khau)	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 27' 48"	105° 54' 56"					F-48-44-B-b
thôn Pù Áng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 21' 59"	106° 00' 34"					F-48-45-A-c
thôn Pù Phòng	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 56"	106° 04' 57"					F-48-45-A-a
thôn Pù Pốt (Pù Pjót)	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 22"	106° 06' 35"					F-48-45-A-c
suối Pù Pốt (Pù Pjót)	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 19"	106° 06' 42"	22° 19' 51"	106° 05' 20"	F-48-45-A-a F-48-45-A-c
khuổi Ròng	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 02' 50"	105° 05' 12"	22° 23' 19"	105° 02' 32"	F-48-45-A-a
khuai Roo	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 34"	106° 06' 58"					F-48-45-A-a
thôn Sam Coóc	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 22' 00"	106° 07' 56"					F-48-45-A-d
suối Slam Coóc	TV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn			22° 23' 30"	106° 10' 50"	22° 24' 34"	106° 09' 44"	F-48-44-A-b
thôn Tênh Kiết	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 30"	105° 57' 21"					F-48-44-B-b
khuai Thám Tàng	SV	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 23' 56"	106° 09' 37"					F-48-45-A-a
thôn Vườn Cam	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 25' 23"	106° 04' 56"					F-48-45-A-a
thôn Vuông	DC	xã Trung Hòa	H. Ngân Sơn	22° 27' 02"	105° 54' 30"					F-48-44-B-b
thôn Bản Liềng	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 18"	106° 00' 50"					F-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Mới	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 07"	105° 59' 46"					F-48-44-B-b
thôn Bản Phiêng (Bản Phiêng)	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 39"	105° 59' 12"					F-48-44-B-b
suối Bản Piêng	TV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn			22° 26' 56"	105° 58' 07"	22° 24' 44"	106° 00' 52"	F-48-44-B-b
thôn Bản Slung	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 27"	105° 59' 55"					F-48-44-B-b
thôn Cốc Lùng	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 24' 43"	105° 58' 11"					F-48-44-B-b
suối Cốc Lùng	TV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn			22° 25' 16"	105° 56' 46"	22° 23' 58"	105° 59' 09"	F-48-44-B-b
thôn Đèo Gió	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 24' 58"	105° 56' 50"					F-48-44-B-b
thôn Đông Pầu (Đông Pjầu)	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 27' 05"	105° 59' 21"					F-48-44-B-b
suối Đông Pầu (Đông Pjầu)	TV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn			22° 27' 12"	105° 59' 37"	22° 26' 58"	105° 59' 10"	F-48-44-B-b
múi Lăm Cùn	SV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 11"	106° 00' 33"					F-48-45-A-a
thôn Lùng Mò	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 27' 29"	105° 58' 43"					F-48-44-B-b
thôn Nà Bóc	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 27' 38"	105° 59' 29"					F-48-44-B-b
thôn Nà Nghè	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 35"	105° 58' 56"					F-48-44-B-b
thôn Nà Pài	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 08"	106° 00' 14"					F-48-45-A-a
thôn Nà Pén	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 46"	106° 00' 53"					F-48-45-A-a
thôn Nà Xáng	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 55"	105° 58' 43"					F-48-44-B-b
cầu Nam Sách	KX	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 07"	105° 56' 57"					F-48-44-B-b
thôn Ngân Sơn	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 43"	105° 59' 28"					F-48-44-B-b
cầu Ngân Sơn	KX	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 54"	105° 59' 41"					F-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
thôn Phia Khao (Phja Khao)	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 11"	105° 58' 29"						F-48-44-B-b
thôn Tiểu Khu 1	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 26' 04"	105° 59' 46"						F-48-44-B-b
thôn Tóc Lù	DC	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn	22° 25' 48"	105° 58' 33"						F-48-44-B-b
suối Tóc Lù	TV	xã Vân Tùng	H. Ngân Sơn			22° 25' 41"	105° 58' 40"	22° 25' 49"	105° 59' 20"		F-48-44-B-b
thôn Khuê Tum	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 35' 06"	105° 43' 59"						F-48-32-C
thôn Lồng	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 34' 59"	105° 45' 50"						F-48-32-D
thôn Mông	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 34' 34"	105° 45' 22"						F-48-32-D
thôn Nà Chủ	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 33' 47"	105° 45' 25"						F-48-32-D
thôn Nà Mòn	DC	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 34' 02"	105° 45' 39"						F-48-32-D
núi Nặm Mòn	SV	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 34' 40"	105° 45' 50"						F-48-32-D
sông Năng	TV	xã An Thắng	H. Pác Nặm			22° 37' 47"	105° 44' 09"	22° 34' 25"	105° 46' 38"		F-48-32-C
núi Tam Ho	SV	xã An Thắng	H. Pác Nặm	22° 32' 26"	105° 45' 21"						F-48-32-D
thôn Bản Khúa	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 26"	105° 43' 23"						F-48-32-C
thôn Bản Mạn	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 19"	105° 41' 42"						F-48-32-C
thôn Cốc Lùng	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 37"	105° 41' 53"						F-48-32-C
núi Còi Chí	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 48"	105° 41' 41"						F-48-32-C
núi Đin Đeng	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 00"	105° 43' 27"						F-48-32-C
núi Kéo Cạch	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 37' 44"	105° 42' 49"						F-48-32-C
thôn Khau Bang	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 01"	105° 43' 23"						F-48-32-C
suối Khau Bang	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 43' 24"	105° 43' 11"	22° 42' 20"	105° 42' 26"		F-48-32-C
thôn Khuổi Danh	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 59"	105° 42' 54"						F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Khuổi Lạn	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 42' 07"	105° 41' 56"							F-48-32-C
thôn Khuổi Lính	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 39' 58"	105° 43' 53"							F-48-32-C
thôn Khuổi Mạn	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 42' 08"	105° 39' 58"							F-48-32-C
thôn Khuổi Phong	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 13"	105° 46' 01"							F-48-32-D
thôn Khuổi Sầm	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 55"	105° 41' 38"							F-48-32-C
thôn Khuổi Slum	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 26"	105° 43' 05"							F-48-32-C
thôn Khuổi Viêng	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 54"	105° 41' 52"							F-48-32-C
khuổi Lạn	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 40' 51"	105° 40' 25"	22° 42' 25"	105° 42' 16"			F-48-32-C
	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 41' 01"	105° 45' 25"	22° 39' 23"	105° 43' 34"			F-48-32-D F-48-32-C
thôn Lũng Mít	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 52"	105° 41' 20"							F-48-32-C
núi Luông Còi	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 34"	105° 40' 16"							F-48-32-C
khuổi Mạn	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 42' 07"	105° 38' 49"	22° 43' 09"	105° 41' 45"			F-48-32-C
thôn Nà Lại	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 38"	105° 43' 41"							F-48-32-C
suối Nà Lại	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 42' 08"	105° 45' 17"	22° 41' 12"	105° 43' 02"			F-48-32-D F-48-32-C
	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 24"	105° 43' 05"							F-48-32-C
thôn Nà Vài	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 42' 13"	105° 43' 45"							F-48-32-C
núi Nặm Kim	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 43' 21"	105° 41' 23"	22° 38' 12"	105° 43' 30"			F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 37' 58"	105° 42' 25"	22° 38' 12"	105° 43' 30"			F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm									F-48-32-C
núi Pác Lả	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 23"	105° 39' 03"							F-48-32-C
thôn Pác Nặm	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 38' 28"	105° 43' 37"							F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phia Théc (Phja Théc)	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 43' 37"	105° 42' 43"					F-48-32-C
núi Pù Cài	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 40' 24"	105° 42' 14"					F-48-32-C
núi Pù Pỉnh	SV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 41' 10"	105° 39' 18"					F-48-32-C
thôn Tát Lào	DC	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm	22° 42' 29"	105° 43' 41"					F-48-32-C
khuổi Viêng	TV	xã Bằng Thành	H. Pác Nặm			22° 41' 09"	105° 41' 22"	22° 41' 57"	105° 42' 37"	F-48-32-C
núi Kéo Cách	SV	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 37' 52"	105° 42' 19"					F-48-32-C
thôn Khau Đắng	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 36' 43"	105° 40' 55"					F-48-32-C
thôn Khau Phẳng	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 35' 24"	105° 38' 06"					F-48-32-C
thôn Khau Vai	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 35' 06"	105° 37' 12"					F-48-32-C
thôn Khuổi Bè	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 38' 31"	105° 41' 24"					F-48-32-C
thôn Lũng Páng	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 39' 54"	105° 41' 06"					F-48-32-C
thôn Nà Càng	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 36' 29"	105° 39' 47"					F-48-32-C
thôn Nà Lầy	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 37' 48"	105° 42' 07"					F-48-32-C
thôn Nà Lặng	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 36' 58"	105° 40' 01"					F-48-32-C
thôn Nà Rầu	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 36' 50"	105° 38' 42"					F-48-32-C
thôn Nà Sha	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 37' 26"	105° 40' 26"					F-48-32-C
thôn Nặm Mây	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 36' 07"	105° 38' 17"					F-48-32-C
thôn Phiêng Lũng (Phịêng Lũng)	DC	xã Bộc Bó	H. Pác Nặm	22° 35' 41"	105° 40' 07"					F-48-32-C
thôn Bản Bón	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 01"	105° 38' 35"					F-48-32-C
thôn Bản Cầm	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 32' 53"	105° 39' 29"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bàn Cầm	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 34' 09"	105° 39' 28"	22° 32' 20"	105° 38' 26"	F-48-32-C
thôn Bàn Nghè	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 25"	105° 38' 35"					F-48-32-C
thôn Bàn Nhàm	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 12"	105° 40' 08"					F-48-32-C
suối Bàn Nhàm	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 31' 23"	105° 39' 53"	22° 30' 18"	105° 39' 27"	F-48-32-C
thôn Bàn Sáng	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 34' 05"	105° 38' 06"					F-48-32-C
thôn Chẻ Pang	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 12"	105° 37' 30"					F-48-32-C
thôn Cốc Lùng	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 50"	105° 35' 02"					F-48-32-C
thôn Đuông Nưa	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 55"	105° 38' 53"					F-48-32-C
thôn Khuổi Trà	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 34' 01"	105° 35' 49"					F-48-32-C
suối Khuổi Trà	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 34' 52"	105° 37' 02"	22° 33' 43"	105° 36' 44"	F-48-32-C
thôn Lâu Vải	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 04"	105° 38' 02"					F-48-32-C
thôn Lũng Páp	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 07"	105° 36' 25"					F-48-32-C
thôn Ma Khao	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 31' 52"	105° 40' 16"					F-48-32-C
thôn Nà Han	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 07"	105° 39' 36"					F-48-32-C
núi Nà Liêng	SV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 10"	105° 38' 51"					F-48-32-C
thôn Nà Loong	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 44"	105° 38' 48"					F-48-32-C
thôn Nà Pùng	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 29"	105° 34' 59"					F-48-32-C
suối Nà Pùng	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 33' 42"	105° 34' 52"	22° 33' 42"	105° 36' 48"	F-48-32-C
thôn Năm Nhì	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 33' 29"	105° 36' 43"					F-48-32-C
thôn Pác Khoang	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 34' 26"	105° 35' 38"					F-48-32-C
thôn Phiêng Nghè (Phiêng Nghè)	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 32"	105° 40' 41"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phiêng Puốc (Phiêng Puốc)	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 30' 40"	105° 39' 11"					F-48-32-C
suối Pù Lườn	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 32' 20"	105° 38' 26"	22° 29' 58"	105° 39' 28"	F-48-32-C F-48-44-A-b
suối Tả Nhì	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 34' 08"	105° 35' 33"	22° 33' 41"	105° 36' 42"	F-48-32-C
suối Tả Vạc	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 33' 42"	105° 36' 48"	22° 32' 31"	105° 38' 05"	F-48-32-C
thôn Thôm Then	DC	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm	22° 32' 56"	105° 36' 50"					F-48-32-C
khuổi Ý	TV	xã Cổ Linh	H. Pác Nặm			22° 32' 14"	105° 39' 02"	22° 32' 08"	105° 38' 22"	F-48-32-C
thôn Cốc Nọt	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 37' 23"	105° 32' 24"					F-48-32-C
thôn Khên Lèn	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 39' 11"	105° 34' 41"					F-48-32-C
suối Khên Lèn	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 38' 24"	105° 34' 22"	22° 37' 30"	105° 33' 56"	F-48-32-C
thôn Nà Bản	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 34' 41"	105° 35' 28"					F-48-32-C
thôn Nà Chảo	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 35' 56"	105° 34' 52"					F-48-32-C
thôn Nà Dàng	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 35' 42"	105° 35' 20"					F-48-32-C
suối Nà Dàng	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 36' 03"	105° 33' 11"	22° 35' 26"	105° 34' 52"	F-48-32-C
thôn Nà Tấu	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 36' 11"	105° 35' 24"					F-48-32-C
thôn Nặm Slai	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 37' 05"	105° 33' 04"					F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 35' 26"	105° 34' 52"	22° 36' 39"	105° 35' 57"	F-48-32-C
thôn Pác Cáp	DC	xã Công Bằng	H. Pác Nặm	22° 35' 24"	105° 34' 26"					F-48-32-C
năm Slai	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 37' 30"	105° 33' 56"	22° 36' 29"	105° 35' 41"	F-48-32-C
suối Tả Cáp	TV	xã Công Bằng	H. Pác Nặm			22° 34' 30"	105° 34' 23"	22° 35' 16"	105° 34' 55"	F-48-32-C
thôn Hồng Mú	DC	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm	22° 37' 37"	105° 35' 17"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Khau Slôm	TV	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm			22° 38' 19"	105° 35' 37"	22° 37' 32"	105° 35' 07"	F-48-32-C		
thôn Khuổi Lè	DC	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm	22° 37' 30"	105° 37' 05"					F-48-32-C		
khuổi Lè	TV	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm			22° 38' 23"	105° 37' 11"	22° 36' 48"	105° 37' 02"	F-48-32-C		
thôn Nà My	DC	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm	22° 36' 40"	105° 37' 08"					F-48-32-C		
thôn Nà Thiêm	DC	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm	22° 36' 58"	105° 38' 20"					F-48-32-C		
sông Năng	TV	xã Giáo Hiệu	H. Pác Nặm			22° 36' 39"	105° 35' 57"	22° 36' 45"	105° 38' 23"	F-48-32-C		
thôn Bản Đỉnh	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 31' 19"	105° 41' 28"					F-48-32-C		
núi Bản Lấp	SV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 30' 45"	105° 45' 05"					F-48-32-D		
thôn Bản Nà	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 46"	105° 44' 49"					F-48-44-A		
thôn Chuộc Âu	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 38"	105° 41' 24"					F-48-44-A-b		
thôn Cốc Bát	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 42"	105° 44' 28"					F-48-44-A-b		
núi Khau Cam	SV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 37"	105° 42' 41"					F-48-44-A		
thôn Khâu Nền	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 31' 05"	105° 44' 17"					F-48-32-C		
thôn Khuổi Muồng	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 28"	105° 44' 42"					F-48-44-A-b		
thôn Khuổi Phay	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 33' 07"	105° 42' 22"					F-48-32-C		
thôn Khuổi Slư	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 49"	105° 44' 20"					F-48-44-A-b		
thôn Khuổi Thao	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 32' 20"	105° 44' 06"					F-48-32-C		
thôn Lũng Pò (Lũng Pjò)	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 42"	105° 43' 41"					F-48-44-A		
suối Nà Pàn	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 31' 57"	105° 44' 55"	22° 30' 00"	105° 44' 21"	F-48-32-C F-48-44-A-b		
thôn Nà Vài	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 31' 05"	105° 43' 08"					F-48-32-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pác Giã	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 29' 53"	105° 44' 42"					F-48-44-A-b
thôn Pác Liễn	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 30' 36"	105° 43' 26"					F-48-32-C
suối Pác Liễn	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 30' 39"	105° 43' 11"	22° 30' 00"	105° 44' 20"	F-48-32-C
khuổi Pháy	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 32' 42"	105° 42' 14"	22° 31' 50"	105° 43' 25"	F-48-44-A-b
thôn Phia Đeng (Phja Đeng)	DC	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm	22° 32' 02"	105° 40' 48"					F-48-32-C
khuổi Thao	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 32' 17"	105° 44' 01"	22° 31' 50"	105° 43' 25"	F-48-32-C
khuổi Ún	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 31' 38"	105° 40' 53"	22° 30' 39"	105° 43' 11"	F-48-32-C
khuổi Vi	TV	xã Nghiêm Loan	H. Pác Nặm			22° 32' 12"	105° 41' 06"	22° 30' 54"	105° 42' 14"	F-48-32-C
suối Bàn Sláng	TV	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm			22° 39' 39"	105° 38' 35"	22° 38' 22"	10° 54' 04"	F-48-32-C
thôn Khuổi Ó	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 38' 10"	105° 39' 43"					F-48-32-C
thôn Nà Bè	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 39' 22"	105° 38' 20"					F-48-32-C
thôn Nà Mèo	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 38' 13"	105° 39' 14"					F-48-32-C
thôn Phai Khim	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 39' 04"	105° 38' 53"					F-48-32-C
thôn Phiêng Dầy (Phịng Dầy)	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 40' 55"	105° 36' 40"					F-48-32-C
núi Phiêng Dầy (Phịng Dầy)	SV	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 41' 45"	105° 36' 40"					F-48-32-C
thôn Phiêng Tạc (Phịng Tạc)	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 40' 37"	105° 37' 52"					F-48-32-C
núi Pù Cốc Ít	SV	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 40' 14"	105° 39' 51"					F-48-32-C
thôn Vi Lạp	DC	xã Nhan Môn	H. Pác Nặm	22° 39' 54"	105° 38' 31"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
thôn Bản Sláp	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 36' 32"	105° 41' 53"					F-48-32-C
thôn Cộn Luông	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 35' 20"	105° 41' 10"					F-48-32-C
đèo Kéo Páo (Kéo Pjáo)	SV	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 35' 43"	105° 41' 10"					F-48-32-C
thôn Lũng Muổng	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 35' 56"	105° 42' 04"					F-48-32-C
thôn Nà An	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 34' 52"	105° 41' 53"					F-48-32-C
thôn Nà Vài	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 36' 58"	105° 41' 38"					F-48-32-C
núi Phia Đeng (Phja Đeng)	SV	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 32' 39"	105° 40' 26"					F-48-32-C
thôn Thôm Mèo	DC	xã Xuân La	H. Pác Nặm	22° 33' 54"	105° 42' 07"					F-48-32-C

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Linh Ngọc